

# BTAP

*Minh bạch vì Công bằng và Phát triển*

**POBI**  
PROVINCIAL OPEN BUDGET INDEX

**2020**

## CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH

Đo lường mức độ công khai  
thông tin ngân sách địa phương

## TÀI LIỆU HỘI THẢO

**HÀ NỘI 06.2021**

**VEPR**

Thành viên  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ



**KONRAD  
ADENAUER  
STIFTUNG**

**OXFAM**

## CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO TRỰC TUYẾN CÔNG BỐ CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH POBI 2020

*Thời gian: 09h00 - 11h30, Thứ Năm, ngày 03 tháng 06 năm 2021*

| Thời gian     | Hoạt động  |
|---------------|--|
| 09:00 – 09:05 | <b>Giới thiệu</b>  |
| 09:05 – 09:20 | <b>Phát biểu khai mạc</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- TS. Nguyễn Quốc Việt, Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)</li> <li>- Ông Peter Girke, Trưởng đại diện Văn phòng KAS tại Việt Nam</li> </ul>   |
| 09:20 – 10:20 | <b>Ý nghĩa của chỉ số POBI trong quá trình nâng cao minh bạch ngân sách ở Việt Nam</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông Nguyễn Quang Thương, Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI) - Cơ quan điều phối Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP)</li> </ul> <b>Tại sao Oxfam ủng hộ BTAP thực hiện POBI?</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Tổ chức Oxfam Việt Nam</li> </ul> <b>Công bố Chỉ số Công khai ngân sách tỉnh POBI 2020</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PGS. TS. Vũ Sỹ Cường, Đại diện Nhóm Nghiên cứu</li> </ul>  |
| 10:20 – 11:20 | <b>Thảo luận mở với các khách mời:</b><br><b>Khách mời:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện Vụ Ngân sách Nhà nước, Bộ Tài chính bình luận về kết quả POBI 2020</li> <li>- Đại diện Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chia sẻ về kinh nghiệm thực hiện minh bạch ngân sách tỉnh</li> <li>- Ông Trịnh Tiến Dũng, Nguyên Trưởng ban Quản trị quốc gia UNDP Việt Nam chia sẻ về kinh nghiệm quốc tế trong minh bạch ngân sách</li> <li>- Ông Nguyễn Quang Thương, Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI) trao đổi với khách mời và người tham dự</li> </ul> <b>Điều phối thảo luận:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PGS. TS. Vũ Sỹ Cường, Chuyên gia Tài chính công</li> </ul> |
| 11:20 – 11:30 | <b>Bế mạc chương trình</b>   |

❖ Quét mã QR Code để tham dự Hội thảo online



# CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH POBI 2020

Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI)  
Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)  
Hà Nội, 03/06/2021

1

## | NỘI DUNG

PHẦN I. GIỚI THIỆU POBI 2020

PHẦN II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT POBI 2020

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

2

2

## PHẦN I. GIỚI THIỆU POBI 2020

3

### MỤC TIÊU VÀ TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN

#### Mục tiêu

- ❖ Thúc đẩy sự minh bạch, giải trình và quản lý ngân sách công; tạo động lực cạnh tranh giữa các tỉnh thu hút đầu tư.
- ❖ Gia tăng mức độ công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình ở cấp cao hơn (trung ương) và cấp thấp hơn (huyện, xã).
- ❖ Niềm tin của công chúng đối với việc quản lý ngân sách nhà nước tại cấp tỉnh.



4

4

## CÁC TIÊU CHÍ CÔNG KHAI THEO CHUẨN QUỐC TẾ (OBI) ĐƯỢC ÁP DỤNG CHO POBI 2020



| Tính sẵn có  | Tính kịp thời   | Tính đầy đủ  | Tính thuận tiện  | Tính tin cậy   | Tính liên tục  |
|--|---|--|--|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Miễn phí</li> <li>Mọi công dân đều có thể tiếp cận</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tài liệu phải được công bố theo đúng thời gian quy định</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tài liệu công bố phải đầy đủ biểu mẫu theo quy định tại Thông tư</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cổng TTĐT sở Tài chính có thư mục CKNS</li> <li>Định dạng tài liệu dễ dàng sử dụng</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh chênh lệch giữa dự toán đầu năm và quyết toán</li> <li>So sánh mức thay đổi chi thường xuyên cho y tế, giáo dục với thay đổi tổng chi thường xuyên</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tài liệu được công bố liên tục trong ba năm gần nhất</li> </ul> |

5

5

## CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ CÔNG KHAI NSNN



- Luật Ngân sách Nhà nước 2015
- Luật Tiếp cận Thông tin
- Luật Quản lý nợ công
- Luật Đầu tư công
- Thông lệ tốt của quốc tế về công khai, minh bạch ngân sách



**343/2016/TT-BTC**  
 Hướng dẫn thực hiện công khai NSNN

Từ Điều 7 đến Điều 10,  
 Thông tư 343/2016/TT-BTC

6

6

## THAY ĐỔI SO VỚI POBI 2019



- ❖ Các câu hỏi về **tính tin cậy** của tài liệu dự toán được duyệt đầu năm và số quyết toán cuối năm, thay đổi mức chi thường xuyên cho y tế, dân số và giáo dục với thay đổi tổng chi thường xuyên.
- ❖ Chấm điểm về tính liên tục trong 3 năm trở lại đây của các tài liệu được công khai gồm: dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh, dự toán đã được duyệt và quyết toán ngân sách.
- ❖ Chấm điểm báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với các kết quả kiểm toán một trong các năm 2017, 2018 hoặc 2019.
- ❖ Ngoài ra còn một số thay đổi khác đối với các tài liệu không chấm điểm POBI 2020.

7

7

## BỘ CÂU HỎI KHẢO SÁT POBI 2020



Rà soát và Kiểm định mức Độ sẵn có (Availability) của 11 loại tài liệu cần công khai.

1. Dự thảo Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh
2. Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định
3. Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1
4. Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2
5. Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3
6. Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019
8. Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân
9. Danh mục dự án đầu tư công năm 2021
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019

8

8

**THỜI ĐIỂM ÁP DỤNG VÀ SỐ LƯỢNG CÂU HỎI ĐỐI VỚI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH TÍNH ĐIỂM POBI 2020**



| Tài liệu  | Số câu hỏi | Năm ngân sách           |
|---|------------|-------------------------|
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh                      | 15         | NS 2021                 |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định                              | 13         | NS 2021                 |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1   | 8          | Quý 1/2020              |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm                               | 8          | Quý 2/2020              |
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 3   | 8          | Quý 3/2020              |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh                        | 8          | NS 2020                 |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn                            | 17         | NS 2019                 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân   | 2          | NS 2020                 |
| 9. Danh mục dự án đầu tư công   | 2          | NS 2020                 |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh  | 1          | NS 2020                 |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019 | 1          | NS 2017, 2018 hoặc 2019 |

9

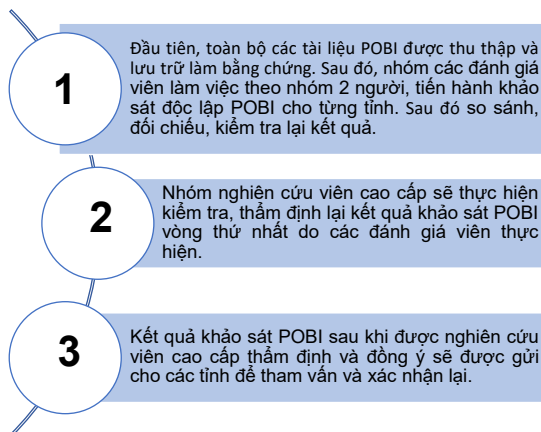
9

**PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT POBI 2020**



Phương pháp

- ❖ Rà soát các văn bản được công bố trên các website của tỉnh bao gồm:
  - Website UBND tỉnh
  - Website Sở Tài chính
  - Website HĐND tỉnh
- ❖ **POBI 2020** được tiến hành qua ba vòng khảo sát:



Kết quả khảo sát POBI cuối cùng là sự tổng hợp của ba vòng khảo sát trên.

10

10

## PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM POBI 2020



Mức độ công khai minh bạch của các tài liệu ngân sách.

### Gồm các tiêu chí liên quan đến:

- Tình trạng công khai và hình thức công khai.
- Thời điểm công khai.
- Nội dung cụ thể của các tài liệu ngân sách: gồm số liệu về các nhóm thu, chi, nợ, đầu tư.
- So sánh quyết toán và dự toán.
- So sánh với cùng kỳ năm trước.

### ❖ Các câu hỏi chỉ có hai đáp án:

- Nếu chọn đáp án (a): 100 điểm
- Nếu chọn đáp án (b): Không có điểm

### ❖ Các câu hỏi có ba đáp án:

- Chọn đáp án (a): 100 điểm
- Chọn đáp án (b): 50 điểm
- Chọn đáp án (c): Không có điểm

### ❖ Các câu hỏi có bốn phương án trả lời:

- Chọn đáp án (a): 100 điểm
- Chọn đáp án (b): 67 điểm
- Chọn đáp án (c): 33 điểm
- Chọn đáp án (d): Không có điểm

11

11

## TÍNH ĐIỂM POBI 2020



| Trụ cột<br>MỨC ĐỘ MINH BẠCH   | Trụ cột<br>SỰ THAM GIA  |
|---|---|
| <b>85</b> câu hỏi tính điểm<br>Trong đó:<br>- <b>75</b> câu hỏi về tính đầy đủ, sẵn có, kịp thời, tin cậy và liên tục<br>- <b>10</b> câu hỏi về tính thuận tiện | <b>11</b> câu hỏi tính điểm<br>Trong đó:<br>- 3 câu hỏi về mức độ phản hồi thông tin của Sở Tài chính tính đối với câu hỏi/yêu cầu cung cấp thông tin của nhóm nghiên cứu<br>- 8 câu hỏi về câu hỏi về mức độ tạo điều kiện để người dân tham gia vào chu trình ngân sách tại cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính, và qua tiếp các ký họp tiếp xúc cử tri |

### ❖ Xếp hạng công khai ngân sách:

- Mức D: Từ 0- đến 25% tổng số điểm POBI
- Mức C: Từ 26% tới 50% tổng số điểm POBI
- Mức B: Từ 51% đến 75% tổng số điểm POBI
- Mức A: Từ 76% đến 100% tổng số điểm POBI

12

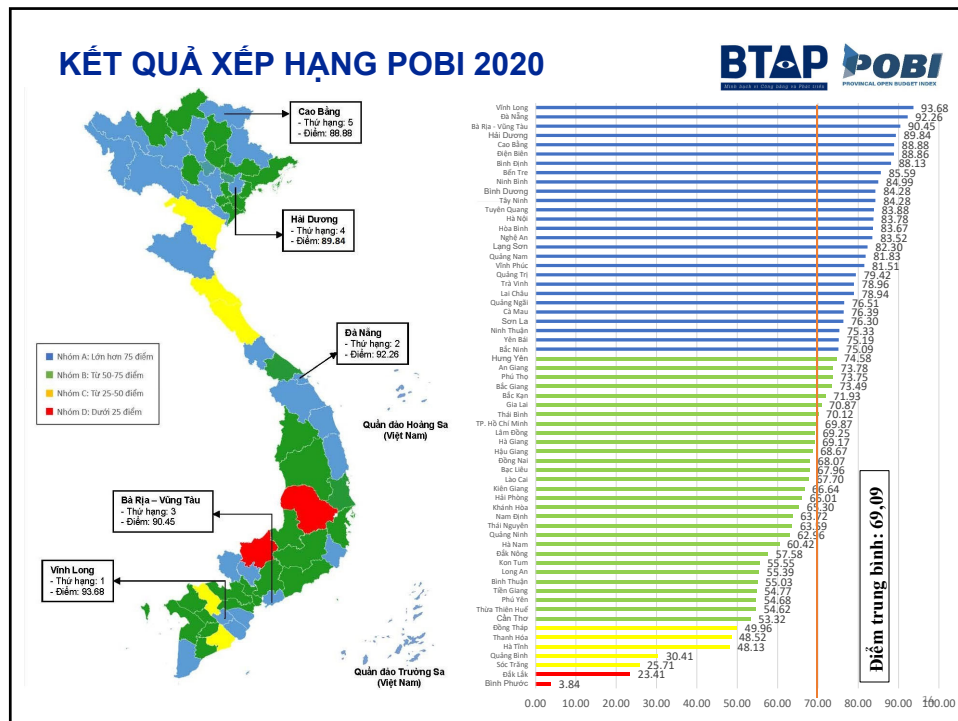
12



## PHẦN II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT POBI 2020



13



14

## XẾP HẠNG POBI 2020 THEO 7 VÙNG ĐỊA LÝ



| Vùng | Trung du & miền núi Bắc bộ |       | ĐBSH              |       | Bắc Trung bộ   |       | Duyên hải Nam trung bộ |       |
|------|----------------------------|-------|-------------------|-------|----------------|-------|------------------------|-------|
|      | STT                        | Tỉnh  | Điểm              | Tỉnh  | Điểm           | Tỉnh  | Điểm                   | Tỉnh  |
| 1    | Cao Bằng                   | 88.88 | Hải Dương         | 89.84 | Nghệ An        | 83.52 | Đà Nẵng                | 92.26 |
| 2    | Điện Biên                  | 88.86 | Ninh Bình         | 84.99 | Quảng Trị      | 79.42 | Bình Định              | 88.13 |
| 3    | Tuyên Quang                | 83.88 | Hà Nội            | 83.78 | Thừa Thiên Huế | 54.62 | Quảng Nam              | 81.83 |
| 4    | Hòa Bình                   | 83.67 | Vĩnh Phúc         | 81.51 | Thanh Hóa      | 48.52 | Quảng Ngãi             | 76.51 |
| 5    | Lang Sơn                   | 82.3  | Bắc Ninh          | 75.09 | Hà Tĩnh        | 48.13 | Ninh Thuận             | 75.53 |
| 6    | Lai Châu                   | 78.94 | Hưng Yên          | 74.58 | Quảng Bình     | 30.41 | Khánh Hòa              | 65.3  |
| 7    | Sơn La                     | 76.3  | Thái Bình         | 70.12 |                |       | Bình Thuận             | 55.03 |
| 8    | Yên Bái                    | 75.19 | Hải Phòng         | 66.01 |                |       | Phủ Yên                | 54.68 |
| 9    | Phú Thọ                    | 73.75 | Nam Định          | 63.72 |                |       |                        |       |
| 10   | Bắc Giang                  | 73.49 | Quảng Ninh        | 62.96 |                |       |                        |       |
| 11   | Bắc Kạn                    | 71.93 | Hà Nam            | 60.42 |                |       |                        |       |
| 12   | Hà Giang                   | 69.17 |                   |       |                |       |                        |       |
| 13   | Lào Cai                    | 67.7  |                   |       |                |       |                        |       |
| 14   | Thái Nguyên                | 63.59 |                   |       |                |       |                        |       |
| Vùng | Tây Nguyên                 |       | Đông Nam Bộ       |       | ĐBSCL          |       |                        |       |
| STT  | Tỉnh                       | Điểm  | Tỉnh              | Điểm  | Tỉnh           | Điểm  |                        |       |
| 1    | Gia Lai                    | 70.87 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 90.45 | Vĩnh Long      | 93.68 |                        |       |
| 2    | Lâm Đồng                   | 69.25 | Tây Ninh          | 84.28 | Bến Tre        | 85.59 |                        |       |
| 3    | Đắk Nông                   | 57.58 | Bình Dương        | 84.28 | Trà Vinh       | 78.96 |                        |       |
| 4    | Kon Tum                    | 55.55 | TP. Hồ Chí Minh   | 69.87 | Cà Mau         | 76.39 |                        |       |
| 5    | Đắk Lắk                    | 23.41 | Đồng Nai          | 68.07 | An Giang       | 73.78 |                        |       |
| 6    |                            |       | Bình Phước        | 3.84  | Hậu Giang      | 68.67 |                        |       |
| 7    |                            |       |                   |       | Bạc Liêu       | 67.96 |                        |       |
| 8    |                            |       |                   |       | Kiên Giang     | 66.64 |                        |       |
| 9    |                            |       |                   |       | Long An        | 55.39 |                        |       |
| 10   |                            |       |                   |       | Tiền Giang     | 54.77 |                        |       |
| 11   |                            |       |                   |       | Cần Thơ        | 53.32 |                        |       |
| 12   |                            |       |                   |       | Đồng Tháp      | 49.96 |                        |       |
| 13   |                            |       |                   |       | Sóc Trăng      | 25.71 |                        |       |

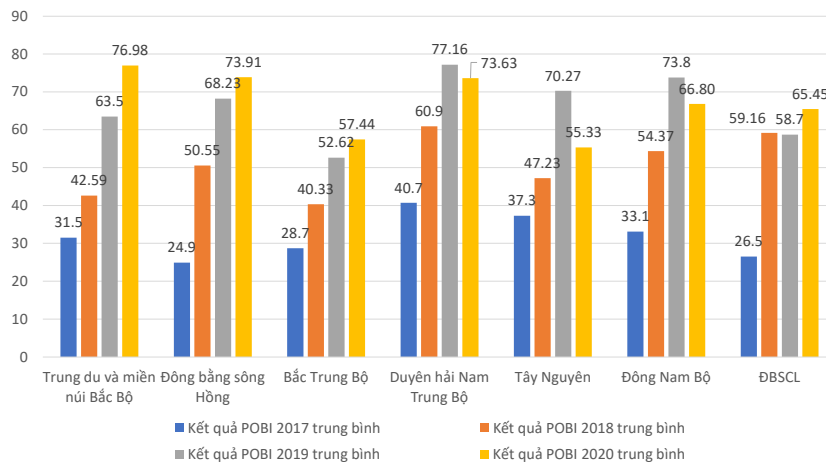
15

15

## XẾP HẠNG POBI 2020 THEO 7 VÙNG ĐỊA LÝ



### Điểm trung bình từng vùng



16

16

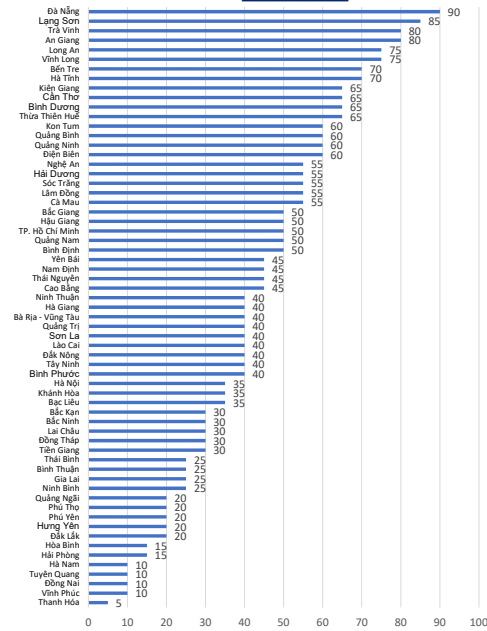
## SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN



### Tổng quan

Nhìn chung các tỉnh vẫn ít tạo điều kiện để người dân tham gia vào quá trình công khai minh bạch ngân sách:

- Số điểm quy đổi trung bình của 63 tỉnh thành phố là **39,25** điểm
- **Đà Nẵng** đạt điểm số cao nhất với **90** điểm
- Thanh Hóa là tỉnh có số điểm thấp nhất cả nước (5 điểm)
- Có **14** trong số 63 tỉnh thành phần hỏi qua email liên hệ, bao gồm: : **Vĩnh Long, Hồ Chí Minh, Thái Nguyên, Thừa Thiên Huế, Sơn La, Sóc Trăng, Quảng Nam, Lạng Sơn, Lâm Đồng, Đà Nẵng, Cao Bằng, Cần Thơ, Bình Dương và Bến Tre.**



## SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN



### Đối với các tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND

POBI 2020 cũng tiến hành chấm điểm đối với các tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND trên trang các cổng thông tin điện tử của tỉnh:

- Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm cả báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 và dự thảo dự toán 2021) và Báo cáo tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh năm 2020 là hai tài liệu được công khai nhiều nhất với **29 tỉnh** có công khai, tương đương với **46,03%**.
- Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) tỉnh có **24 tỉnh** công khai, tương đương với **38,09%**.
- Chỉ có **18 tỉnh (28,57%)** công khai Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020).

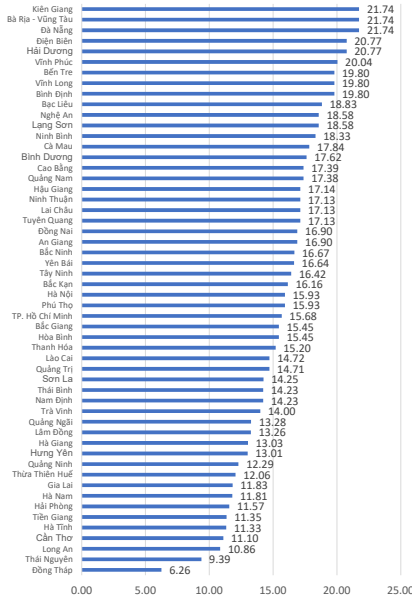
## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



### Dự thảo Dự toán ngân sách tỉnh 2021

| Nội dung                            | POBI 2019    | POBI 2020    |
|-------------------------------------|--------------|--------------|
| Số tỉnh công bố                     | 54 (85,71 %) | 54 (85,71 %) |
| Số tỉnh công bố đúng hạn            | 36 (57,14 %) | 47 (74,60 %) |
| Số tỉnh công bố đầy đủ 13 bảng biểu | 18 (28,57 %) | 26 (41,27 %) |

- Số điểm tối đa: **21,74**
- **54** tỉnh công khai
- **3** tỉnh đạt điểm cao nhất: **Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu và Đà Nẵng (21,74 điểm)**
- Mức độ công khai dự thảo dự toán ngân sách năm trình HĐND có cải thiện so với kết quả POBI 2019.



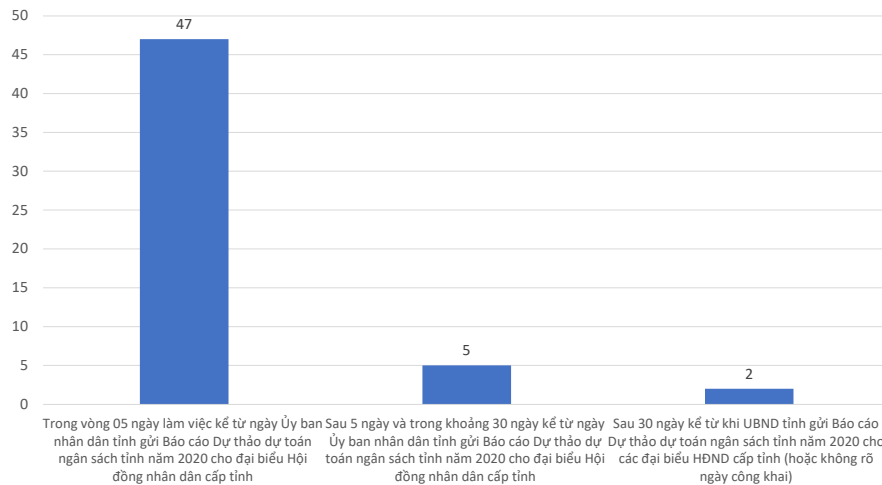
19

19

## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



### Thời gian công bố tài liệu Dự thảo Dự toán ngân sách tỉnh 2020



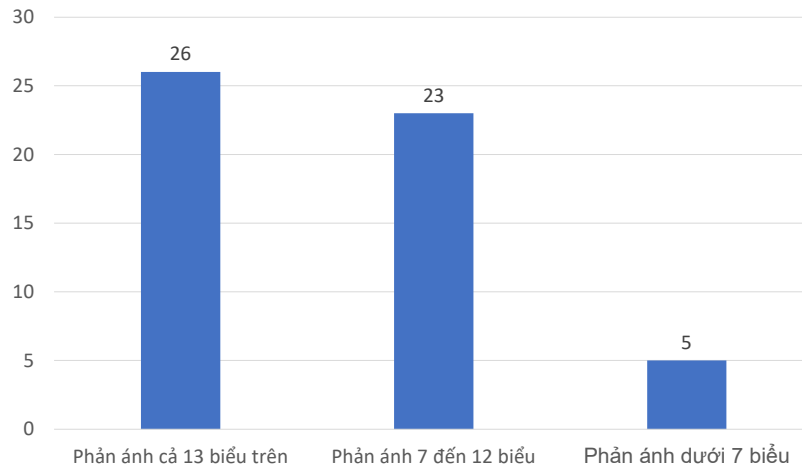
20

20

## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



Mức độ đầy đủ các bảng biểu trong Dự thảo Dự toán ngân sách tỉnh 2020



21

21

## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



Mức độ đầy đủ các bảng biểu của Dự thảo Dự toán ngân sách tỉnh 2021

- POBI 2020 chấm điểm đầy đủ trong việc công khai nội dung các bảng biểu:
  - *Biểu số 33 – biểu về Cân đối ngân sách: 69,8%* (tương đương **44 tỉnh**) phản ánh đầy đủ cả năm mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
  - *Biểu số 35 – biểu về Dự toán thu NSNN: 36,5%* (tương đương **23 tỉnh**) phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (bao gồm 18 mục nhỏ) và chi tiết theo từng loại thuế.
  - *Biểu số 39 – biểu về Dự toán chi đầu tư phát triển: có 46,1%* (tương đương **29 tỉnh**) phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho các lĩnh vực theo quy định.

22

22

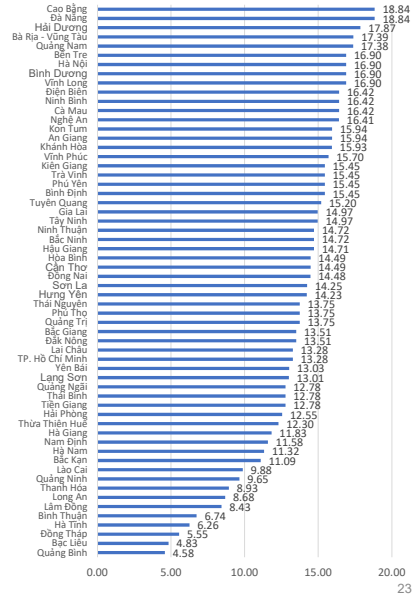
## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



### Dự toán ngân sách tỉnh 2021

| Nội dung                            | POBI 2019  | POBI 2020  |
|-------------------------------------|------------|------------|
| Số tỉnh công bố đúng hạn            | 58 (92,1%) | 60 (95,2%) |
| Số tỉnh công bố đầy đủ 13 bảng biểu | 35 (55,6%) | 49 (77,8%) |
| Số tỉnh công bố đúng hạn            | 27 (42,9%) | 28 (44,4%) |

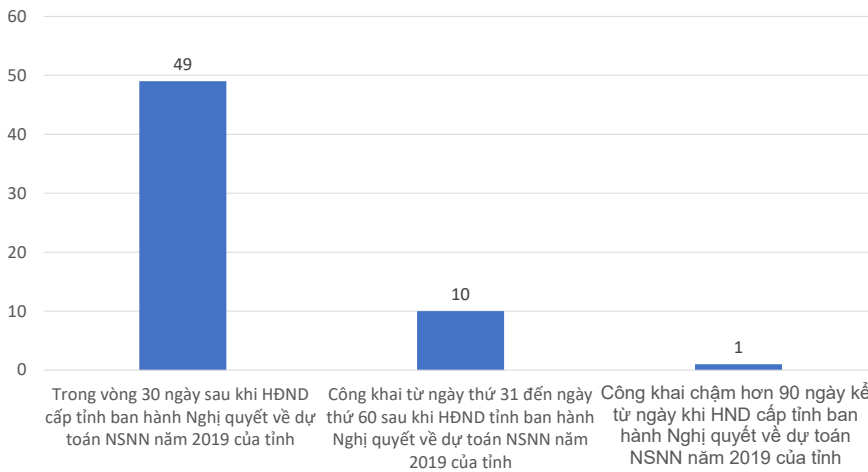
- Số điểm tối đa: **18,84**
- **Cao Bằng** và **Đà Nẵng** đạt điểm tối đa
- Là tài liệu **được công khai nhiều nhất** (58 tỉnh)
- Số tỉnh công bố đúng hạn là **35 tỉnh**, ít hơn so với POBI 2018 (39 tỉnh)



## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



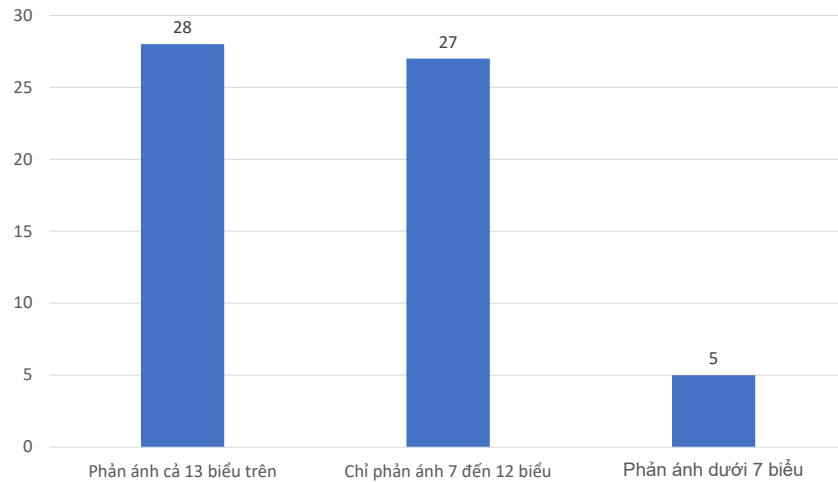
### Thời gian công bố tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh 2021



## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



Mức độ đầy đủ các bảng biểu trong Dự toán ngân sách tỉnh 2021



25

25

## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



Mức độ đầy đủ các bảng biểu trong Dự toán ngân sách tỉnh 2021

POBI 2020 chấm điểm đầy đủ trong việc công khai nội dung các bảng biểu:

- *Biểu số 46 – biểu về Cân đối ngân sách: 74,7%* (tương đương **47 tỉnh**, tăng 5 tỉnh so với POBI 2019) phản ánh đầy đủ cả năm mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- *Biểu số 48 – biểu về Dự toán thu NSNN: 49,3%* (tương đương **31 tỉnh**, tăng 7 tỉnh so với POBI 2019) phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (bao gồm 18 mục nhỏ) và chi tiết theo từng loại thuế.
- *Biểu số 52 – biểu về Dự toán chi đầu tư phát triển: 57,1%* (tương đương **36 tỉnh**, tăng 2 tỉnh so với POBI 2019) phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho các lĩnh vực theo quy định.

26

26

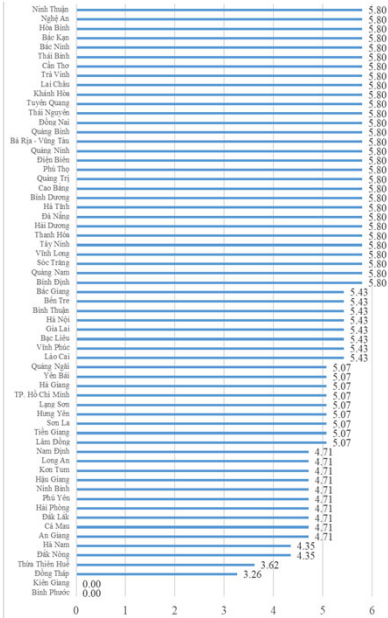
## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



### Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1/2020

| Nội dung                            | POBI 2019  | POBI 2020  |
|-------------------------------------|------------|------------|
| Số tỉnh công bố                     | 58 (92,1%) | 60 (95,2%) |
| Số tỉnh công bố đúng hạn            | 27 (42,9%) | 48 (76,2%) |
| Số tỉnh công bố đầy đủ 13 bảng biểu | 53 (84,1%) | 58 (88,9%) |

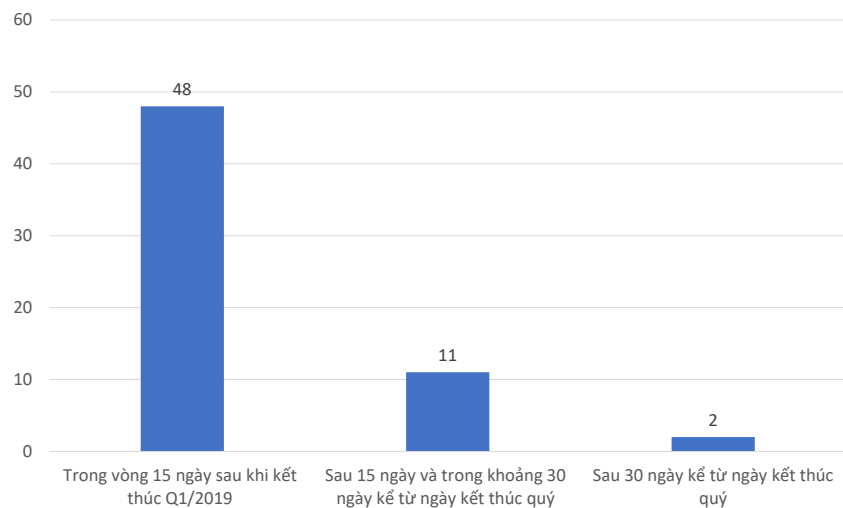
- Số điểm tối đa: **5,80**
- Có tỉ lệ số tỉnh công bố cao nhất trong các loại tài liệu, cụ thể **61/63 tỉnh** (tương đương **96,8%**)
- Có 30 tỉnh đạt điểm tối đa bao gồm: **Bình Định, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Bình Dương, Cần Thơ, Cao Bằng, Đà Nẵng, Điện Biên, Đồng Nai, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hòa Bình, Khánh Hòa, Lai Châu, Nghệ An, Ninh Thuận, Phú Thọ, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sóc Trăng, Tây Ninh, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Trà Vinh, Tuyên Quang, Vĩnh Long.**



## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



### Thời gian công bố tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1/2020

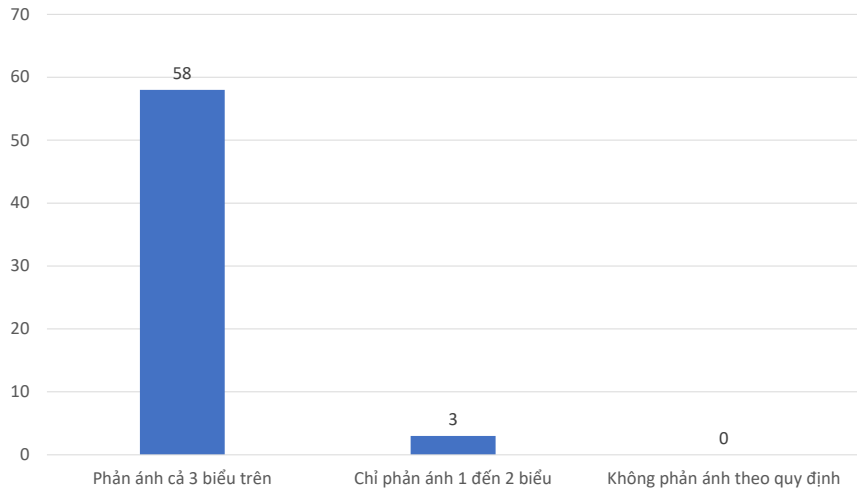




## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



Mức độ đầy đủ các bảng biểu trong tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1/2020



29

29

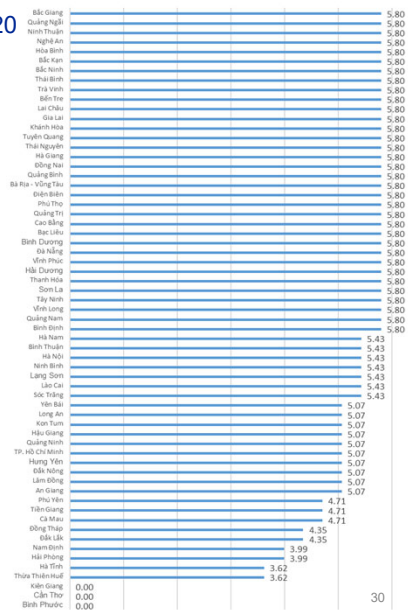
## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2/2020

| Nội dung                            | POBI 2019  | POBI 2020  |
|-------------------------------------|------------|------------|
| Số tỉnh công bố                     | 58 (92,1%) | 60 (95,2%) |
| Số tỉnh công bố đúng hạn            | 27 (42,9%) | 51 (80,9%) |
| Số tỉnh công bố đầy đủ 13 bảng biểu | 52 (82,5%) | 57 (90,5%) |

- Số điểm tối đa: **5.80**
- Là tài liệu có tỉ lệ công bố tương đối cao (**60/63** tỉnh)
- Có 34 tỉnh đạt điểm tối đa bao gồm: **Bình Định, Quảng Nam, Vĩnh Long, Tây Ninh, Sơn La, Thanh Hóa, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Đà Nẵng, Bình Dương, Bạc Liêu, Cao Bằng, Quảng Trị, Phú Thọ, Điện Biên, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Bình, Đồng Nai, Hà Giang, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Khánh Hòa, Gia Lai, Lai Châu, Bến Tre, Trà Vinh, Thái Bình, Bắc Ninh, Bắc Kạn, Hòa Bình, Nghệ An, Ninh Thuận, Quảng Ngãi, Bắc Giang.**



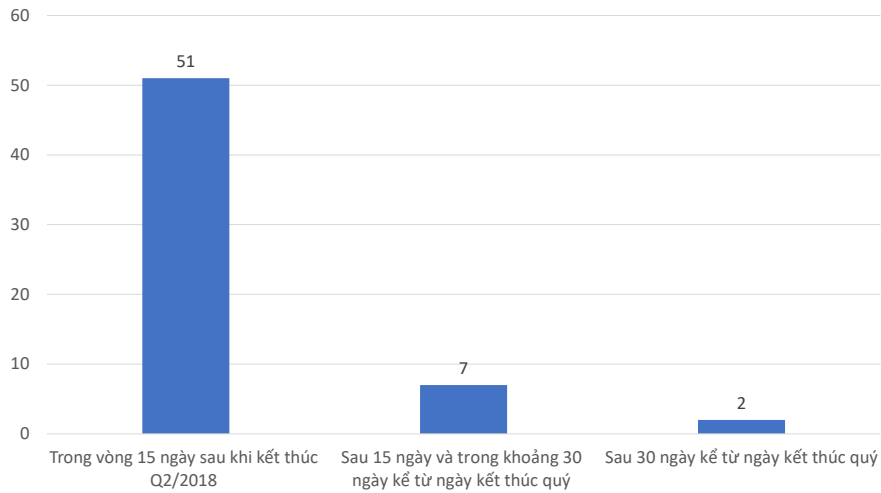
30

30

## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



Thời gian công bố tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2/2020



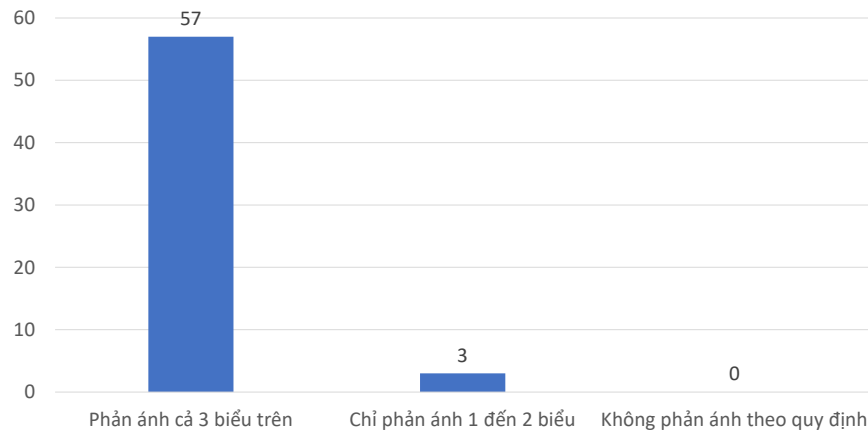
31

31

## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



Mức độ đầy đủ các bảng biểu trong tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2/2020



32

32

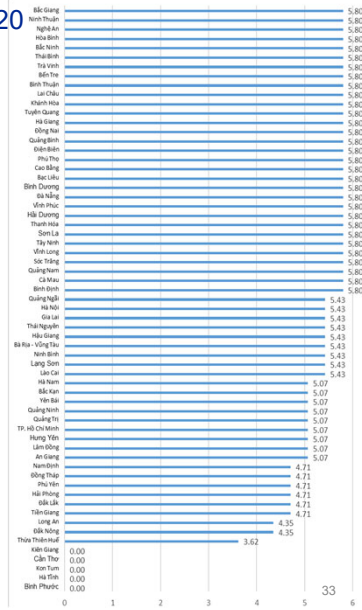
## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



### Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3/2020

| Nội dung                            | POBI 2019  | POBI 2020  |
|-------------------------------------|------------|------------|
| Số tỉnh công bố                     | 55 (87,3%) | 58 (92,1%) |
| Số tỉnh công bố đúng hạn            | 32 (50,8%) | 47 (76,2%) |
| Số tỉnh công bố đầy đủ 13 bảng biểu | 53 (84,1%) | 56 (88,9%) |

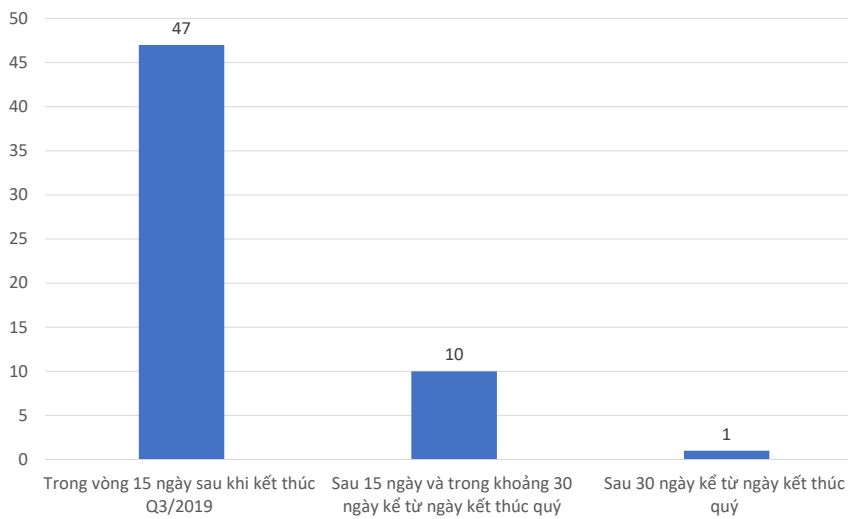
- Số điểm tối đa: **5.80**
- Là tài liệu có tỉ lệ công bố tương đối cao (**58/63** tỉnh)
- Có 31 tỉnh đạt điểm tối đa bao gồm: : **Bình Định, Bắc Giang, Bạc Liêu, Bắc Ninh, Bến Tre, Bình Dương, Bình Thuận, Cà Mau, Cao Bằng, Đà Nẵng, Điện Biên, Đồng Nai, Hà Giang, Hải Dương, Hòa Bình, Khánh Hòa, Lai Châu, Nghệ An, Ninh Thuận, Phú Thọ, Quảng Bình, Quảng Nam, Sơn La, Tây Ninh, Thái Bình, Thanh Hóa, Trà Vinh, Tuyên Quang, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc.**



## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



### Thời gian công bố tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3/2020

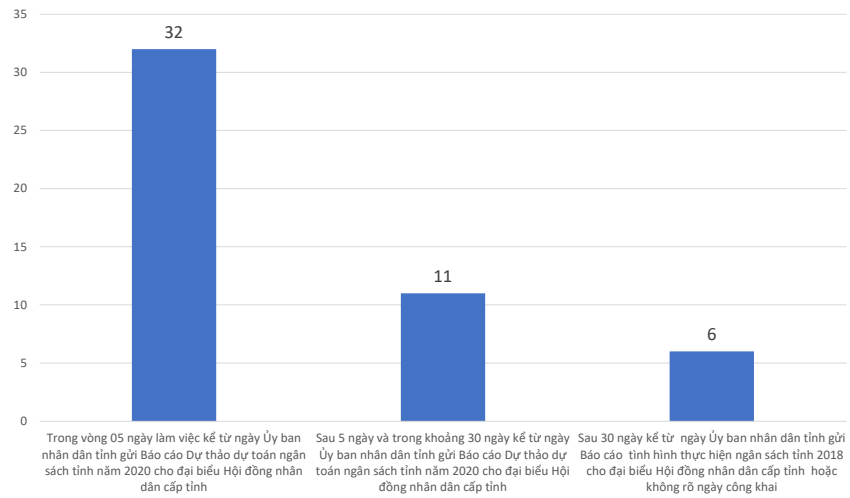




## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



### Thời gian công bố tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020



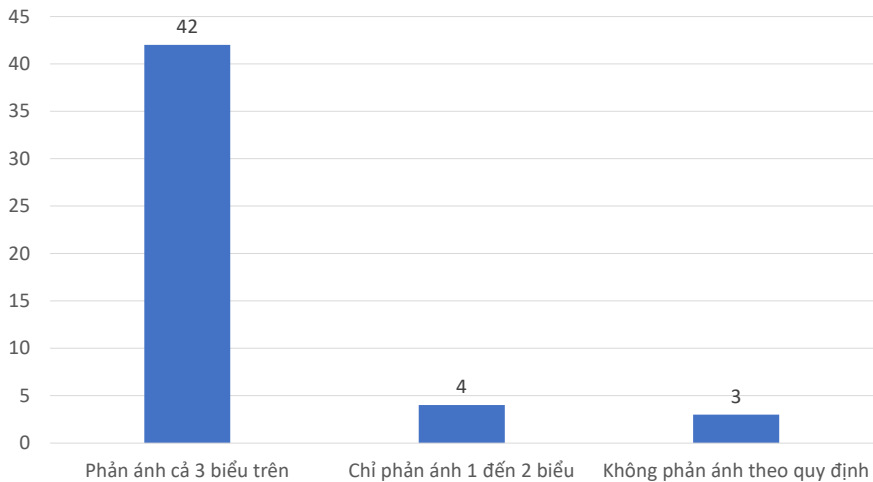
37

37

## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



### Mức độ đầy đủ các bảng biểu trong tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020



38

38

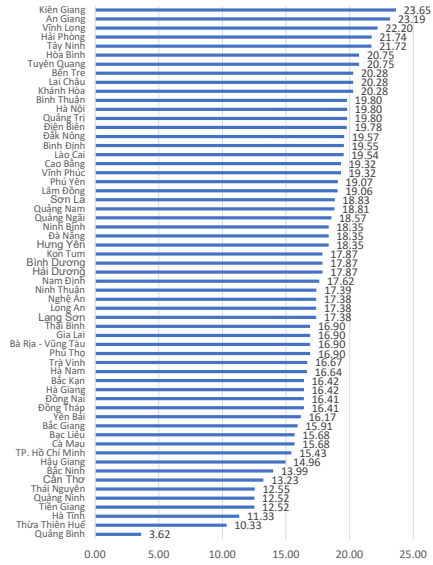
## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



### Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019

| Nội dung                           | POBI 2019  | POBI 2020  |
|------------------------------------|------------|------------|
| Số tỉnh công bố                    | 57 (90,5%) | 59 (30,7%) |
| Số tỉnh công bố đúng hạn           | 40 (63,5%) | 50 (79,4%) |
| Số tỉnh công bố đầy đủ 3 bảng biểu | 46 (73,0%) | 50 (79,4%) |

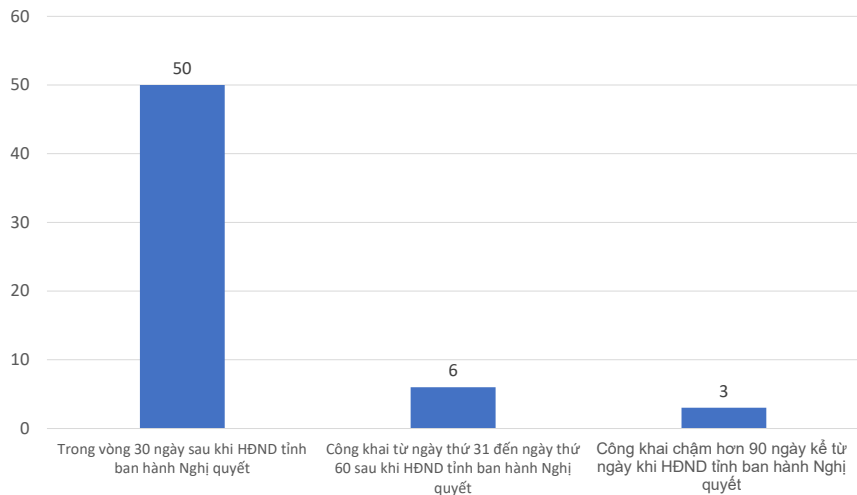
- Số điểm tối đa: **24,64 điểm**
- Là tài liệu có tỉ lệ công bố cao (**59/63 tỉnh**)
- Không có tỉnh nào đạt điểm tối đa. Một số tỉnh có số điểm tương đối cao như **Kiên Giang (23,65 điểm)**, **An Giang (22,20 điểm)** và **Vĩnh Long (22,20 điểm)**



## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



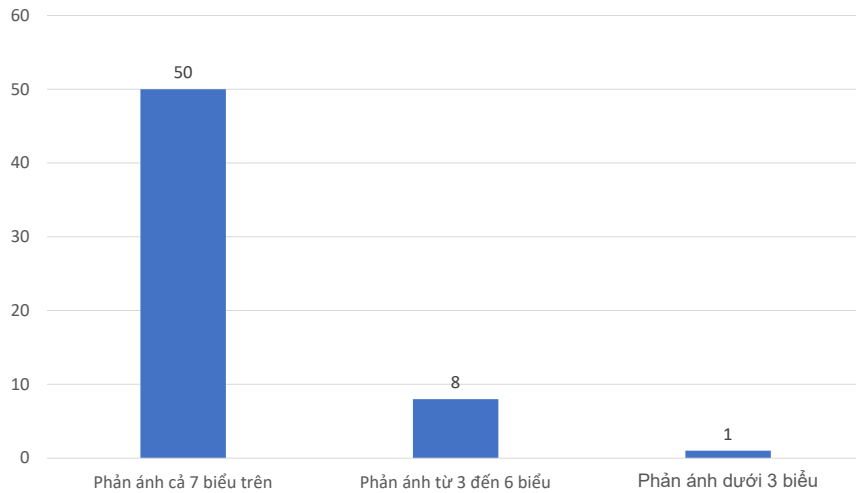
### Thời gian công bố Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019



## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



Mức độ đầy đủ các bảng biểu trong Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019



41

41

## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



Mức độ đầy đủ các bảng biểu trong Quyết toán ngân sách tỉnh 2019

- POBI 2020 chấm điểm đầy đủ trong việc công khai nội dung các bảng biểu:
  - *Biểu số 62 – biểu về Cân đối ngân sách: 79,4%* (tương đương **50 tỉnh**) phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
  - *Biểu số 63 – biểu về Quyết toán thu NSNN: 57,1%* (tương đương **36 tỉnh**) phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (bao gồm 18 mục nhỏ) và chi tiết theo từng loại thuế.
  - *Biểu số 65 – biểu về Quyết toán chi NSNN: 79,4%* (tương đương **50 tỉnh**) phản ánh đầy đủ các mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định.

42

42

## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



### Báo cáo ngân sách công dân

- Các tỉnh có công bố báo cáo ngân sách công dân trong khảo sát POBI 2020, bao gồm: **Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Định, Bình Dương, Cao Bằng, Đà Nẵng, Điện Biên, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Hoà Bình, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Ninh Bình, Ninh Thuận, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Tây Ninh, Hồ Chí Minh, Trà Vinh, Tuyên Quang và Vĩnh Long.**
- Trong số các tỉnh có công khai báo cáo ngân sách dành cho công dân, có **16** tỉnh công khai trong vòng 30 ngày sau khi HĐND cấp tỉnh ban hành Nghị quyết, tăng 5 tỉnh so với kết quả chấm của POBI 2019.
- Có **1** tỉnh công khai muộn và **1** tỉnh không xác định được rõ ngày công khai tài liệu.

43

43

## CÔNG KHAI CÁC LOẠI TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



### Báo cáo tình hình nợ công và danh mục đầu tư công

#### Đối với danh mục dự án đầu tư công năm 2021

- Là tài liệu được các tỉnh công khai tương đối đầy đủ với **51** tỉnh công khai (tương đương với **80,95%**)
- Trong số **51** tỉnh có công khai kế hoạch đầu tư công năm 2021, có 50 tỉnh (tương đương **79,36%** trong tổng số 63 tỉnh) công bố tài liệu đi kèm với ngày công khai, **1** tỉnh (tương đương **1,58%** trong tổng số 63 tỉnh) có công bố tài liệu nhưng không đi kèm với ngày công khai trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh.

#### Đối với Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh trong năm 2020 hoặc 2021

- Có **30** tỉnh (tương đương **47,61%**) công bố tài liệu này, giảm **1** tỉnh so với kết quả của báo cáo POBI 2019.
- Có **23** tỉnh (tương đương **36,5%**) công bố tài liệu và chi tiết (i) Số dư nợ đầu năm (chi tiết theo từng nguồn vay); (ii) Số vay trong năm (chi tiết vay trả nợ gốc, vay để bù đắp bội chi); (iii) Số trả nợ trong năm (chi trả nợ lãi, phí và các chi phí khác liên quan đến các khoản vay của chính quyền địa phương; chi trả nợ gốc); và (iv) Số dư nợ cuối năm (chi tiết theo từng nguồn vay).

44

44



## TÍNH TIN CẬY CỦA MỘT SỐ TÀI LIỆU NGÂN SÁCH

### Tài liệu Dự thảo trình 2021

Đối với tài liệu dự thảo dự toán năm 2021 trình HĐND tỉnh, chỉ có 26 tỉnh (41,27%) có mức chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho GDĐT và 19 tỉnh (30,16%) có mức chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho y tế, dân số tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn) so với mức tăng/giảm tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh trong dự toán được duyệt năm 2020.

**So sánh % Thay đổi của chi thường xuyên ngân sách tỉnh hàng năm cho GDĐT và Y tế, dân số so với % thay đổi của tổng chi thường xuyên trong Dự thảo trình 2021 với Dự toán 2020**

|  | Giáo dục đào tạo | Y tế và Dân số |
|--|------------------|----------------|
| Mức tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn)      | 26 (41.27%)      | 19 (30.16%)    |
| Không thay đổi                         | 1 (1.59%)        | 1 (1.59%)      |
| Mức tăng thấp hơn (hoặc giảm mạnh hơn) | 21 (33.33%)      | 26 (41.27%)    |
| Không có số liệu chi tiết              | 6 (9.52%)        | 8 (12.70%)     |

45

45

## TÍNH TIN CẬY CỦA MỘT SỐ TÀI LIỆU NGÂN SÁCH

### Tài liệu Dự toán 2021 đã được phê duyệt

Đối với tài liệu dự toán năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, có 27 tỉnh (42,86%) có mức chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho GDĐT và 25 tỉnh (39,68%) có mức chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho y tế, dân số tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn) so với mức tăng/giảm tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh trong dự toán được duyệt năm 2020.

**So sánh % Thay đổi của chi thường xuyên ngân sách tỉnh hàng năm cho GDĐT và Y tế, dân số so với % thay đổi của tổng chi thường xuyên trong Dự toán 2021 với Dự toán 2020**

|  | Giáo dục đào tạo | Y tế và Dân số |
|--|------------------|----------------|
| Mức tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn)      | 27 (42.86%)      | 25 (39.68%)    |
| Không thay đổi                         | 0 (0.00%)        | 0 (0.00%)      |
| Mức tăng thấp hơn (hoặc giảm mạnh hơn) | 26 (41.27%)      | 27 (42.86%)    |
| Không có số liệu chi tiết              | 7 (11.11%)       | 8 (12.70%)     |

46

46

## TÍNH TIN CẬY CỦA MỘT SỐ TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



### Chênh lệch giữa Dự toán và Quyết toán 2019

Kết quả khảo sát POBI 2019 cho thấy việc lập dự toán ngân sách của các tỉnh năm 2019 chưa đảm bảo tin cậy cho quá trình thực hiện thực tế. Đặc biệt là đối với dự toán thu ngân sách, chỉ có 9 tỉnh có mức chênh lệch giữa số dự toán và số quyết toán dưới 5% trong khi có tới 35 tỉnh có mức chênh lệch trên 15%. Tương tự như vậy, đối với dự toán chi đầu tư phát triển cũng chỉ có 8 tỉnh có mức chênh lệch dưới 5% và 35 tỉnh có mức chênh lệch trên 15%.

| Nội dung                                 | Chênh lệch giữa số Dự toán và Quyết toán 2019 |             |             |             |
|--|---|-------------|-------------|-------------|
|  | Dưới 5%                                       | Từ 5-10%    | Từ 10-15%   | Hơn 15%     |
| Dự toán thu ngân sách                    | 9 (14.29%)                                    | 8 (12.70%)  | 7 (11.11%)  | 35 (55.56%) |
| Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương | 19 (30.19%)                                   | 10 (15.87%) | 7 (11.11%)  | 23 (36.51%) |
| Dự toán chi đầu tư phát triển            | 8 (12.70%)                                    | 5 (7.94%)   | 11 (17.46%) | 35 (55.56%) |
| Dự toán chi thường xuyên                 | 25 (39.68%)                                   | 17 (26.98%) | 10 (15.87%) | 7 (11.11%)  |

47

47

## MỨC ĐỘ LIÊN TỤC CỦA MỘT SỐ TÀI LIỆU NGÂN SÁCH



Kết quả khảo sát cho thấy có 49 tỉnh (77,78%) công bố tài liệu dự thảo trình liên tục trong ba năm, 52 tỉnh (82,54%) công bố tài liệu dự toán đã được duyệt liên tục trong ba năm và 51 tỉnh (80,95%) công bố báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh liên tục trong ba năm.

| Nội dung  | Mức độ liên tục                 |                        |                        |                                       |
|---|---------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------------|
|   | Công khai liên tục trong 03 năm | Công khai trong 02 năm | Công khai trong 01 năm | Không công khai trong 03 năm gần nhất |
| Dự thảo dự toán ngân sách trình HĐND tỉnh           | 49 (77.78%)                     | 7 (11.11%)             | 5 (7.94%)              | 2 (3.17%)                             |
| Dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định | 52 (82.54%)                     | 8 (12.70%)             | 3 (4.76%)              | 0 (0.00%)                             |
| Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh                   | 51 (80.95%)                     | 7 (11.11%)             | 5 (7.94%)              | 0 (0.00%)                             |

48

48

## PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

49

### KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

#### Về tính sẵn có

- Kết quả POBI 2020 cho thấy sự cải thiện về tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc phải công khai.
- Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh vẫn có tỉ lệ công khai tương đối thấp (mức độ công khai còn giảm nhẹ đối với báo cáo nợ công so với POBI2019).
- Chỉ có 20 tỉnh có công khai tài liệu về Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

#### **Khuyến nghị:**

- Các địa phương cần công bố công khai hai loại tài liệu này để đảm bảo việc công khai được minh bạch hơn và rõ ràng hơn (nhất là nợ công).
- Các Sở Tài chính của các tỉnh đã được cơ quan kiểm toán nhà nước tiến hành kiểm toán và ra kết luận cần công khai kết quả thực hiện trên các cổng TTĐT của tỉnh.

50

50

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ



### Về tính kịp thời

- Mặc dù các tỉnh đã chủ động hơn trong việc công bố kịp thời các loại tài liệu theo đúng quy định của Luật NSNN 2015 và Thông tư 343/2016/TT-BTC nhưng vẫn còn khoảng trên 20% số tỉnh chưa thực hiện đúng theo quy định, tức công bố chậm hơn so với thời hạn.

#### **Khuyến nghị:**

- Các tỉnh đã làm tốt cần làm tốt hơn nữa, các tỉnh chưa làm tốt cần thực hiện đúng và đầy đủ việc công khai kịp thời các thông tin ngân sách. Đặc biệt, cần bổ sung thông tin về thời điểm công bố thông tin trên các trang TTĐT của tỉnh, bằng hình thức tự động trên trang TTĐT và có thể kiểm chứng được, hạn chế việc điền thông tin về thời điểm công bố một cách thủ công.

51

51

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ



### Về tính đầy đủ

- Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy vẫn còn có địa phương công bố thông tin không theo biểu mẫu của Thông tư 343/2016/TT-BTC.

#### **Khuyến nghị:**

- Do vậy, các tỉnh cần phải công khai đầy đủ các bảng biểu và nội dung của các bảng biểu theo đúng hướng dẫn của Thông tư 343/2016/TT-BTC.
- Đối với những thông tin ngân sách mà địa phương không tiến hành lập dự toán do không phát sinh trong kỳ hoặc chưa được giao dự toán vẫn cần được thể hiện đầy đủ trong các bảng biểu công khai theo mẫu của Thông tư 343 (được thể hiện bằng cách ghi số "0" tương ứng với dòng ngân sách).

52

52

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ



### Về tính thuận tiện

- Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy sự tiến bộ vượt bậc về tính thuận tiện khi mà 100% số tỉnh có thư mục công khai ngân sách và đa số các tỉnh công bố tài liệu dưới dạng word/excel dễ dàng sử dụng và chuyển đổi.
- Việc sắp xếp các tài liệu ngân sách trong các thư mục vẫn chưa thực sự thuận tiện khi mà vẫn có tình mặc dù có thư mục rõ ràng về tài liệu ngân sách nhưng tài liệu thực tế lại được công bố ở một thư mục khác, gây khó khăn cho việc tiếp cận và tìm kiếm thông tin.

#### **Khuyến nghị:**

- Do vậy, các tỉnh cần công khai tất cả các tài liệu vào đúng thư mục công khai tài liệu ngân sách để thuận tiện cho việc kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

53

53

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ



### Về tính tin cậy

- Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy số lượng các tỉnh/thành phố đảm bảo tính tin cậy của các tài liệu Dự thảo dự toán 2021 và Dự toán 2021 đã được phê duyệt còn thấp, do chưa đảm bảo việc ưu tiên chi ngân sách cho các lĩnh vực y tế, dân số và giáo dục.
- So sánh dự toán thu NSNN đầu năm với quyết toán NSNN cuối năm 2019 cho thấy dự toán thu ngân sách và dự toán chi đầu tư phát triển trong còn có mức độ tin cậy thấp, nhiều địa phương có mức chênh lệch lên tới trên 15%.

#### **Khuyến nghị:**

- Ưu tiên cho y tế và giáo dục cần phải được thể hiện trong lập dự toán chi thường xuyên, nên hạn chế tình trạng cắt giảm chi thường xuyên cho y tế và giáo dục.
- Việc lên kế hoạch lập dự toán cần được tính toán và xem xét một cách kĩ lưỡng và cẩn trọng để đảm bảo mức chênh lệch giữa số dự toán và số quyết toán không nhiều hơn quá 5%.

54

54

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ



### Về sự tham gia

- Kết quả chấm POBI 2020 chưa cho thấy sự cải thiện đáng kể về sự tham gia của người dân.
- Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy có tới 16 tỉnh/thành phố đã sử dụng các kênh mạng xã hội như Facebook, Zalo để dễ dàng hơn trong việc tương tác với người dân.

### Khuyến nghị:

- Các tỉnh cần chủ động hơn trong việc tiếp nhận và phản hồi các câu hỏi, thắc mắc của người dân. Quy định, quy chế về cung cấp thông tin cũng cần được công bố công khai và tạo thuận lợi cho việc tìm kiếm các quy định này.
- Các tỉnh cần công khai nhiều hơn các báo cáo tổng hợp góp ý của người dân, báo cáo thảo luận về NSNN tại các kỳ họp HĐND tỉnh
- Ngoài chuyên mục hỏi đáp và email thì các Sở Tài chính tỉnh có thể sử dụng mạng xã hội như facebook để tăng cường tương tác, trao đổi giữa người dân và Sở Tài chính/UBND tỉnh.

55

55



# THANK YOU

## Q&A

Website của Liên minh Minh bạch Ngân sách: [www.ngansachvietnam.net](http://www.ngansachvietnam.net)

56

56



# BÁO CÁO

**POBI  
2020**

**CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH**  
Đo lường mức độ công khai thông tin ngân sách địa phương

(Bản thảo ngày 21 tháng 5 năm 2021)

**Hà Nội, tháng 6 – 2021**



# CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH POBI 2020

**LIÊN MINH MINH BẠCH NGÂN SÁCH (BTAP)** được thành lập năm 2014 với sự hỗ trợ từ tổ chức Oxfam Việt Nam. Mục tiêu của BTAP là tìm kiếm, thử nghiệm và thúc đẩy việc áp dụng các giải pháp hiệu quả hướng tới công khai minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân trong quy trình ngân sách nhà nước tại Việt Nam, góp phần tạo ra những thay đổi tích cực vì sự phát triển của đất nước.

Website của Liên minh Minh bạch Ngân sách: [www.ngansachvietnam.net](http://www.ngansachvietnam.net)

**TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP (CDI)** là một tổ chức phi chính phủ của Việt Nam thành lập năm 2005. CDI đóng góp cho tiến trình công khai minh bạch ở Việt Nam thông qua đó người dân và xã hội có thể tham gia vào xây dựng và giám sát chính sách và ngân sách. CDI là đối tác của Tổ chức Đối tác Ngân sách Quốc tế (IBP) thực hiện khảo sát Chỉ số công khai ngân sách quốc gia (OBI), hợp tác cùng Viện nghiên cứu chính sách (VEPR) thực hiện khảo sát Chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI) và Chỉ số công khai ngân sách Bộ, cơ quan Trung ương (MOBI) tại Việt Nam. CDI hiện đang là tổ chức điều phối Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP).

**VIỆN NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH (VEPR)**, tiền thân là Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách, được thành lập từ 2008 và hiện trực thuộc Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội. VEPR thực hiện các nghiên cứu kinh tế và chính sách nhằm giúp nâng cao chất lượng ra quyết định của các cơ quan hoạch định chính sách, doanh nghiệp và các nhóm lợi ích, dựa trên sự thấu hiểu bản chất của những vận động kinh tế và quá trình điều hành chính sách vĩ mô ở Việt Nam. VEPR hiện là một thành viên của Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP).

**Báo cáo này được thực hiện dưới sự hỗ trợ của**



## GIỚI THIỆU CHUNG

Tiếp nối các thành công của Khảo sát Công khai Ngân sách tỉnh (POBIS – Provincial Open Budget Index Survey) năm 2017, 2018 và 2019, Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI) và Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) tiếp tục thực hiện khảo sát POBI 2020. Chỉ số Công khai ngân sách POBI được áp dụng chu trình ngân sách 2020 của Việt Nam ở cấp tỉnh từ khâu (i) Lập Ngân sách, (ii) Phê duyệt Ngân sách, (iii) Thực hiện Ngân sách và (iv) Quyết toán ngân sách theo Luật Ngân sách hiện hành của Việt Nam và thông lệ tốt của quốc tế về công khai, minh bạch ngân sách. Khảo sát POBI 2020, bao gồm hai trụ cột về minh bạch ngân sách và sự tham gia của người dân trong chu trình ngân sách.

- *Trụ cột thứ nhất, về minh bạch ngân sách (tính là chỉ số công khai ngân sách POBI 2020)*, xây dựng thông qua việc đánh giá tính sẵn có, kịp thời, thuận tiện, đầy đủ và tin cậy của 11 loại tài liệu ngân sách. Trong số 11 tài liệu này, có 7 loại tài liệu ngân sách bắt buộc phải công khai theo Luật NSNN 2015 và 4 tài liệu ngân sách cần phải công khai theo như thông lệ tốt của quốc tế (xem Bảng 2). Chỉ số công khai ngân sách POBI 2020 là kết quả của 85 câu hỏi trong trụ cột này được quy về thang điểm 100.
- *Trụ cột thứ hai, về sự tham gia của người dân*, xây dựng thông qua khảo sát mức độ UBND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quy trình ngân sách tại tỉnh và trách nhiệm phản hồi của các cơ quan này đối với các câu hỏi của công dân liên quan tới ngân sách nhà nước. Phần này gồm có 11 câu hỏi trong đó 8 câu hỏi về mức độ chính quyền địa phương tạo điều kiện để người dân tham gia vào chu trình ngân sách thông qua trang thông tin điện tử của UBND, HĐND và Sở Tài chính; 3 câu hỏi về mức độ phản hồi thông tin của Sở Tài chính tỉnh đối với câu hỏi/yêu cầu cung cấp thông tin của nhóm nghiên cứu.

**Khảo sát POBI 2020** được áp dụng cho năm ngân sách 2020 với các tài liệu ngân sách được công khai trước thời điểm **31/01/2021**. Các tài liệu được thay đổi hoặc bổ sung sau ngày 31/1/2020 không được coi là có công khai trong khảo sát POBI 2020 (xem Phụ lục 1). Các câu hỏi khảo sát POBI 2020 được thiết kế dựa trên (i) các quy định của pháp luật Việt Nam gồm có: Luật Ngân sách 2015, Luật đầu tư công, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Quản lý nợ công và (ii) thông lệ tốt của quốc tế về công khai, minh bạch.

Thời điểm thực hiện khảo sát và thu thập bằng chứng về công khai tài liệu ngân sách trên cổng thông tin điện tử của tỉnh là từ ngày 01 đến ngày 04 tháng 02 năm 2021. Khảo sát POBI chỉ đánh giá “có” hoặc “không” công khai các tài liệu/nội dung/biểu mẫu của tài liệu tại thời điểm khảo sát trên cổng thông tin điện tử/trang thông tin điện tử của các đơn

vị. Khảo sát POBI không đánh giá lý do tại sao các tài liệu/nội dung/bảng biểu không được công khai hoặc công khai chậm.

Xếp hạng POBI 2019 về kết quả công khai minh bạch ngân sách của địa phương được thực hiện theo thang điểm với 4 mức. Mức **A**: Từ 75 – 100 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **ĐẦY ĐỦ**. Mức **B**: Từ 50 – dưới 75 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **TƯƠNG ĐỐI**. Mức **C**: Từ 25 – dưới 50 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **CHƯA ĐẦY ĐỦ**. Mức **D**: Từ 0 – dưới 25 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **ÍT** (xem phụ lục 2).

# PHẦN I

## TÓM TẮT TỔNG QUAN

### I. KẾT QUẢ XẾP HẠNG VỀ MINH BẠCH NGÂN SÁCH

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy điểm chỉ số trung bình về công khai ngân sách tỉnh đạt 69,09 điểm trên tổng số 100 điểm quy đổi xếp hạng. So với kết quả năm 2019, điểm trung bình chỉ số POBI 2020 tăng thêm 3,54 điểm. Năm 2020, có 27 tỉnh công khai ĐẦY ĐỦ tài liệu và thông tin về ngân sách nhà nước, tăng 3 tỉnh so với năm 2019. Số tỉnh công khai TƯƠNG ĐỐI đầy đủ là 29 tỉnh, tăng 2 tỉnh so với năm 2019. Số tỉnh công khai CHƯA ĐẦY ĐỦ và công khai ÍT lần lượt là 5 và 2 tỉnh, giảm lần lượt 4 và 1 tỉnh so với năm 2019. Chi tiết kết quả xếp hạng công khai ngân sách của các tỉnh như bảng dưới đây:

**Bảng 1: Số lượng tỉnh công khai ngân sách phân theo mức độ công khai, 2017-2020**

| Năm  | ĐẦY ĐỦ<br>75 - 100 điểm | TƯƠNG ĐỐI<br>50 - dưới 75 điểm | CHƯA ĐẦY ĐỦ<br>25 - dưới 50 điểm | ÍT<br>0 - dưới 24 điểm |
|------|-------------------------|--------------------------------|----------------------------------|------------------------|
| 2020 | 27/63 tỉnh              | 29/63 tỉnh                     | 5/63 tỉnh                        | 2/63 tỉnh              |
| 2019 | 24/63 tỉnh              | 27/63 tỉnh                     | 9/63 tỉnh                        | 3/63 tỉnh              |
| 2018 | 6/63 tỉnh               | 27/63 tỉnh                     | 21/63 tỉnh                       | 9/63 tỉnh              |
| 2017 | 0/63 tỉnh               | 12/63 tỉnh                     | 26/63 tỉnh                       | 25/63 tỉnh             |

*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017, 2018, 2019 và 2020*

Trong xếp hạng công khai ngân sách POBI 2020, **Vĩnh Long** là tỉnh đứng đầu bảng xếp hạng, đạt 93,68 điểm. Đà Nẵng xếp thứ hai với 92,26 điểm và Bà Rịa-Vũng Tàu xếp thứ ba với 90,45 điểm. Ba tỉnh này đều là những tỉnh có xếp hạng cao thuộc top 5 tỉnh đứng đầu của bảng xếp hạng POBI năm 2019. Đáng tiếc là tỉnh Quảng Nam năm 2019 đứng đầu bảng xếp hạng thì năm 2020 đã tụt xuống vị trí thứ 17. Mặc dù vậy, Quảng Nam vẫn thuộc nhóm công khai đầy đủ thông tin với 81,83 điểm. Hai tỉnh công khai ÍT thông tin nhất trong kết quả xếp hạng POBI 2020 đó là Bình Phước (3,84 điểm) và Đắk Lắk (23,41 điểm). Đáng khích lệ nhất đó là tỉnh Lạng Sơn, nếu như năm 2019 tỉnh này đứng áp chót bảng xếp hạng thì năm 2020 đã vươn lên đứng thứ 16 với 82,3 điểm, thuộc nhóm tỉnh công khai ĐẦY ĐỦ thông tin.

Kết quả khảo sát POBI 2020 theo sáu tiêu chí về tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính thuận tiện, tính tin cậy và tính liên tục được tóm tắt như dưới đây:

### Tính sẵn có của các tài liệu ngân sách

Kết quả POBI 2020 tiếp tục cho thấy sự cải thiện trong việc công khai các tài liệu ngân sách nhà nước theo quy định của Luật NSNN năm 2015, Luật Tiếp cận Thông tin, Luật Quản lý nợ công và thông lệ tốt của quốc tế về công khai, minh bạch ngân sách.

Trong số 11 tài liệu ngân sách được khảo sát trong POBI 2020, có 8 tài liệu có sự cải thiện về số lượng tỉnh có công khai tài liệu, 01 tài liệu không có sự cải thiện (Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh), 02 tài liệu giảm về số lượng tỉnh có công khai (Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm giảm từ 53 xuống 49 tỉnh và Báo cáo tình hình nợ công giảm từ 31 xuống 30 tỉnh). Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân là tài liệu có sự cải thiện nhiều nhất về tính sẵn có. Mặc dù đây không phải là tài liệu bắt buộc phải công khai theo Luật NSNN 2015 nhưng đã có 22 tỉnh có công khai tài liệu này trong năm 2020, tăng 8 tỉnh so với năm 2019. Năm 2020 cũng là năm đầu tiên tiến hành chấm điểm đối với tài liệu Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước các năm 2017, 2018 hoặc 2019. Kết quả cho thấy chỉ có 20 tỉnh (chiếm tỷ lệ 31,75%) có công khai tài liệu này của ít nhất một trong ba năm kể trên.

**Bảng 2: Số lượng và tỷ lệ các tỉnh công khai các tài liệu ngân sách 2017-2020**

| Tài liệu  | POBI 2017     | POBI 2018     | POBI 2019     | POBI 2020   |
|---|---------------|---------------|---------------|-------------|
| Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh  | 27 (42.86%)   | 47 (74.6%)    | 54 (85.71 %)  | 54 (85.71%) |
| Dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định                                     | 51 (80.95%)   | 59 (93.65%)   | 58 (92.06 %)  | 60 (95.24%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1  | Không áp dụng | 46 (73.02%)   | 58 (92.06 %)  | 61 (96.83%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng                                      | Không áp dụng | 53 (84.13%)   | 58 (92.06 %)  | 60 (95.24%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng                                      | 28 (44.44%)   | 46 (73.02%)   | 55 (87.3 %)   | 58 (92.06%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm                                       | 25 (39.68%)   | 35 (55.56%)   | 53 (84.13 %)  | 49 (77.78%) |
| Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh   | 49 (77.78%)   | 54 (85.71%)   | 57 (90.48 %)  | 59 (93.65%) |
| Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân  | Không áp dụng | 1 (1.59%)     | 14 (22.22 %)  | 22 (34.92%) |
| Danh mục dự án đầu tư công của tỉnh   | Không áp dụng | 46 (73.02%)   | 50 (79.37 %)  | 51 (80.85%) |
| Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh  | Không áp dụng | Không áp dụng | 31 (49.21 %)  | 30 (47.92%) |
| Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019 | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng | 20 (31.75%) |

### Tính kịp thời của các tài liệu ngân sách

Khảo sát POBI 2020 xác định tính kịp thời của các tài liệu ngân sách dựa trên thời gian đăng tải các tài liệu này trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh như quy định của Thông tư 343/2016/TT-BTC. Kết quả POBI 2020 cho thấy, đã có sự cải thiện đáng kể về tính kịp thời khi số lượng và tỉ lệ tình công khai đúng thời hạn các tài liệu ngân sách tăng mạnh so với năm 2019. Có từ 75% đến 80% số tình công bố đúng hạn đối với các tài liệu ngân sách, trong khi năm 2019 chỉ có khoảng trên 50% số tình công bố đúng hạn. Kết quả này cho thấy các tỉnh đã chú trọng hơn trong việc công khai đúng thời hạn các tài liệu ngân sách theo quy định của Luật. Chi tiết về tính kịp thời của các tài liệu ngân sách được công khai xin xem Bảng 3.

**Bảng 3: Số tình công khai kịp thời các tài liệu ngân sách 2017-2020**

| Tài liệu  | POBI 2017      | POBI 2018      | POBI 2019       | POBI 2020      |
|---|----------------|----------------|-----------------|----------------|
| Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh      | 9<br>(14.29%)  | 29<br>(46.03%) | 36<br>(57.14 %) | 47<br>(74.60%) |
| Dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định | 35<br>(55.56%) | 39<br>(61.9%)  | 35<br>(55.56 %) | 49<br>(77.78%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1    | Không áp dụng  | 19<br>(30.16%) | 27<br>(42.86 %) | 48<br>(76.19%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng  | Không áp dụng  | 27<br>(42.86%) | 34<br>(53.97 %) | 51<br>(80.95%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng  | 11<br>(17.46%) | 23<br>(36.51%) | 32<br>(50.79 %) | 47<br>(74.60%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm      | 21<br>(33.33%) | 15<br>(23.81%) | 28<br>(44.44 %) | 32<br>(50.79%) |
| Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh                   | 30<br>(47.62%) | 31<br>(49.21%) | 40<br>(63.49 %) | 50<br>(79.37%) |
| Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân        | Không áp dụng  | Không áp dụng  | 10<br>(15.87 %) | 16<br>(25.39%) |

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017-2020

### Tính đầy đủ của các tài liệu ngân sách

Khảo sát POBI 2019 xác định tính đầy đủ của các tài liệu ngân sách được công khai dựa trên hướng dẫn của Thông tư 343/2016/TT- BTC. Để được coi là đầy đủ, các tài liệu ngân sách phải đảm bảo (i) đầy đủ các biểu mẫu và (ii) đầy đủ nội dung của một số bảng biểu như quy định của Thông tư 343 và nguyên tắc thống nhất trong tính toán và nguyên tắc có thể so sánh được giữa các năm đã được quy định tại Khoản 1, Điều 5 của Luật Thống kê 2015.

**Bảng 4: Số lượng/tỷ lệ các tỉnh công khai đầy đủ các biểu mẫu của các tài liệu ngân sách được công khai 2017-2020**

| Tài liệu   | POBI 2017     | POBI 2018     | POBI 2019       | POBI 2020      |
|--|---------------|---------------|-----------------|----------------|
| Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh công khai đầy đủ 13 biểu mẫu      | 2<br>(3.2%)   | 10<br>(15.9%) | 18<br>(28.57 %) | 26<br>(41.27%) |
| Dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định công khai đầy đủ 13 biểu mẫu | 10<br>(15.9%) | 16<br>(25.4%) | 27<br>(42.86 %) | 28<br>(44.44%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 có công khai đủ 3 biểu mẫu      | Không áp dụng | 37<br>(58.7%) | 53<br>(84.13 %) | 58<br>(92.06%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng có công bố đầy đủ 3 biểu mẫu  | Không áp dụng | 41<br>(65.1%) | 52<br>(82.54 %) | 57<br>(90.48%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng có công bố đầy đủ 3 biểu mẫu  | 22<br>(34.9%) | 41<br>(65.1%) | 53<br>(84.13 %) | 56<br>(88.89%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm có công bố đầy đủ 3 biểu mẫu      | 11<br>(17.5%) | 25<br>(39.7%) | 42<br>(66.67 %) | 42<br>(66.67%) |
| Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh có công bố đầy đủ 7 biểu mẫu                   | Không áp dụng | 38<br>(60.3%) | 46<br>(73.02 %) | 50<br>(79.37%) |

*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017-2020*

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tính đầy đủ của các tài liệu ngân sách tiếp tục được cải thiện so với năm 2019. Các báo cáo tình hình thực hiện ngân sách hàng quý và báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh vẫn là những tài liệu được công khai đầy đủ các biểu mẫu nhất theo quy định. Mặc dù có sự cải thiện so với năm 2019, nhưng tài liệu dự thảo dự toán và dự toán đã được quyết định vẫn có số lượng các tỉnh công bố đầy đủ tương đối thấp, lần lượt chỉ là 26 và 28 tỉnh. Tài liệu dự thảo dự toán là tài liệu rất quan trọng vì nó được đưa ra để lấy ý kiến góp ý không chỉ của các chuyên gia mà của cả người dân trong việc xây dựng dự toán ngân sách hàng năm của địa phương. Do đó, các tỉnh cần ý thức được tầm quan trọng của tài liệu này và cần phải được công khai đầy đủ nội dung và các biểu mẫu theo quy định của Luật ngân sách 2015 và Thông tư 343/2016/TT- BTC.

Đối với tài liệu dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, biểu số 33 có 44 tỉnh trong tổng số 63 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định (tăng 7 tỉnh so với POBI 2019). Biểu số 35 chỉ có 23 tỉnh phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (gồm 18 mục nhỏ) và chi tiết theo từng loại thuế. Biểu số 39 chỉ có 29 tỉnh có phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho các lĩnh vực theo quy định.

Đối với tài liệu dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được quyết định, biểu số 46 – Biểu cân đối ngân sách địa phương có 47 trong tổng số 63 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định (tăng 5 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Biểu số 48 – Dự toán thu NSNN có 31 tỉnh phản ánh đầy đủ các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa bao gồm 18 mục nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (tăng 7 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Biểu số 52 – Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan tổ chức theo lĩnh vực có 36 tỉnh phản ánh dự toán cụ thể cho 12 lĩnh vực chi đầu tư (tăng 2 tỉnh so với khảo sát POBI 2019).

Đối với báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020, kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy 68,25% số tỉnh (tương đương 43 tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của biểu số 59. Đối với báo cáo 6 tháng, có 44 tỉnh (tương đương 69,84% số tỉnh), báo cáo 9 tháng có 45 tỉnh (tương đương 71,42% số tỉnh) và báo cáo cả năm 2020 có 35 tỉnh (tương đương 55,55% số tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ của biểu 59 theo quy định.

Đối với tài liệu quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019, biểu số 62 – Biểu Cân đối ngân sách địa phương năm 2019 có 50 tỉnh (tương đương 79,36%) phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định, tăng 7 tỉnh so với khảo sát POBI 2019. Biểu số 63 – Biểu Quyết toán thu NSNN năm 2019 có 36 tỉnh (tương đương 57,14%) phản ánh cụ thể các nguồn thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 mục nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế, tăng 5 tỉnh so với khảo sát POBI năm 2019. Biểu số 65 – Biểu Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực năm 2019 có 50 tỉnh (tương đương 79,37%) phản ánh đầy đủ 3 mục lớn và các mục nhỏ.

### **Tính thuận tiện của các tài liệu ngân sách**

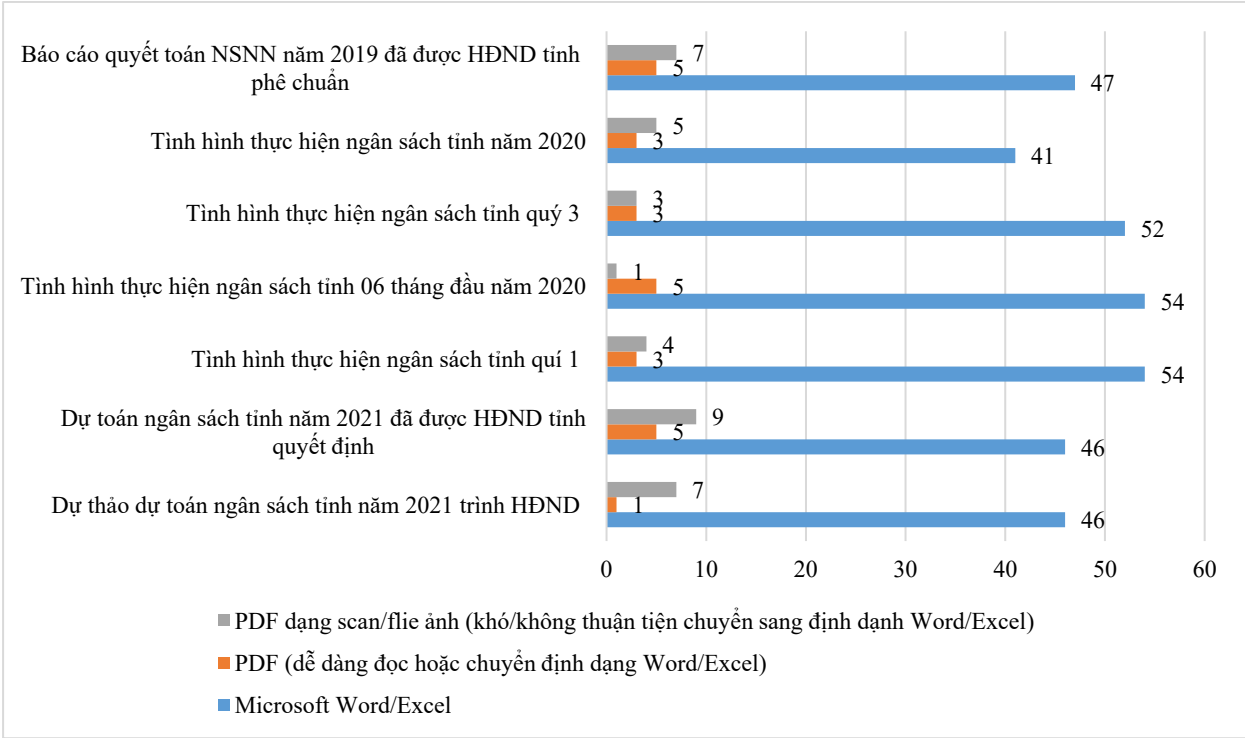
Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy 100% cổng TTĐT của Sở Tài chính các tỉnh đều có thư mục riêng về công khai ngân sách. Kết quả này cho thấy sự cải thiện đáng kể về tính thuận tiện trong việc công khai tài liệu ngân sách của các địa phương khi sau 04 năm liên tiếp thực hiện chỉ số POBI, đây là lần đầu tiên toàn bộ 63 tỉnh thành có thư mục riêng về công khai ngân sách trên cổng TTĐT của Sở Tài chính.

Đối với các tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách, có 58 tỉnh phân chia cụ thể thư mục riêng về công khai ngân sách theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung cập nhật. Hai tỉnh có phân chia nội dung trong thư mục riêng về công khai ngân sách theo tài liệu hoặc theo năm nhưng chưa cập nhật nội dung, đó là Quảng Bình và Bình Phước. Ba tỉnh không phân chia cụ thể thư mục riêng về công khai ngân sách theo tài liệu hoặc theo năm nhưng vẫn có tài liệu, là Hậu Giang, Sóc Trăng và Thái Bình.



Tính thuận tiện của các tài liệu được công khai trong khảo sát POBI 2020 tiếp tục có sự cải thiện so với năm 2019. Hầu hết các tài liệu đều được công bố dưới dạng file word hoặc excel dễ dàng trong việc sử dụng. Số lượng các tỉnh công bố tài liệu dưới dạng file scan hoặc PDF không thể chuyển đổi sang định dạng word và excel chỉ còn dưới 10 tỉnh đối với từng loại tài liệu (bình quân năm 2019 là trên 15 tỉnh). Tài liệu về báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh hàng quý tiếp tục là tài liệu được nhiều tỉnh công bố dưới dạng file word/excel nhiều nhất (trên 50 tỉnh).

**Hình 1: Định dạng của các tài liệu chấm điểm POBI được công bố, 2020 (số tỉnh)**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

**Tính tin cậy của các tài liệu ngân sách**

Đây là năm thứ hai khảo sát POBI tiến hành chấm điểm về tính tin cậy của các tài liệu ngân sách. Tính tin cậy của khảo sát POBI2020 dựa trên so sánh chênh lệch giữa quyết toán và dự toán ngân sách năm 2019 và so sánh phần trăm thay đổi của chi thường xuyên năm 2021 của ngân sách cấp tỉnh cho lĩnh vực GDĐT và lĩnh vực y tế, dân số so với phần trăm thay đổi của tổng chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh năm 2021 và 2020.

Thay đổi ngân sách dành cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và lĩnh vực y tế, dân số sẽ tác động và ảnh hưởng tới đa số người dân nên cần phải được tính toán cẩn trọng trong quá trình lập dự toán. Bộ Tài chính chỉ có hướng dẫn và nguyên tắc chung về cắt giảm chi thường xuyên, nhưng không có hướng dẫn cụ thể về việc cắt giảm của từng lĩnh vực, ngành. Vì chưa có hướng dẫn nên việc cắt giảm chi thường xuyên có thể chưa công bằng, chưa

phù hợp giữa các ngành, lĩnh vực tại địa phương hoặc chưa phù hợp/logic với các ưu tiên chính sách, định hướng phát triển của địa phương. Kết quả khảo sát POBI 2020 sẽ cung cấp bức tranh về việc thay đổi chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh trong hai lĩnh vực này so với thay đổi của tổng chi thường xuyên trong năm 2021 và 2020. Cụ thể như sau:

### Tài liệu dự thảo trình

Đối với tài liệu dự thảo dự toán năm 2021 trình HĐND tỉnh, chỉ có 26 tỉnh (41,27%) có mức chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho GDĐT và 19 tỉnh (30,16%) có mức chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho y tế, dân số tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn) so với mức tăng/giảm tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh trong dự toán được duyệt năm 2020.

**Bảng 5: So sánh % Thay đổi của chi thường xuyên ngân sách tỉnh hàng năm cho GDĐT và Y tế, dân số so với % thay đổi của tổng chi thường xuyên trong Dự thảo trình 2021 với Dự toán 2020**

|  | Giáo dục đào tạo | Y tế và Dân số |
|--|------------------|----------------|
| Mức tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn)      | 26 (41.27%)      | 19 (30.16%)    |
| Không thay đổi                         | 1 (1.59%)        | 1 (1.59%)      |
| Mức tăng thấp hơn (hoặc giảm mạnh hơn) | 21 (33.33%)      | 26 (41.27%)    |
| Không có số liệu chi tiết              | 6 (9.52%)        | 8 (12.70%)     |

*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

### Tài liệu dự toán đã được quyết định

Đối với tài liệu dự toán năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, có 27 tỉnh (42,86%) có mức chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho GDĐT và 25 tỉnh (39,68%) có mức chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho y tế, dân số tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn) so với mức tăng/giảm tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh trong dự toán được duyệt năm 2020.

**Bảng 6: So sánh % Thay đổi của chi thường xuyên ngân sách tỉnh hàng năm cho GDĐT và Y tế, dân số so với % thay đổi tổng chi thường xuyên trong Dự toán 2021 với Dự toán 2020**

|  | Giáo dục đào tạo | Y tế và Dân số |
|--|------------------|----------------|
| Mức tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn)      | 27 (42.86%)      | 25 (39.68%)    |
| Không thay đổi                         | 0 (0.00%)        | 0 (0.00%)      |
| Mức tăng thấp hơn (hoặc giảm mạnh hơn) | 26 (41.27%)      | 27 (42.86%)    |
| Không có số liệu chi tiết              | 7 (11.11%)       | 8 (12.70%)     |

*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

## Chênh lệch giữa dự toán và quyết toán 2019

Nhóm nghiên cứu so sánh mức độ chênh lệch giữa số dự toán và quyết toán năm 2019 đối với các khoản mục (i) Quyết toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp của tỉnh (ii) Quyết toán chi cân đối ngân sách địa phương (iii) Quyết toán chi đầu tư phát triển; và (iv) Quyết toán chi thường xuyên. Kết quả khảo sát POBI 2019 cho thấy việc lập dự toán ngân sách của các tỉnh năm 2019 chưa đảm bảo tin cậy cho quá trình thực hiện thực tế. Đặc biệt là đối với dự toán thu ngân sách, chỉ có 9 tỉnh có mức chênh lệch giữa số dự toán và số quyết toán dưới 5% trong khi có tới 35 tỉnh có mức chênh lệch trên 15%. Tương tự như vậy, đối với dự toán chi đầu tư phát triển cũng chỉ có 8 tỉnh có mức chênh lệch dưới 5% và 35 tỉnh có mức chênh lệch trên 15%. Chi tiết xem tại bảng 7:

**Bảng 7: Chênh lệch giữa số dự toán và quyết toán ngân sách 2019**

| Nội dung                                 | Chênh lệch  |             |             |             |
|--|-------------|-------------|-------------|-------------|
|  | Dưới 5%     | Từ 5-10%    | Từ 10-15%   | Hơn 15%     |
| Dự toán thu ngân sách                    | 9 (14.29%)  | 8 (12.70%)  | 7 (11.11%)  | 35 (55.56%) |
| Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương | 19 (30.19%) | 10 (15.87%) | 7 (11.11%)  | 23 (36.51%) |
| Dự toán chi đầu tư phát triển            | 8 (12.70%)  | 5 (7.94%)   | 11 (17.46%) | 35 (55.56%) |
| Dự toán chi thường xuyên                 | 25 (39.68%) | 17 (26.98%) | 10 (15.87%) | 7 (11.11%)  |

*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

## Tính liên tục của các tài liệu ngân sách

POBI 2020 là năm đầu tiên nhóm nghiên cứu thực hiện việc chấm điểm tính liên tục của các tài liệu được công khai bao gồm dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh, dự toán đã được duyệt và quyết toán ngân sách. Tỉnh sẽ được điểm tối đa nếu công khai liên tục các tài liệu dự thảo trình, dự toán được duyệt trong ba năm 2019, 2020 và 2021, đối với tài liệu quyết toán là các năm 2017, 2018 và 2019. Kết quả khảo sát cho thấy có 49 tỉnh (77,78%) công bố tài liệu dự thảo trình liên tục trong ba năm, 52 tỉnh (82,54%) công bố tài liệu dự toán đã được duyệt liên tục trong ba năm và 51 tỉnh (80,95%) công bố báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh liên tục trong ba năm. Sóc Trăng và Kon Tum là hai tỉnh không công bố tài liệu dự thảo trình trong ba năm liên tiếp.

**Bảng 8: Mức độ liên tục của các tài liệu ngân sách**

| Nội dung  | Mức độ liên tục                 |                        |                        |                                       |
|---|---------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------------|
|   | Công khai liên tục trong 03 năm | Công khai trong 02 năm | Công khai trong 01 năm | Không công khai trong 03 năm gần nhất |
| Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh      | 49 (77.78%)                     | 7 (11.11%)             | 5 (7.94%)              | 2 (3.17%)                             |
| Dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định | 52 (82.54%)                     | 8 (12.70%)             | 3 (4.76%)              | 0 (0.00%)                             |
| Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh                   | 51 (80.95%)                     | 7 (11.11%)             | 5 (7.94%)              | 0 (0.00%)                             |

*Ghi chú: Đối với tài liệu Dự thảo và Dự toán, tính liên tục được xét trong 03 năm 2019, 2020 và 2021, riêng tài liệu Quyết toán, tính liên tục được xét trong 03 năm 2017, 2018 và 2019.*

*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

### Các tài liệu ngân sách không tính điểm

Có 05 tài liệu ngân sách không tính điểm trong POBI 2020 nhưng khuyến khích các tỉnh công khai gồm có: (i) Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, (ii) Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019, (iii) Báo cáo tài chính của tỉnh, (iv) Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023, và (v) Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Tổng điểm cho các tài liệu khuyến khích công khai trong POBI 2020 là 500 điểm. Không có tỉnh nào đạt điểm tối đa đối với nhóm tài liệu khuyến khích công khai. Quảng Nam, Bà Rịa-Vũng Tàu và Lạng Sơn là ba tỉnh công bố nhiều nhất với 4/5 loại tài liệu khuyến khích công khai.

Trong số các tài liệu không tính điểm, tài liệu được các tỉnh công khai nhiều nhất đó là Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025 với 31 tỉnh có công bố. Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 có 27 tỉnh công bố, tài liệu Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 có 24 tỉnh công bố, 16 tỉnh có công bố Báo cáo tài chính của tỉnh và chỉ có 02 tỉnh có công bố kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước trong ít nhất một năm 2017, 2018 hoặc 2019.

## II. XẾP HẠNG VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

Kết quả khảo sát POBI 2020 về mức độ tham gia của người dân cho thấy nhìn chung các tỉnh vẫn ÍT tạo điều kiện để người dân tham gia vào quy trình ngân sách. Số điểm quy đổi trung bình của 63 tỉnh thành phố là 39.25 điểm, gần như không có sự cải thiện so với năm 2019 (38,02 điểm). Đà Nẵng là địa phương đạt điểm số cao nhất với 81,82 điểm qui đổi. Thanh Hoá là tỉnh có số điểm về sự tham gia của người dân thấp nhất cả nước (4,55 điểm).

Theo Điểm m khoản 1 Điều 17 Luật Tiếp cận Thông tin và Điểm a khoản 1 điều 27 Luật Công nghệ Thông tin 2017 thì địa chỉ email được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính được sử dụng để trao đổi, cung cấp thông tin với cá nhân và tổ chức. Có 14 trong số 63 tỉnh/thành phố phản hồi các câu hỏi yêu cầu cung cấp thông tin của nhóm nghiên cứu gửi qua email liên hệ được công khai trên cổng tin điện tử của Sở Tài chính. Trong đó, có 11 phản hồi được nhận trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi và 3 phản hồi được nhận trong vòng 16 đến 30 ngày kể từ ngày gửi.

Trong số 63 tỉnh, thành phố, có 28 Sở Tài chính tỉnh không phản hồi và có 21 tỉnh không gửi được email theo địa chỉ email được công khai trên cổng TTĐT. Phản hồi của các Sở Tài chính cho thấy các địa chỉ email được công khai trên cổng TTĐT chỉ được sử dụng để trao đổi thông tin nội bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, không tiếp nhận hoặc xử lý các email không thuộc hệ thống email công vụ (email có đuôi gov.vn).

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy chỉ có 25 trên tổng số 63 tỉnh có công khai quy chế cung cấp thông tin cho người dân và có 16 tỉnh/thành phố có cổng TTĐT của Sở Tài chính, UBND hay HĐND có các liên kết với các kênh mạng xã hội như Facebook, Zalo của tỉnh.

Khảo sát POBI 2020 cũng tiến hành chấm điểm đối với các tài liệu phục vụ kỳ họp hội đồng nhân dân (HĐND) trên cổng TTĐT của tỉnh. Trong số các tài liệu thuộc nhóm này, Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm cả báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 và dự thảo dự toán 2021) và Báo cáo tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh năm 2020 là hai tài liệu được công khai nhiều nhất với 29 tỉnh có công khai, tương đương với 46.03%. Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) tỉnh có 24 tỉnh công khai, tương đương với 38.09%. Trong khi đó, chỉ có 18 tỉnh (28.57%) công khai Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020).

### III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy đã có sự cải thiện về điểm xếp hạng so với năm 2019, nhưng mức độ cải thiện là không đáng kể. Điểm bình quân POBI 2020 là 69,09 điểm. Mặc dù có thay đổi về tình đứng đầu bảng xếp hạng so với năm 2019 tuy nhiên nhóm các tỉnh có thành tích tốt trong các năm trước đây vẫn tiếp tục duy trì vị trí top đầu trong bảng xếp hạng. Dựa trên kết quả xếp hạng POBI 2020, nhóm nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị chính sách như sau:

#### *Về tính sẵn có*

Kết quả POBI 2020 cho thấy sự cải thiện về tính sẵn có của các tài liệu ngân sách bắt buộc phải công khai. Tuy nhiên, Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh vẫn có tỉ lệ công khai tương đối thấp, thậm chí còn giảm nhẹ đối với tài liệu về nợ công của tỉnh. Do đó, nhóm nghiên cứu tiếp tục khuyến nghị các địa phương cần công bố công khai hai loại tài liệu này để đảm bảo việc công khai được minh bạch hơn và rõ ràng hơn. Năm 2020 cũng là năm đầu tiên thực hiện việc chấm điểm công khai tài liệu về Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019 và chỉ có 20 tỉnh có công bố tài liệu này. Nhóm nghiên cứu đề nghị các địa phương đã được cơ quan kiểm toán nhà nước tiến hành kiểm toán và ra kết luận cần công khai kết quả thực hiện trên các cổng TTĐT của tỉnh.

#### *Về tính kịp thời*

Mặc dù các tỉnh đã chủ động hơn trong việc công bố kịp thời các loại tài liệu theo đúng quy định của Luật NSNN 2015 và Thông tư 343/2016/TT-BTC nhưng vẫn còn khoảng trên 20% số tỉnh chưa thực hiện đúng theo quy định, tức công bố chậm hơn so với thời hạn. Điều này không những ảnh hưởng tới kết quả xếp hạng công khai của tỉnh mà còn ảnh hưởng tới việc tiếp cận thông tin kịp thời của người dân. Do đó nhóm nghiên cứu đề nghị các tỉnh đã làm tốt cần làm tốt hơn nữa, các tỉnh chưa làm tốt cần thực hiện đúng và đầy đủ việc công khai kịp thời các thông tin ngân sách. Đặc biệt, cần bổ sung thông tin về thời điểm công bố thông tin trên các trang TTĐT của tỉnh, bằng hình thức tự động trên trang TTĐT và có thể kiểm chứng được, hạn chế việc điền thông tin về thời điểm công bố một cách thủ công.

#### *Về tính đầy đủ*

Ngoài việc công khai đầy đủ số lượng các bảng biểu của từng loại tài liệu, các địa phương cần công khai chính xác theo đúng biểu mẫu được hướng dẫn tại Thông tư 343/2016/TT-BTC. Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy vẫn còn có địa phương công bố

thông tin không theo biểu mẫu của Thông tư 343. Nội dung các bảng biểu cũng cần được công bố chi tiết và đầy đủ. Đối với những thông tin ngân sách mà địa phương không tiến hành lập dự toán do không phát sinh trong kỳ hoặc chưa được giao dự toán vẫn cần được thể hiện đầy đủ trong các bảng biểu công khai theo mẫu của Thông tư 343 (được thể hiện bằng cách ghi số “0” tương ứng với dòng ngân sách).

### *Về tính thuận tiện*

Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy sự tiến bộ vượt bậc về tính thuận tiện khi mà 100% số tỉnh có thư mục công khai ngân sách và đa số các tỉnh công bố tài liệu dưới dạng word/excel dễ dàng sử dụng và chuyển đổi. Tuy nhiên, việc sắp xếp các tài liệu ngân sách trong các thư mục vẫn chưa thực sự thuận tiện khi mà vẫn có tỉnh mặc dù có thư mục rõ ràng về tài liệu ngân sách nhưng tài liệu thực tế lại được công bố ở một thư mục khác, gây khó khăn cho việc tiếp cận và tìm kiếm thông tin. Do đó, tài liệu nào cần phải được để đúng và chính xác trong thư mục đó, kể cả đối với các tài liệu khuyến khích công khai.

### *Về tính tin cậy*

Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy đa số các tỉnh có mức tăng hoặc giảm của chi thường xuyên cho GDĐT và y tế, dân số chậm hoặc nhanh hơn so với mức tăng/giảm của tổng chi thường xuyên. Điều này cho thấy các địa phương vẫn chưa chú trọng trong việc đầu tư cho các hoạt động liên quan đến GDĐT, y tế và dân số. Do đó, việc lập dự toán trong các năm tiếp theo cần chú trọng tới các chỉ tiêu này. Đối với dự toán thu ngân sách và dự toán chi đầu tư phát triển trong quyết toán ngân sách năm 2019, mức độ tin cậy rất thấp, lần lượt chỉ đạt 9% và 8% do đó, việc lên kế hoạch lập dự toán cần được tính toán và xem xét một cách kỹ lưỡng và cẩn trọng để đảm bảo mức chênh lệch giữa số dự toán và số quyết toán không nhiều hơn quá 5%.

### *Về tính liên tục*

Đây là năm đầu tiên thực hiện khảo sát về tính liên tục của các tài liệu được công khai. Mặc dù kết quả khảo sát khá tích cực tuy nhiên vẫn còn có những địa phương không công khai bất kỳ tài liệu nào trong ba năm gần nhất. Việc duy trì công khai các tài liệu ngân sách của các năm trước đó là rất cần thiết, không những phục vụ cho việc tìm kiếm thông tin mà còn sử dụng cho việc kiểm chứng về tính tin cậy của các thông tin ngân sách. Do đó, sẽ là cần thiết để các tỉnh duy trì việc công khai liên tục tài liệu ngân sách qua các năm, tối thiểu là trong vòng ba năm gần nhất.

## *Về sự tham gia*

Sự tham gia của người dân đóng vai trò rất quan trọng trong tiến trình ngân sách. Tuy nhiên, kết quả chấm POBI 2020 chưa cho thấy sự cải thiện đáng kể về sự tham gia của người dân. Việc tiếp nhận và phản hồi của các cơ quan quản lý nhà nước về ngân sách cấp tỉnh còn chậm và hạn chế do đó các tỉnh cần chủ động hơn trong việc tiếp nhận và phản hồi các câu hỏi, thắc mắc của người dân. Quy định, quy chế về cung cấp thông tin cũng cần được công bố công khai và tạo thuận lợi cho việc tìm kiếm các quy định này. Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy chỉ có 25 trên tổng số 63 tỉnh có công khai quy chế/quy trình cung cấp thông tin cho người dân. Ngoài ra, có 16 tỉnh/thành phố đã sử dụng các kênh mạng xã hội như Facebook, Zalo để dễ dàng hơn trong việc tương tác với người dân, thiết nghĩ việc làm này nên được nhận rộng ra các địa phương còn lại trên cả nước.



## PHẦN 2

# KẾT QUẢ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH POBI 2020

### CHƯƠNG I. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH

Chương này sẽ trình bày tổng hợp kết quả khảo sát POBI 2020 theo xếp hạng từ số điểm đạt được của các tỉnh. Các xếp hạng được thực hiện theo mức độ công khai gồm ĐẦY ĐỦ, TƯƠNG ĐỐI, CHƯA ĐẦY ĐỦ và ÍT. Ngoài ra, xếp hạng các tỉnh theo vùng địa lý cũng sẽ được thực hiện để thấy được sự khác nhau giữa các vùng miền. Nội dung này sẽ cung cấp bức tranh chung về thực trạng công khai ngân sách của 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam trong năm 2020.

#### 1. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH 2020

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy điểm chỉ số trung bình về công khai ngân sách tỉnh đạt **69,09 điểm** trên tổng số 100 điểm quy đổi xếp hạng. So với kết quả năm 2019, điểm trung bình chỉ số POBI 2020 chỉ **tăng 3,54 điểm**. Tuy nhiên, kết quả xếp hạng về chỉ số công khai ngân sách tỉnh năm 2020 cho thấy có 27 tỉnh được xếp vào nhóm A, nhóm những tỉnh có mức điểm chấm POBI cao nhất từ 75 – 100 điểm và 29 tỉnh thuộc nhóm B. Điều này cho thấy có tới 56 tỉnh đứng trên xếp hạng trung bình (trên 50 điểm) - TƯƠNG ĐỐI công khai minh bạch, tăng 4 tỉnh so với năm 2019. Kết quả cụ thể như sau:

Nhóm A – công khai ĐẦY ĐỦ, nhóm những tỉnh có mức điểm cao nhất từ 75 – 100 điểm, có 27 tỉnh bao gồm: Vĩnh Long, Đà Nẵng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Hải Dương, Cao Bằng, Điện Biên, Bình Định, Bến Tre, Ninh Bình, Bình Dương, Tây Ninh, Tuyên Quang, Hà Nội, Hoà Bình, Nghệ An, Lạng Sơn, Quảng Nam, Vĩnh Phúc, Quảng Trị, Trà Vinh, Lai Châu, Quảng Ngãi, Cà Mau, Sơn La, Ninh Thuận, Yên Bái và Bắc Ninh.

Nhóm B – công khai TƯƠNG ĐỐI, bao gồm 29 tỉnh, là những tỉnh có điểm POBI quy đổi từ 50 – dưới 75 điểm. Nhóm này bao gồm: Hưng Yên, An Giang, Phú Thọ, Bắc Giang, Bắc Kạn, Gia Lai, Thái Bình, Lâm Đồng, Hà Giang, Hậu Giang, Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bạc Liêu, Lào Cai, Kiên Giang, Hải Phòng, Khánh Hoà, Nam Định, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Hà Nam, Đắk Nông, Kon Tum, Long An, Bình Thuận, Tiền Giang, Phú Yên, Thừa Thiên Huế và Cần Thơ.

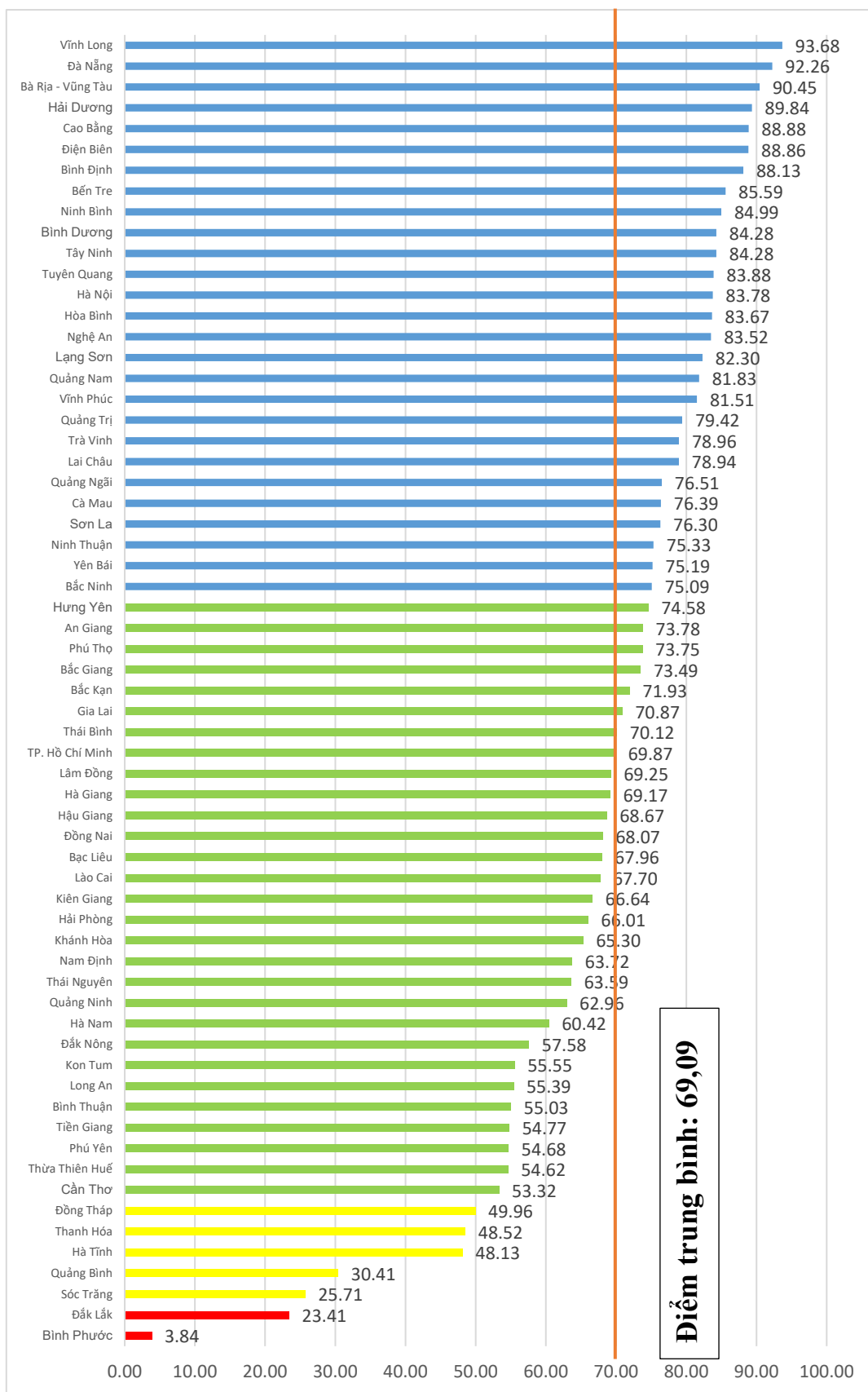
Nhóm C - công khai CHƯA ĐẦY ĐỦ, bao gồm 05 tỉnh, là những tỉnh có điểm POBI quy đổi từ 25 – dưới 50 điểm. Nhóm này bao gồm: Đồng Tháp, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Sóc Trăng.

Nhóm cuối cùng là nhóm D- ÍT công khai, gồm 02 tỉnh, là những tỉnh có điểm POBI quy đổi từ 0 – dưới 25 điểm, bao gồm: Đắk Lắk và Bình Phước.

Vĩnh Long, Đà Nẵng và Bà Rịa-Vũng Tàu và Hải Dương là những tỉnh tiếp tục duy trì vị trí top đầu trong bảng xếp hạng POBI 2020. Vĩnh Long là tỉnh có điểm xếp hạng cao nhất năm 2020 đạt 93,68 điểm. Nếu như năm 2019, Quảng Nam là tỉnh đứng đầu bảng xếp hạng thì năm 2020, Quảng Nam đã tụt xuống vị trí thứ 17, nhưng vẫn thuộc nhóm tỉnh công khai đầy đủ thông tin về ngân sách (nhóm A).

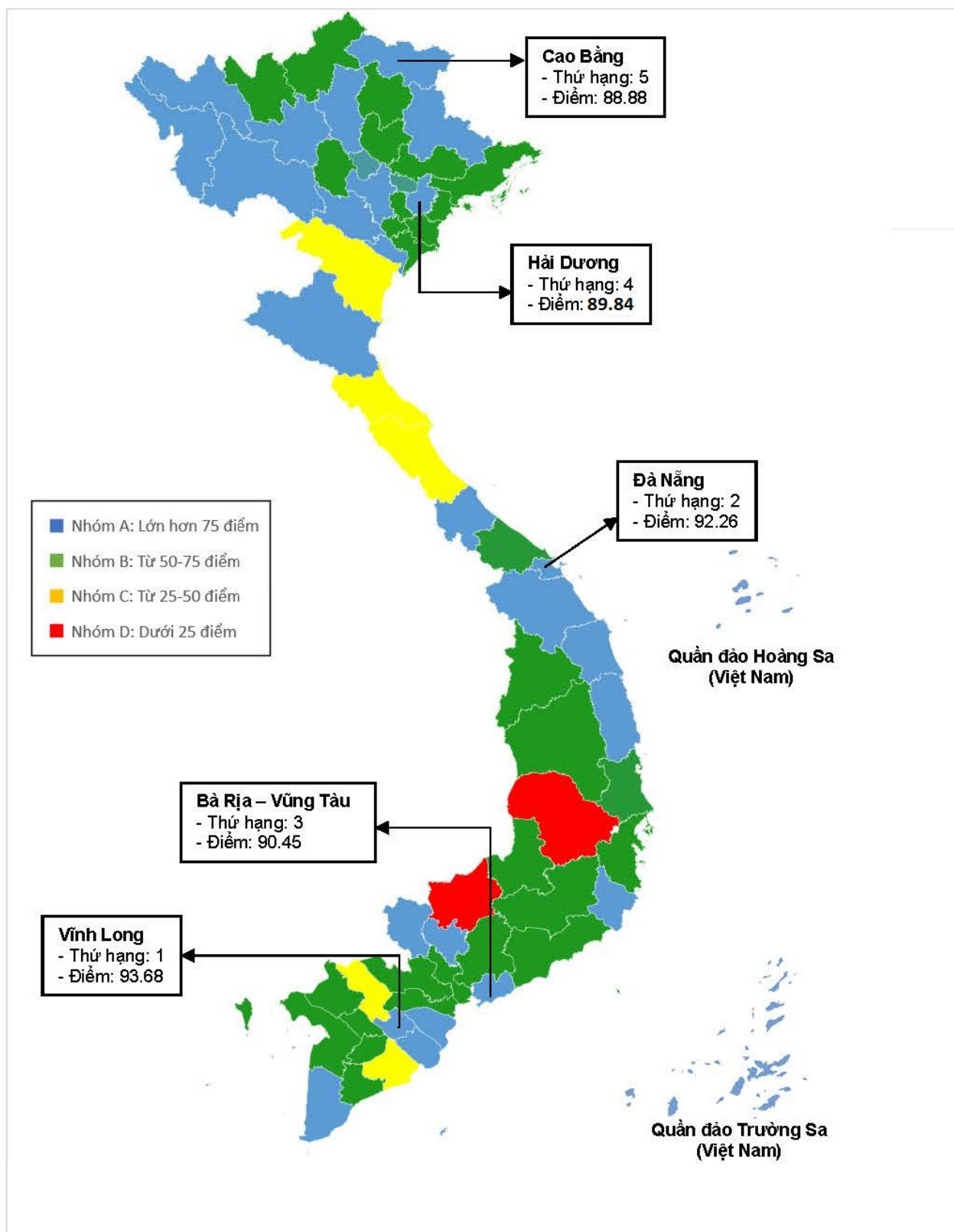
Hoà Bình và Lạng Sơn là hai tỉnh có điểm số POBI 2020 cải thiện tích cực nhất so với năm 2019. Nếu như năm 2019, Hoà Bình và Lạng Sơn thuộc nhóm công khai ÍT nhất (nhóm D) lần lượt đứng thứ 63 và 61 trong bảng xếp hạng POBI 2019 thì năm 2020, Hoà Bình và Lạng Sơn đã bứt phá lên nhóm đầu (nhóm A) về công khai thông tin ngân sách, lần lượt xếp thứ 14 và 16 trong bảng xếp hạng công khai ngân sách POBI 2020.

**Hình 2: Kết quả xếp hạng chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2020**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

**Hình 3: Phân loại xếp hạng chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2020**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

## 2. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH THEO VÙNG ĐỊA LÝ

Xếp theo 7 vùng địa lý trên cả nước, Cao Bằng (88,88 điểm), Hải Dương (89,84 điểm), Nghệ An (83,52 điểm), Đà Nẵng (92,26 điểm), Gia Lai (70,87 điểm), Bà Rịa - Vũng Tàu (90,45 điểm), và Vĩnh Long (93,68 điểm) là các tỉnh có số điểm POBI đứng đầu mỗi vùng.

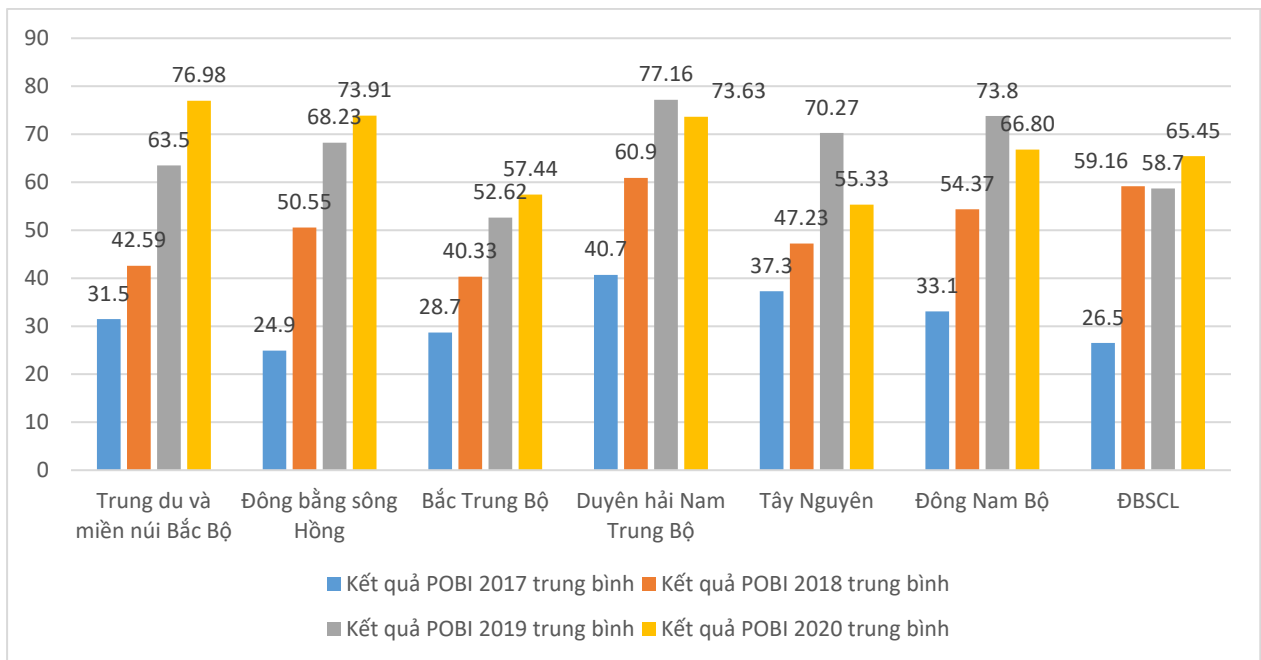
**Bảng 9: Xếp hạng công khai ngân sách tỉnh POBI 2020 theo 7 vùng địa lý**

| Vùng | Trung du và miền núi Bắc bộ |       | ĐBSH              |       | Bắc Trung bộ   |       | Duyên hải Nam trung bộ |       |
|------|-----------------------------|-------|-------------------|-------|----------------|-------|------------------------|-------|
|      | STT                         | Tỉnh  | Điểm              | Tỉnh  | Điểm           | Tỉnh  | Điểm                   | Tỉnh  |
| 1    | Cao Bằng                    | 88.88 | Hải Dương         | 89.84 | Nghệ An        | 83.52 | Đà Nẵng                | 92.26 |
| 2    | Điện Biên                   | 88.86 | Ninh Bình         | 84.99 | Quảng Trị      | 79.42 | Bình Định              | 88.13 |
| 3    | Tuyên Quang                 | 83.88 | Hà Nội            | 83.78 | Thừa Thiên Huế | 54.62 | Quảng Nam              | 81.83 |
| 4    | Hòa Bình                    | 83.67 | Vĩnh Phúc         | 81.51 | Thanh Hóa      | 48.52 | Quảng Ngãi             | 76.51 |
| 5    | Lạng Sơn                    | 82.3  | Bắc Ninh          | 75.09 | Hà Tĩnh        | 48.13 | Ninh Thuận             | 75.33 |
| 6    | Lai Châu                    | 78.94 | Hưng Yên          | 74.58 | Quảng Bình     | 30.41 | Khánh Hòa              | 65.3  |
| 7    | Sơn La                      | 76.3  | Thái Bình         | 70.12 |                |       | Bình Thuận             | 55.03 |
| 8    | Yên Bái                     | 75.19 | Hải Phòng         | 66.01 |                |       | Phú Yên                | 54.68 |
| 9    | Phú Thọ                     | 73.75 | Nam Định          | 63.72 |                |       |                        |       |
| 10   | Bắc Giang                   | 73.49 | Quảng Ninh        | 62.96 |                |       |                        |       |
| 11   | Bắc Kạn                     | 71.93 | Hà Nam            | 60.42 |                |       |                        |       |
| 12   | Hà Giang                    | 69.17 |                   |       |                |       |                        |       |
| 13   | Lào Cai                     | 67.7  |                   |       |                |       |                        |       |
| 14   | Thái Nguyên                 | 63.59 |                   |       |                |       |                        |       |
| Vùng | Tây Nguyên                  |       | Đông Nam Bộ       |       | ĐBSCL          |       |                        |       |
| STT  | Tỉnh                        | Điểm  | Tỉnh              | Điểm  | Tỉnh           | Điểm  |                        |       |
| 1    | Gia Lai                     | 70.87 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 90.45 | Vĩnh Long      | 93.68 |                        |       |
| 2    | Lâm Đồng                    | 69.25 | Tây Ninh          | 84.28 | Bến Tre        | 85.59 |                        |       |
| 3    | Đắk Nông                    | 57.58 | Bình Dương        | 84.28 | Trà Vinh       | 78.96 |                        |       |
| 4    | Kon Tum                     | 55.55 | TP. Hồ Chí Minh   | 69.87 | Cà Mau         | 76.39 |                        |       |
| 5    | Đắk Lắk                     | 23.41 | Đồng Nai          | 68.07 | An Giang       | 73.78 |                        |       |
| 6    |                             |       | Bình Phước        | 3.84  | Hậu Giang      | 68.67 |                        |       |
| 7    |                             |       |                   |       | Bạc Liêu       | 67.96 |                        |       |
| 8    |                             |       |                   |       | Kiên Giang     | 66.64 |                        |       |
| 9    |                             |       |                   |       | Long An        | 55.39 |                        |       |
| 10   |                             |       |                   |       | Tiền Giang     | 54.77 |                        |       |
| 11   |                             |       |                   |       | Cần Thơ        | 53.32 |                        |       |
| 12   |                             |       |                   |       | Đồng Tháp      | 49.96 |                        |       |
| 13   |                             |       |                   |       | Sóc Trăng      | 25.71 |                        |       |

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Trung du và miền núi Bắc bộ là vùng có điểm POBI trung bình cao nhất cả nước năm 2020, đạt 76,98 điểm. Đây cũng là vùng có sự cải thiện đáng kể nhất về điểm POBI trung bình của các tỉnh trong suốt giai đoạn 2017-2020. Các vùng cũng có sự cải thiện tích cực về điểm POBI còn có Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ. Các vùng có điểm POBI trung bình năm 2020 giảm so với năm 2019 gồm có Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

**Hình 4: Kết quả chấm POBI trung bình theo 7 vùng địa lý, 2017-2020**



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017-2020

## CHƯƠNG II. XẾP HẠNG VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN VÀO QUÁ TRÌNH CÔNG KHAI NGÂN SÁCH

Đây là năm thứ ba khảo sát POBI đưa tiêu chí về sự tham gia của người dân trong chu trình ngân sách địa phương vào nội dung khảo sát. Các nội dung đánh giá bao gồm việc Sở Tài chính các tỉnh có phương thức giao tiếp, trao đổi với người dân trên cổng thông tin điện tử về vấn đề ngân sách và các ý kiến, kiến nghị của cử tri về vấn đề ngân sách được HĐND, MTTQ tỉnh tổng hợp và công khai trên cổng thông tin điện tử. Kết quả khảo sát POBI 2020 về mức độ tham gia của người dân cho thấy nhìn chung các tỉnh vẫn ÍT tạo điều kiện để người dân tham gia vào quy trình ngân sách. Số điểm quy đổi trung bình của 63 tỉnh thành phố là 39,25 điểm, gần như không có sự cải thiện so với năm 2019 (38,01 điểm). Đà Nẵng là địa phương đạt điểm số cao nhất với 81,82 điểm quy đổi. Thanh Hoá là tỉnh có số điểm về sự tham gia của người dân thấp nhất cả nước (4,55 điểm).

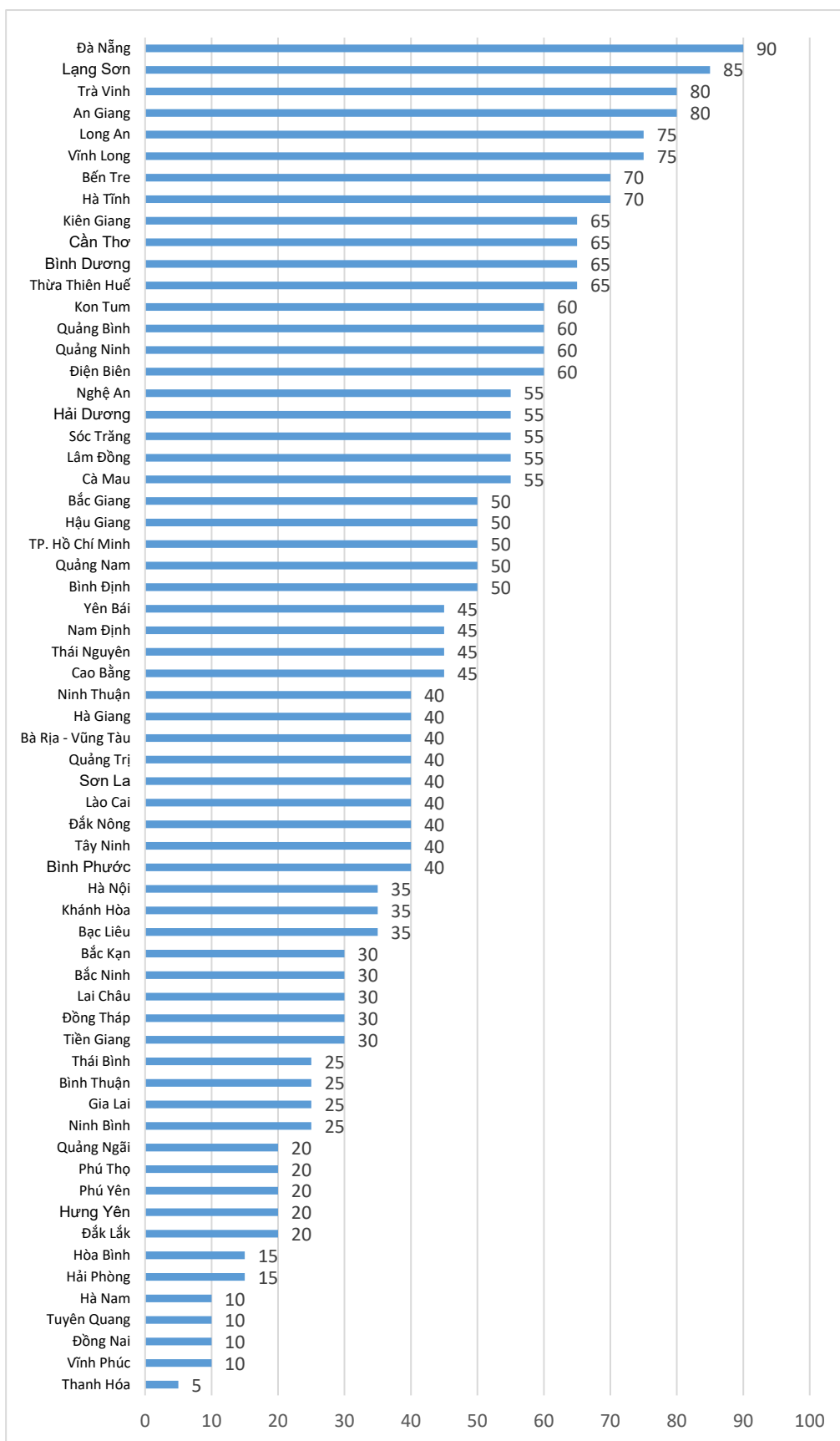
Có 14 trong số 63 tỉnh/thành phố phản hồi các câu hỏi yêu cầu cung cấp thông tin của nhóm nghiên cứu gửi qua email liên hệ được công khai trên cổng tin điện tử của Sở Tài chính. Trong đó, có 11 phản hồi được nhận trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi và 3 phản hồi được nhận trong vòng 16 đến 30 ngày kể từ ngày gửi.

Trong số 63 tỉnh, thành phố, có 28 Sở Tài chính tỉnh không phản hồi và có 21 tỉnh không gửi được email theo địa chỉ email được công khai trên cổng TTĐT. Phản hồi của các Sở Tài chính cho thấy các địa chỉ email được công khai trên cổng TTĐT chỉ được sử dụng để trao đổi thông tin nội bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, không tiếp nhận hoặc xử lý các email không thuộc hệ thống email công vụ (email có đuôi gov.vn).

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy chỉ có 25 trên tổng số 63 tỉnh có công khai quy chế cung cấp thông tin cho người dân và có 16 tỉnh/thành phố có cổng TTĐT của Sở Tài chính, UBND hay HĐND có các liên kết với các kênh mạng xã hội như Facebook, Zalo của tỉnh.

Khảo sát POBI 2020 cũng tiến hành chấm điểm đối với các tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND trên cổng TTĐT của tỉnh. Trong số các tài liệu thuộc nhóm này, Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm cả báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 và dự thảo dự toán 2021) và Báo cáo tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh năm 2020 là hai tài liệu được công khai nhiều nhất với 29 tỉnh có công khai, tương đương với 46.03%. Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh có 24 tỉnh công khai, tương đương với 38.09%. Trong khi đó, chỉ có 18 tỉnh (28.57%) công khai Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020).

**Hình 5: Xếp hạng về sự tham gia của người dân, 2020**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*



### **CHƯƠNG III. TÌNH HÌNH CÔNG KHAI CÁC TÀI LIỆU NGÂN SÁCH**

Chương này trình bày kết quả tình hình công khai theo các tài liệu ngân sách theo khảo sát POBI 2019. Nội dung của chương này cho biết mức độ sẵn có, tính kịp thời và tính đầy đủ của từng loại tài liệu ngân sách bắt buộc phải công bố và các tài liệu khuyến khích công bố bao gồm:

1. Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2020 trình HĐND tỉnh
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2019
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2019
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2019
6. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2019
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2018 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn
8. Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2020
9. Danh mục dự án đầu tư công của tỉnh năm 2020
10. Tình hình nợ công của tỉnh năm 2019
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019
12. Các tài liệu không chấm điểm POBI 2020

Đối với các tài liệu khuyến khích công khai (tài liệu không chấm điểm POBI 2020), mặc dù hiện tại các tài liệu này theo Luật NSNN 2015 chưa phải là tài liệu bắt buộc công khai, tuy nhiên đây là những thông lệ quốc tế tốt mà các tỉnh nên thực hiện. Việc công khai các tài liệu này giúp người dân có hiểu biết tốt hơn về tình hình quản lý ngân sách tại địa phương. Các tài liệu này gồm có: (i) Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, (ii) Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019, (iii) Báo cáo tài chính của tỉnh, (iv) Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023, và (v) Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

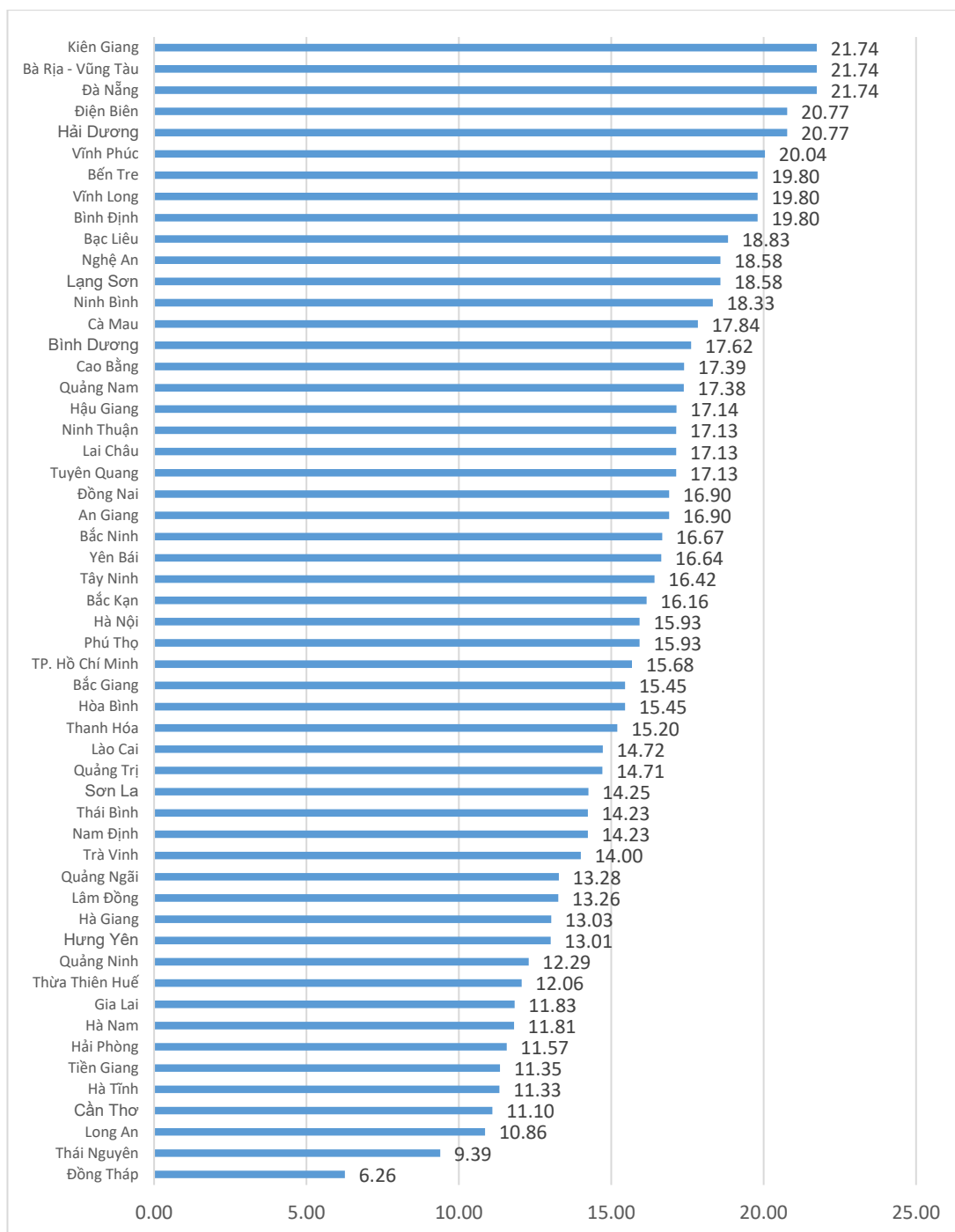
#### **1. DỰ THẢO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2021 TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy có 54 tỉnh/thành phố có công khai tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh. Số tỉnh công khai tương tự như kết quả của khảo sát POBI 2019. Tổng điểm quy đổi cho tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh năm 2021 là 21,74 điểm trong tổng số 100 điểm quy đổi POBI

2020. Kiên Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu và Đà Nẵng là 3 tỉnh đứng đầu bảng xếp hạng về công khai tài liệu Dự thảo dự toán với số điểm tối đa cho tài liệu này.

Các tỉnh không công khai tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh bao gồm: Sóc Trăng, Kon Tum, Bình Phước, Bình Thuận, Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hoà, Phú Yên, Quảng Bình.

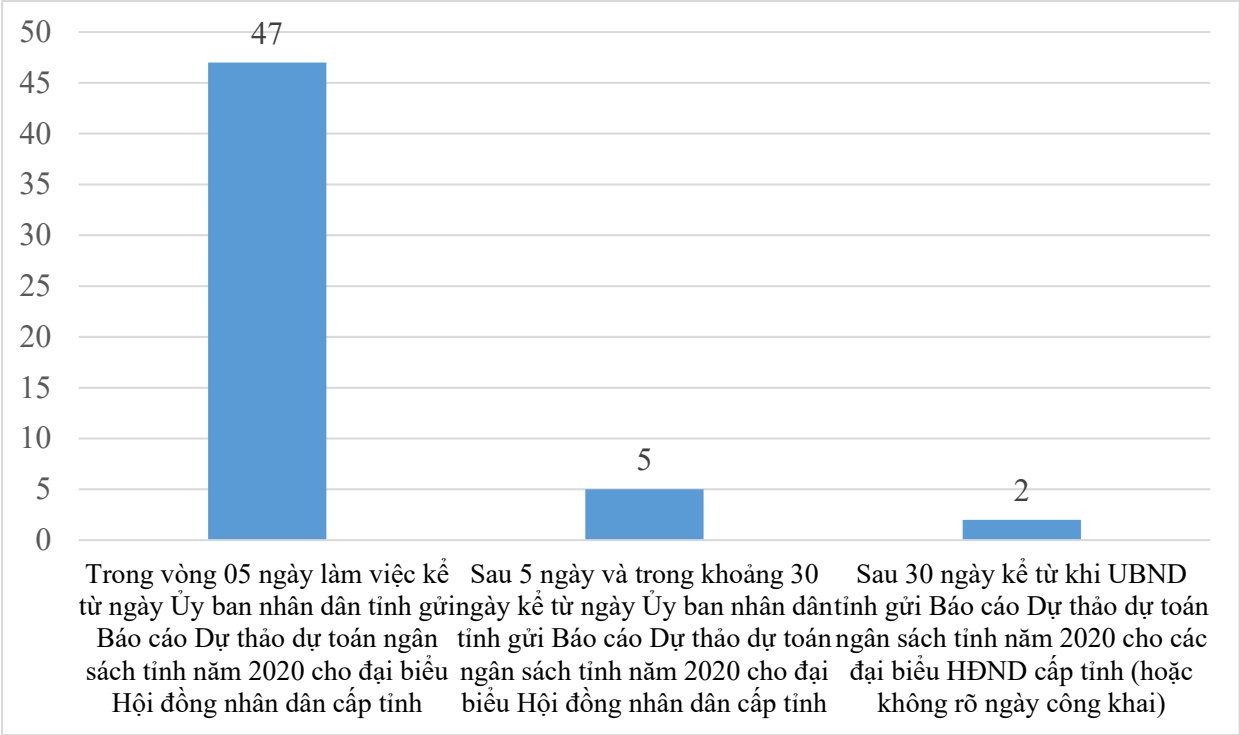
**Hình 6: Xếp hạng các tỉnh công khai tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh**



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Về thời điểm công khai Dự thảo dự toán ngân sách năm 2021 trình HĐND, trong số 54 tỉnh có công khai tài liệu này, 47 tỉnh công bố công khai đúng thời gian quy định là trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày UBND tỉnh gửi báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 cho đại biểu HĐND tỉnh (tăng 11 tỉnh so với POBI 2019). Có 5 tỉnh công bố sau 05 ngày và trong khoảng 30 ngày và chỉ có 2 tỉnh công bố sau 30 ngày hoặc không xác định được chính xác thời điểm công bố.

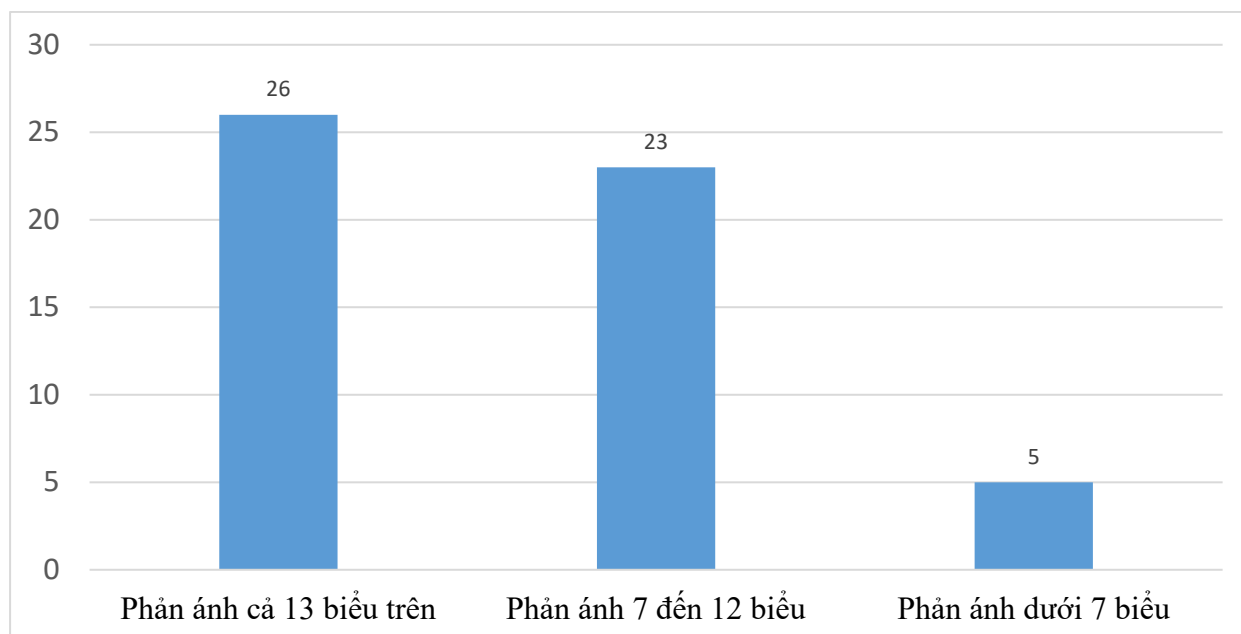
**Hình 7: Số tỉnh công bố tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, phân theo thời gian công khai**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

Theo quy định tại Thông tư 343, tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh phải được công khai kèm theo đầy đủ phụ lục 13 bảng biểu bao gồm các biểu từ biểu số 33 đến biểu số 45. Trong số 54 tỉnh có công bố Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, có 26 tỉnh (chiếm tỉ lệ 41,26% trong tổng số 63 tỉnh thành) công bố đầy đủ 13 bảng biểu theo quy định của Thông tư 343 (tăng 8 tỉnh so với khảo sát POBI 2019), 23 tỉnh phản ánh 7 đến 12 biểu (chiếm tỉ lệ 36,5% trong tổng số 63 tỉnh thành) và 5 tỉnh (chiếm tỉ lệ 7,9% trong tổng số 63 tỉnh thành) phản ánh dưới 7 biểu hoặc không có phụ lục bảng biểu kèm theo.

**Hình 8: Số tỉnh công bố tài liệu Dự thảo toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

Trong khảo sát POBI 2020, nhóm nghiên cứu tiếp tục chấm điểm đầy đủ trong việc công khai nội dung các bảng biểu số 33 – Cân đối ngân sách, biểu số 35 – Dự toán thu NSNN và biểu số 39 – Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực.

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy, đối với biểu số 33, có 44 tỉnh trong tổng số 63 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định (tăng 7 tỉnh so với POBI 2019), 3 tỉnh có phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định, 5 tỉnh không phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn theo quy định hoặc không phản ánh biểu số 33 trong tài liệu. Đối với các tỉnh có phản ánh biểu 33 nhưng không đầy đủ chủ yếu chỉ phản ánh hai khoản mục chính là mục A - Tổng nguồn thu NSDP và mục B - Tổng chi NSDP, thiếu các khoản mục như mục C - Bội chi/Bội thu NSDP, mục D – Chi trả nợ gốc của NSDP và mục Đ – Tổng mức vay của NSDP.

Đối với biểu số 35, chỉ có 23 tỉnh phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (gồm 18 mục nhỏ) và chi tiết theo từng loại thuế. Có 22 tỉnh phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế. Có 7 tỉnh phản ánh các nguồn thu trong thu nội địa nhưng ít hơn 18 mục thu theo quy định. Chỉ có 2 tỉnh không phản ánh nguồn thu cụ thể nào trong nguồn thu nội địa (hoặc không có biểu số 35).

Đối với biểu số 39, chỉ có 29 tỉnh có phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho các lĩnh vực theo quy định. Có 5 tỉnh phản ánh từ 9 đến 11 lĩnh vực, 2 tỉnh chỉ phản ánh dưới từ 5 đến 8 lĩnh vực chi đầu tư và 18 tỉnh không phản ánh cụ thể dự toán chi đầu tư cho bất kỳ lĩnh vực nào (hoặc không có biểu số 39).

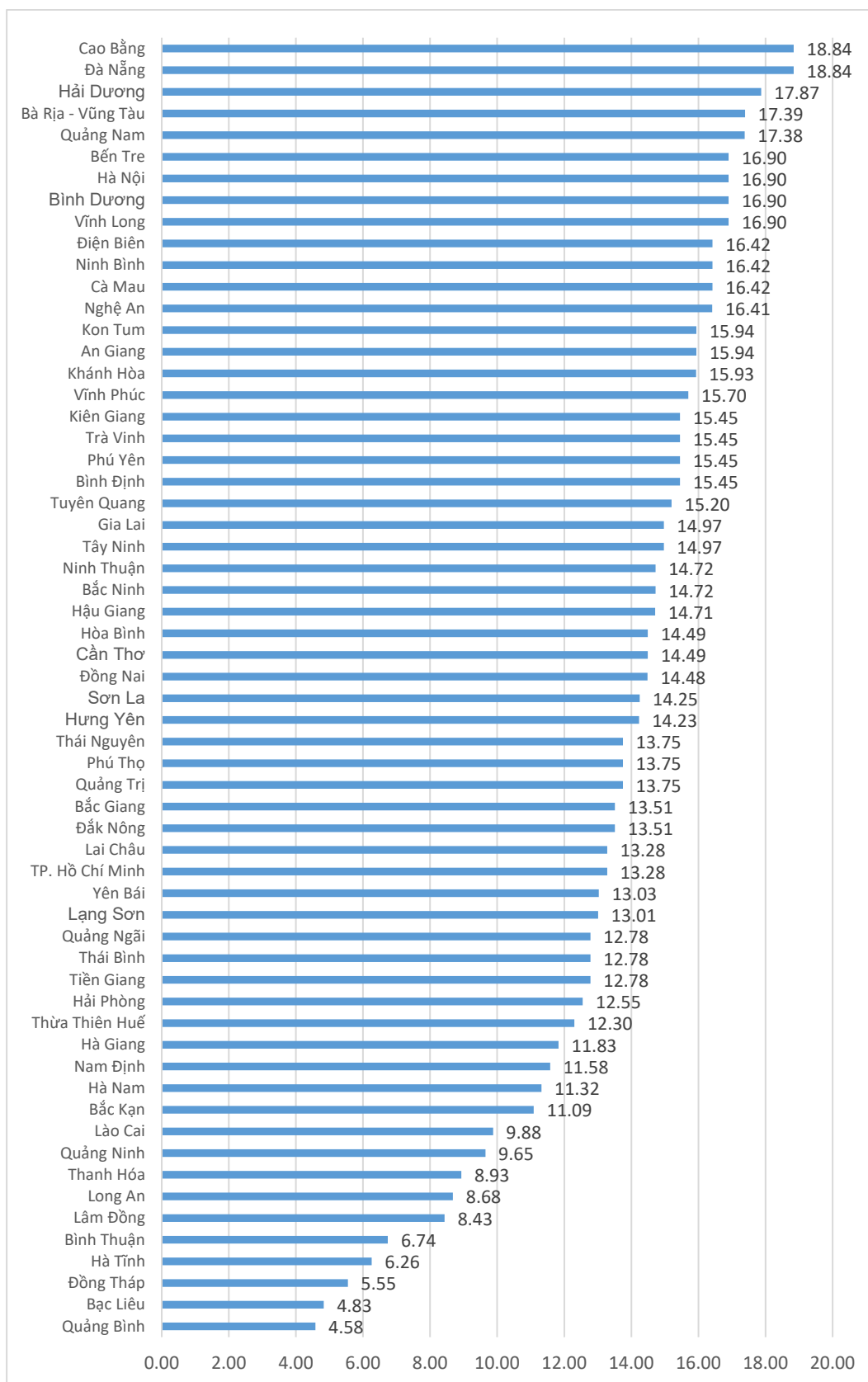
POBI 2020 là năm đầu tiên nhóm nghiên cứu bổ sung thêm nội dung đó là so sánh phần trăm thay đổi của chi thường xuyên hàng năm cho GDĐT và y tế, dân số so với phần trăm thay đổi của tổng chi thường xuyên trong Dự thảo trình 2021 với Dự toán được duyệt 2020. Dự thảo trình năm 2021 chỉ đạt tính tin cậy khi chi thường xuyên cho GDĐT và y tế, dân số tăng nhanh hơn hoặc giảm ít hơn mức tăng hoặc mức giảm trong tài liệu dự toán được duyệt năm 2020. Kết quả chỉ có 26 tỉnh (41,27%) có mức chi thường xuyên cho GDĐT và 19 tỉnh (30,16%) có mức chi thường xuyên cho y tế, dân số tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn) so với mức tăng/giảm tổng chi thường xuyên trong dự toán được duyệt năm 2020.

## **2. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2021 ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUYẾT ĐỊNH**

Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được quyết định là một trong những tài liệu được các tỉnh/thành phố công khai nhiều nhất. Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy có 60 tỉnh có công khai tài liệu này, tăng 02 tỉnh so với khảo sát POBI năm 2019.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 18,84 điểm. Kết quả chấm POBI năm 2020 cho thấy có 2 tỉnh thực hiện việc công khai rất tốt tài liệu này là Cao Bằng và Đà Nẵng, đều đạt điểm số tối đa cho tài liệu này. Một số tỉnh có công khai nhưng đạt điểm rất thấp như tỉnh Quảng Bình, Bạc Liêu, Đồng Tháp do không đảm bảo tính đầy đủ về nội dung của bảng biểu đính kèm hoặc chỉ công khai Nghị quyết phê duyệt dự toán năm 2021 của HĐND tỉnh và không kèm theo phụ lục bảng biểu. Bình Phước, Đắk Lắk và Sóc Trăng là ba tỉnh không công khai tài liệu dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định.

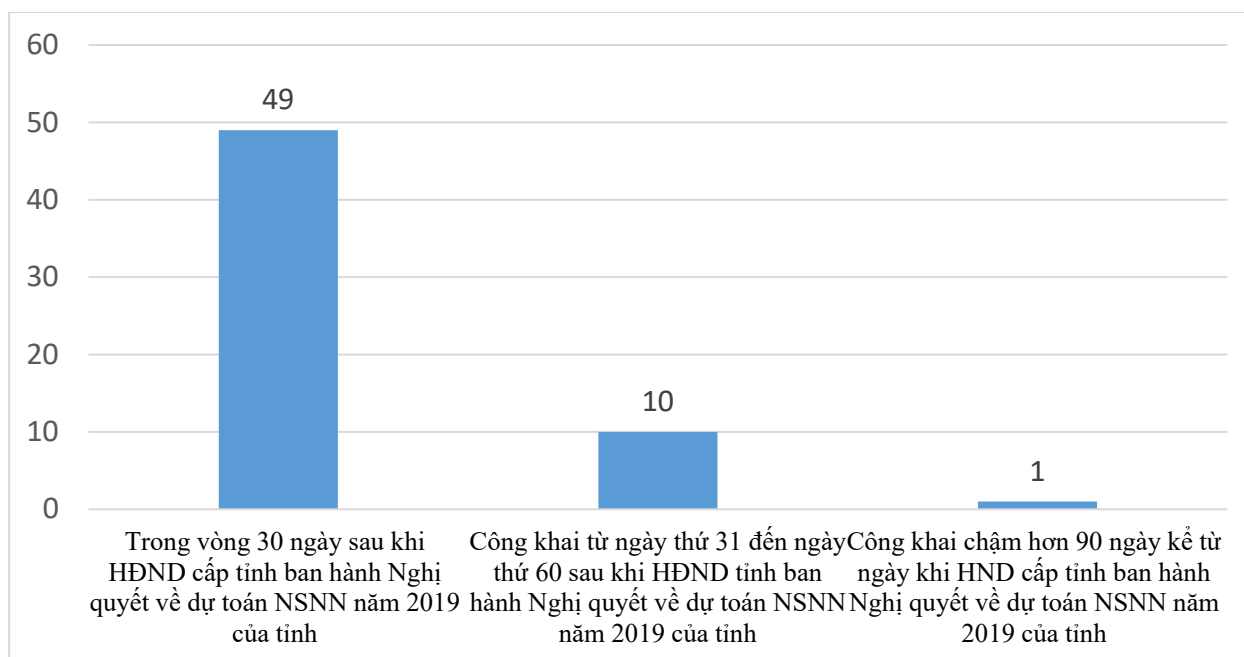
**Hình 9: Xếp hạng các tỉnh có công khai Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định**



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là loại tài liệu có tỉ lệ các tỉnh công khai đúng thời hạn quy định tương đối cao (49 tỉnh, tăng 14 tỉnh so với kết quả khảo sát POBI 2019). Có 10 tỉnh công khai chậm – tức là trong khoảng từ ngày thứ 31 đến ngày thứ 60. Có 1 tỉnh không xác định được chính xác thời điểm công khai hoặc công khai quá muộn.

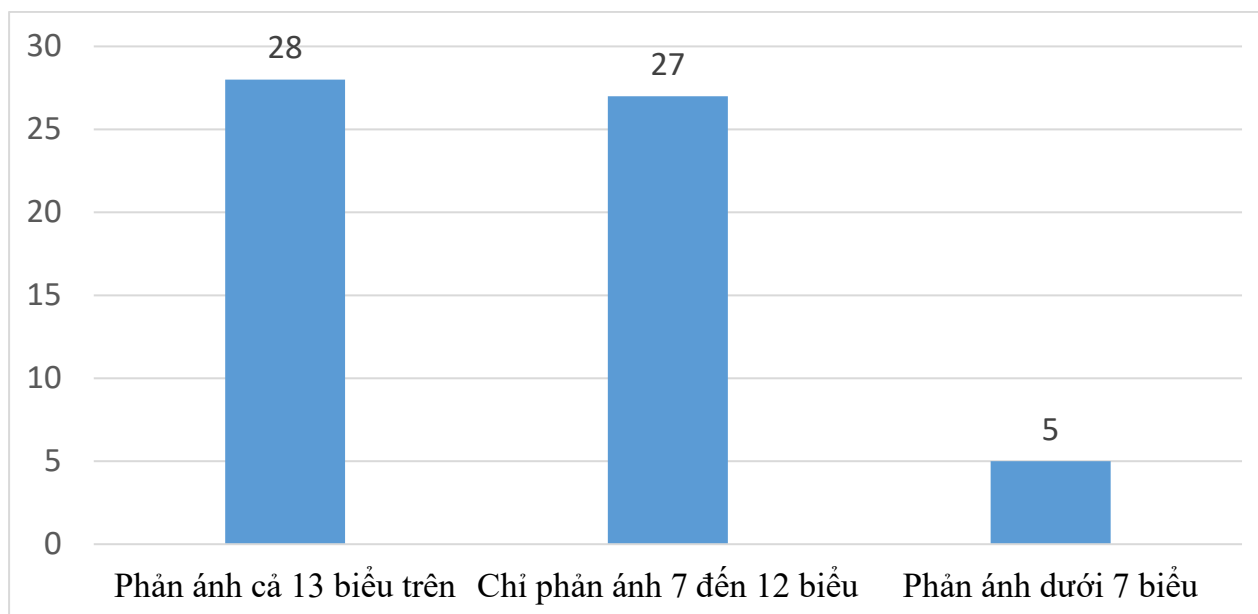
**Hình 10: Số tỉnh công bố tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phân theo thời gian công khai**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

Trong số 60 tỉnh có công khai Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được quyết định, có 28 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 13 biểu theo quy định của Thông tư 343, chiếm tỉ lệ 44,4% trong tổng số 63 tỉnh thành (tăng 01 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Có 27 tỉnh (tương đương 42.86% trong tổng số 63 tỉnh thành) phản ánh từ 7 đến 12 biểu và 5 tỉnh (tương đương 7.93% trong tổng số 63 tỉnh thành) phản ánh dưới 7 biểu hoặc không công khai bảng biểu cùng với Dự toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được phê duyệt.

**Hình 11: Số tỉnh công bố tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

Theo quy định của Thông tư 343, tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh gồm 13 biểu mẫu kèm theo (từ biểu số 46 đến biểu số 58). Trong khảo sát POBI 2020, nhóm nghiên cứu tiếp tục chấm điểm đầy đủ trong việc công khai nội dung các bảng biểu số 46 – Cân đối ngân sách địa phương, biểu số 48 – Dự toán thu NSNN và biểu số 52 – Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực.

Đối với biểu số 46 – Biểu cân đối ngân sách địa phương, có 47 trong tổng số 63 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định (tăng 5 tỉnh so với khảo sát POBI 2019), 4 tỉnh có phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định, 9 tỉnh không phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn theo quy định hoặc không phản ánh biểu số 46 trong tài liệu. Đối với các tỉnh có phản ánh biểu 46 nhưng không đầy đủ chủ yếu chỉ phản ánh hai khoản mục chính là mục A - Tổng nguồn thu ngân sách địa phương (NSDP) và mục B - Tổng chi NSDP, thiếu các khoản mục như mục C - Bội chi/Bội thu NSDP, mục D – Chi trả nợ gốc của NSDP và mục Đ – Tổng mức vay của NSDP.

Đối với biểu số 48 – Dự toán thu NSNN, có 31 tỉnh phản ánh đầy đủ các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa bao gồm 18 mục nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (tăng 7 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Có 14 tỉnh phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa và không chi tiết theo loại thuế. Có 12 tỉnh phản ánh các nguồn thu trong thu nội địa nhưng ít hơn 18 mục thu theo quy định.



Đối với biểu số 52 – Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan tổ chức theo lĩnh vực, 36 tỉnh phản ánh dự toán cụ thể cho 12 lĩnh vực chi đầu tư (tăng 2 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Có 4 tỉnh phản ánh cụ thể dự toán cho 9 đến 11 lĩnh vực chi đầu tư. Có 4 tỉnh nào phản ánh cụ thể dự toán chi đầu tư cho 5 đến 8 lĩnh vực chi đầu tư. 17 tỉnh còn lại chỉ phản ánh cụ thể dự toán chi đầu tư cho 0 đến 4 lĩnh vực chi đầu tư hoặc không công khai tài liệu này.

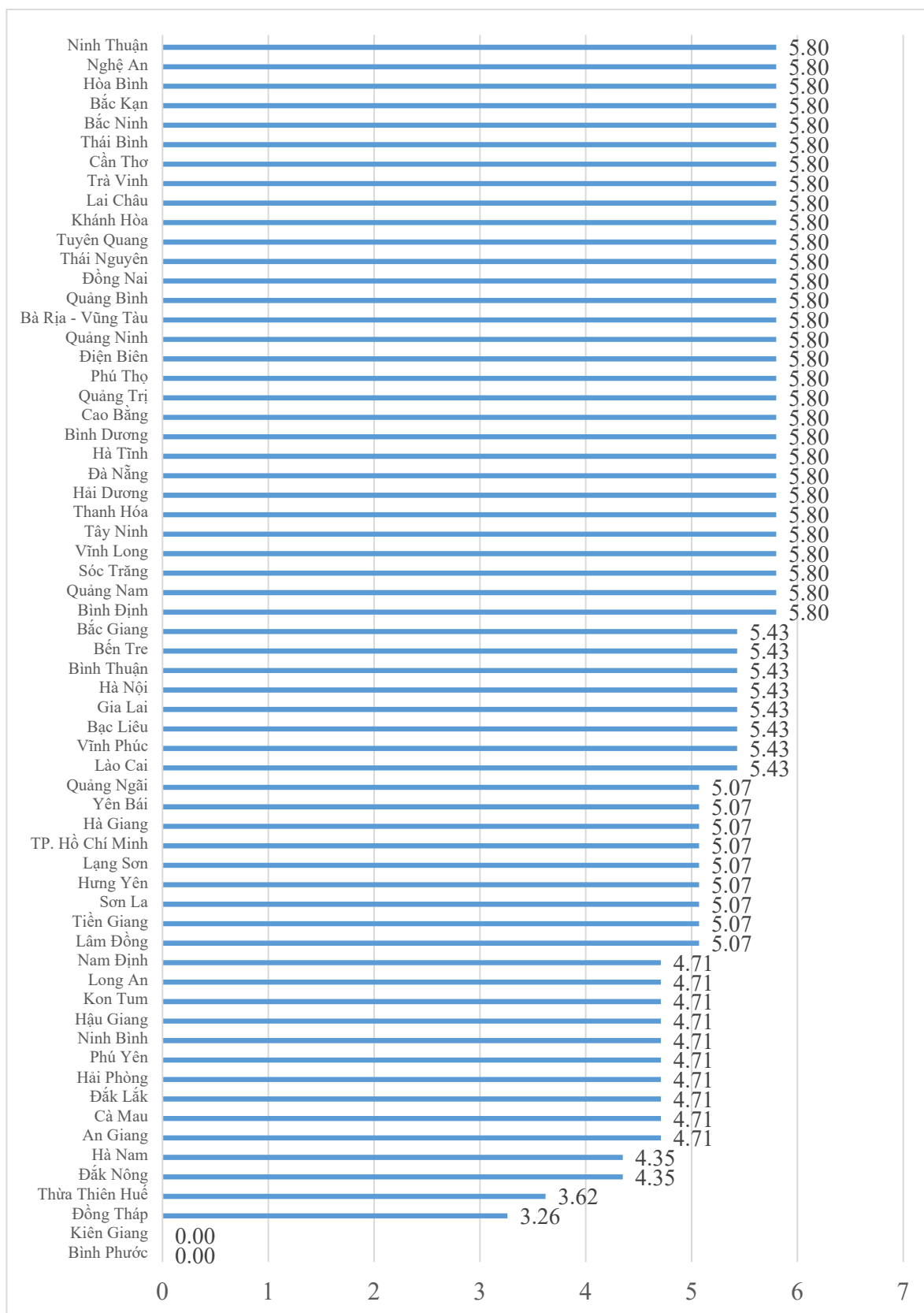
POBI 2020 là năm đầu tiên nhóm nghiên cứu bổ sung thêm nội dung đó là so sánh phần trăm thay đổi của chi thường xuyên hàng năm của ngân sách tỉnh cho GDĐT và y tế, dân số so với phần trăm thay đổi của tổng chi thường xuyên trong Dự toán ngân sách tỉnh được quyết định năm 2021 với Dự toán được quyết định năm 2020. Dự toán được phê duyệt năm 2021 chỉ đạt tính tin cậy khi chi thường xuyên cho GDĐT và y tế, dân số tăng nhanh hơn hoặc giảm ít hơn mức tăng hoặc mức giảm trong tài liệu dự toán được duyệt năm 2020. Kết quả chỉ có 27 tỉnh (42,86%) có mức chi thường xuyên cho GDĐT và 25 tỉnh (39,68%) có mức chi thường xuyên cho y tế, dân số tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn) so với mức tăng/giảm tổng chi thường xuyên trong dự toán được duyệt năm 2020.

### **3. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH QUÝ 1/2020**

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 là một trong những tài liệu bắt buộc phải công bố công khai có tỉ lệ số tỉnh công bố cao nhất trong các loại tài liệu, cụ thể 61/63 tỉnh (tương đương 96,8%) có công khai loại tài liệu này, tăng 3 tỉnh so với khảo sát POBI 2019.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 là 5,8 điểm. Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy có 30 tỉnh đạt điểm tối đa, tăng 17 tỉnh so với khảo sát POBI 2019. Hai tỉnh không công khai tài liệu này là Bình Phước và Kiên Giang.

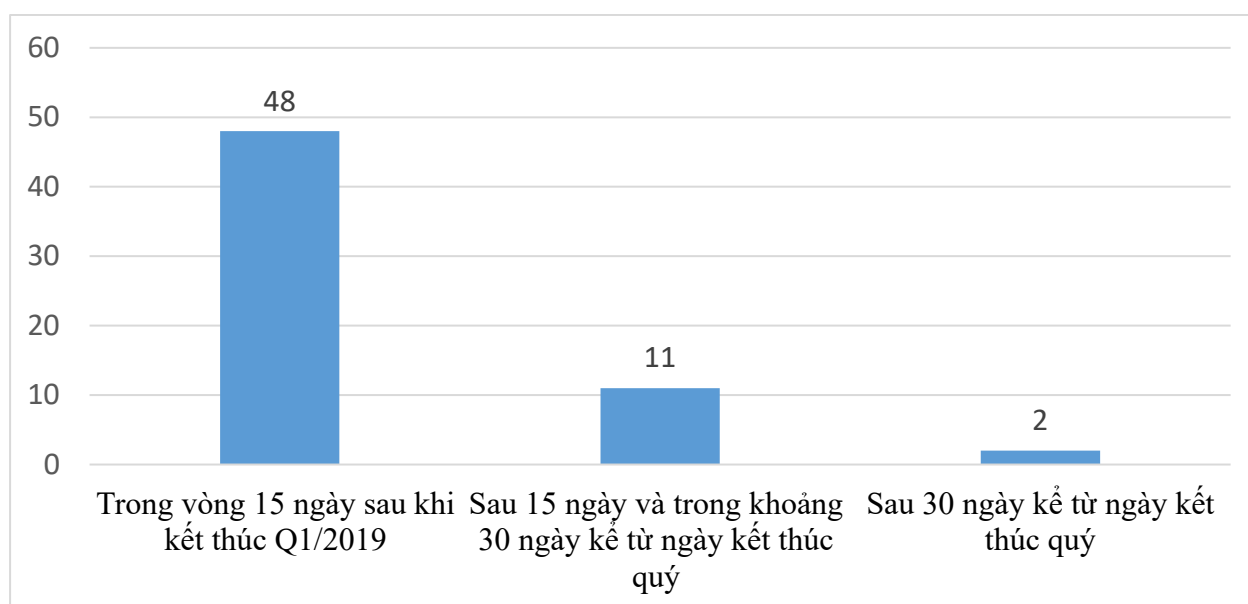
**Hình 12: Xếp hạng các tỉnh có công bố tài liệu báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020 theo điểm POBI 2020**



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Có sự tiến bộ vượt bậc về số lượng các tỉnh công bố đúng thời hạn quy định của Thông tư 343 đối với tài liệu này. Có 48 tỉnh trong tổng số 63 tỉnh thành (tương đương với 76,2%) công bố trong vòng 15 ngày sau khi kết thúc quý 1 năm 2020 (tăng 21 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Có 11 tỉnh (tương đương 17,46% trong tổng số 63 tỉnh thành) công bố sau 15 ngày và trong khoảng 30 ngày và chỉ có 2 tỉnh (tương đương 3,1% trong tổng số 63 tỉnh thành) công bố sau 30 ngày hoặc không xác định được thời điểm công bố.

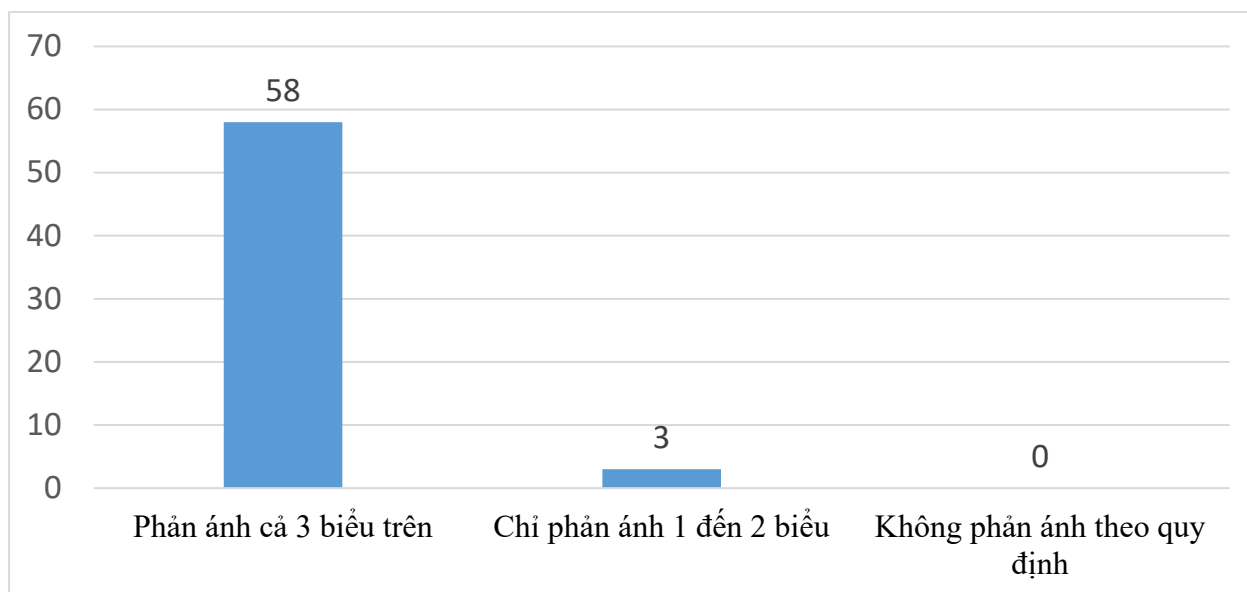
**Hình 13: Số tỉnh công bố Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020 phân theo thời gian công khai**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

Có tới 58/60 tỉnh có công khai báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 phản ánh đầy đủ cả 03 biểu theo quy định của Thông tư 343 (tăng 5 tỉnh so với khảo sát POBI 2019, chiếm tỉ lệ 88,9% trong tổng số 63 tỉnh thành). Có 3 tỉnh (tương đương 4,76% trong tổng số 63 tỉnh thành) phản ánh 1 hoặc 2 biểu và không có tỉnh nào không công khai hoặc không phản ánh bất kỳ biểu nào theo quy định của Thông tư 343, ngoại trừ hai tỉnh không công khai tài liệu này.

**Hình 14: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

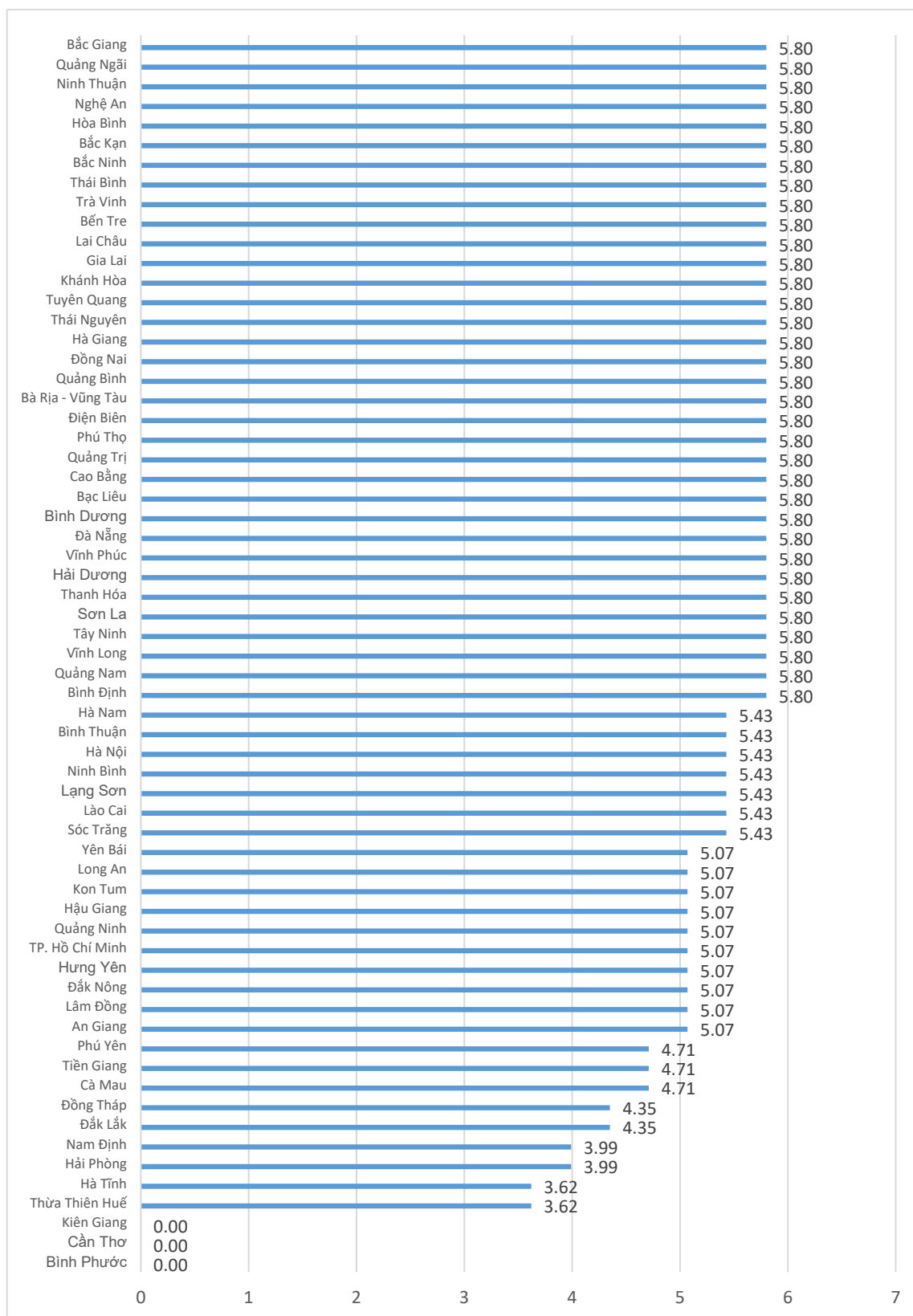
Các biểu bắt buộc phải công bố công khai theo Thông tư 343 trong tài liệu về tình hình thực hiện ngân sách quý của tỉnh bao gồm biểu số 59 – Cân đối ngân sách địa phương quý, biểu số 60 – Ước thực hiện thu NSNN quý và biểu số 61 – Ước thực hiện chi ngân sách địa phương quý. Khảo sát POBI 2020 chỉ tiến hành chấm điểm đầy đủ nội dung của biểu số 59. Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy 68,25% số tỉnh (tương đương 43 tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của biểu số 59. Có 11 tỉnh (tương đương 17,46%) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và 7 tỉnh (tương đương 11,1%) không phản ánh đầy đủ 4 mục lớn theo quy định hoặc không công khai loại tài liệu này.

#### **4. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2020 là một trong những tài liệu bắt buộc phải công bố công khai có tỉ lệ số tỉnh công bố ở mức cao, cụ thể 60/63 tỉnh (tương đương 95.2%) có công khai loại tài liệu này, tăng 2 tỉnh so với khảo sát POBI năm 2019.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2020 là 5,8 điểm. Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy có 34 tỉnh đạt điểm tối đa, tăng 17 tỉnh so với khảo sát POBI 2019. Ba tỉnh không công khai tài liệu này là Bình Phước, Kiên Giang và Cần Thơ.

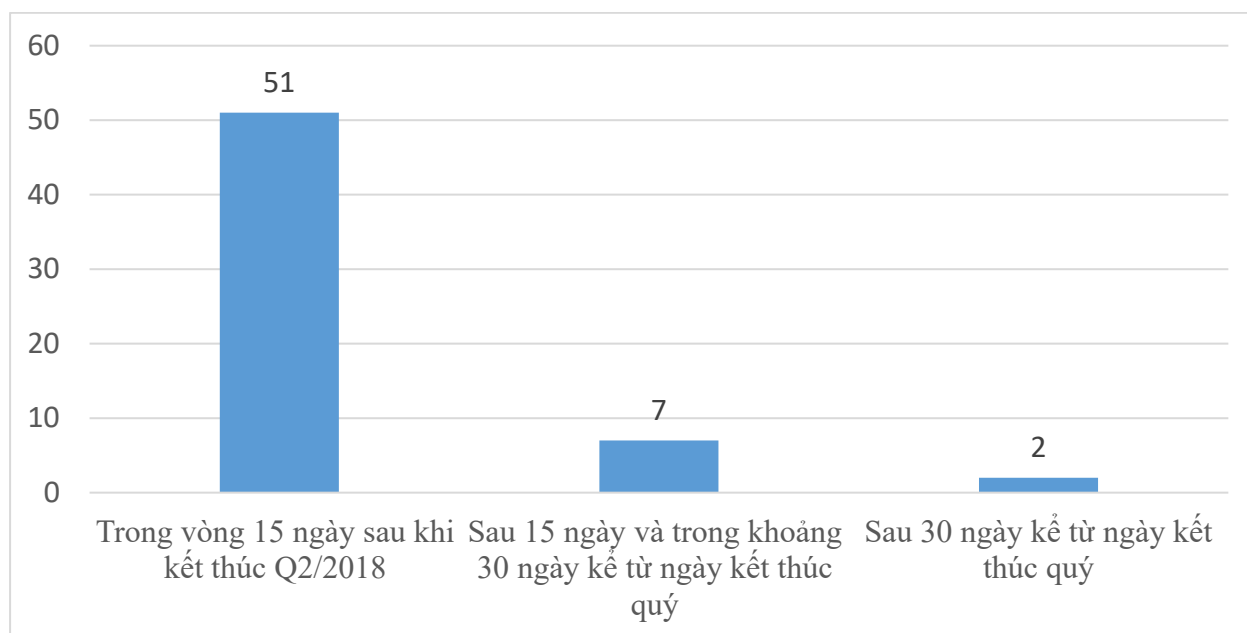
**Hình 15: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2020 theo điểm POBI 2020**



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Tương tự như tài liệu Quý 1, có sự cải thiện tích cực về số lượng các tỉnh công bố đúng thời hạn quy định của Thông tư 343 đối với tài liệu tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2020. Có 51 tỉnh trong tổng số 63 tỉnh thành (tương đương với 80,9%) công bố trong vòng 15 ngày sau khi kết thúc quý 2 năm 2020 (tăng 17 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Có 7 tỉnh (tương đương 11,1% trong tổng số 63 tỉnh thành) công bố sau 15 ngày và trong khoảng 30 ngày và chỉ có 2 tỉnh (tương đương 3,1% trong tổng số 63 tỉnh thành) công bố sau 30 ngày hoặc không xác định được thời điểm công bố.

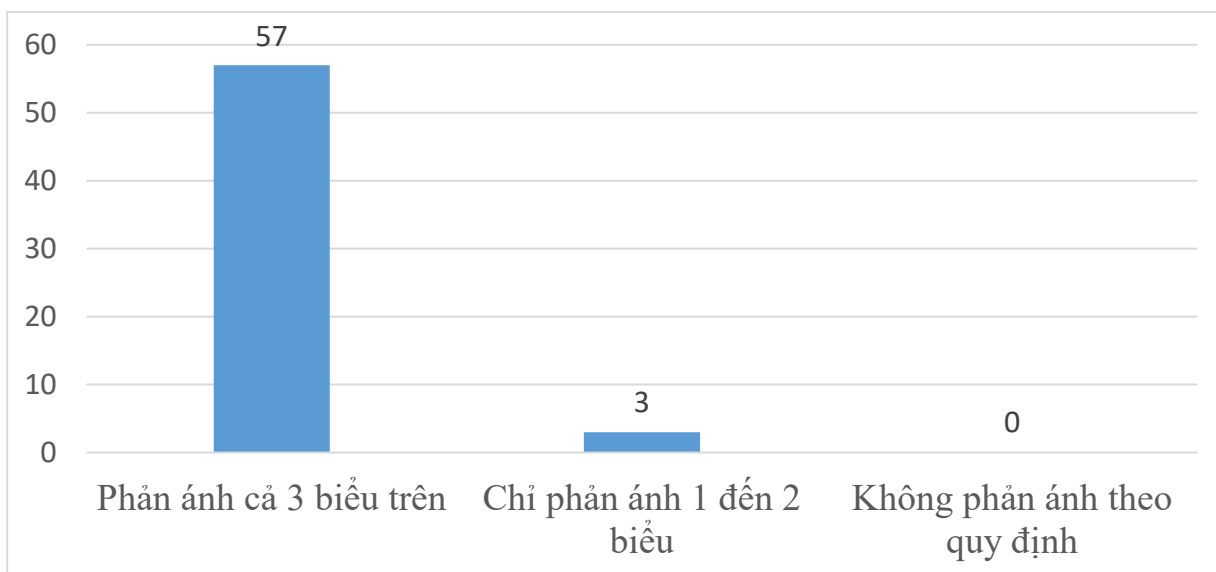
**Hình 16: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2020 phân theo thời gian công khai**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

Có tới 57 trong số 60 tỉnh có công khai báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2020 phản ánh đầy đủ cả 03 biểu theo quy định của Thông tư 343 (chiếm tỉ lệ 90,47% trong tổng số 63 tỉnh thành, tăng 5 tỉnh so với kết quả khảo sát POBI 2019). Có 3 tỉnh (tương đương 4,76% trong tổng số 63 tỉnh thành) chỉ phản ánh 1 hoặc 2 biểu và không có tỉnh nào không phản ánh biểu nào theo như quy định trong Thông tư 343, ngoại trừ ba tỉnh không công khai tài liệu này.

**Hình 17: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2020 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

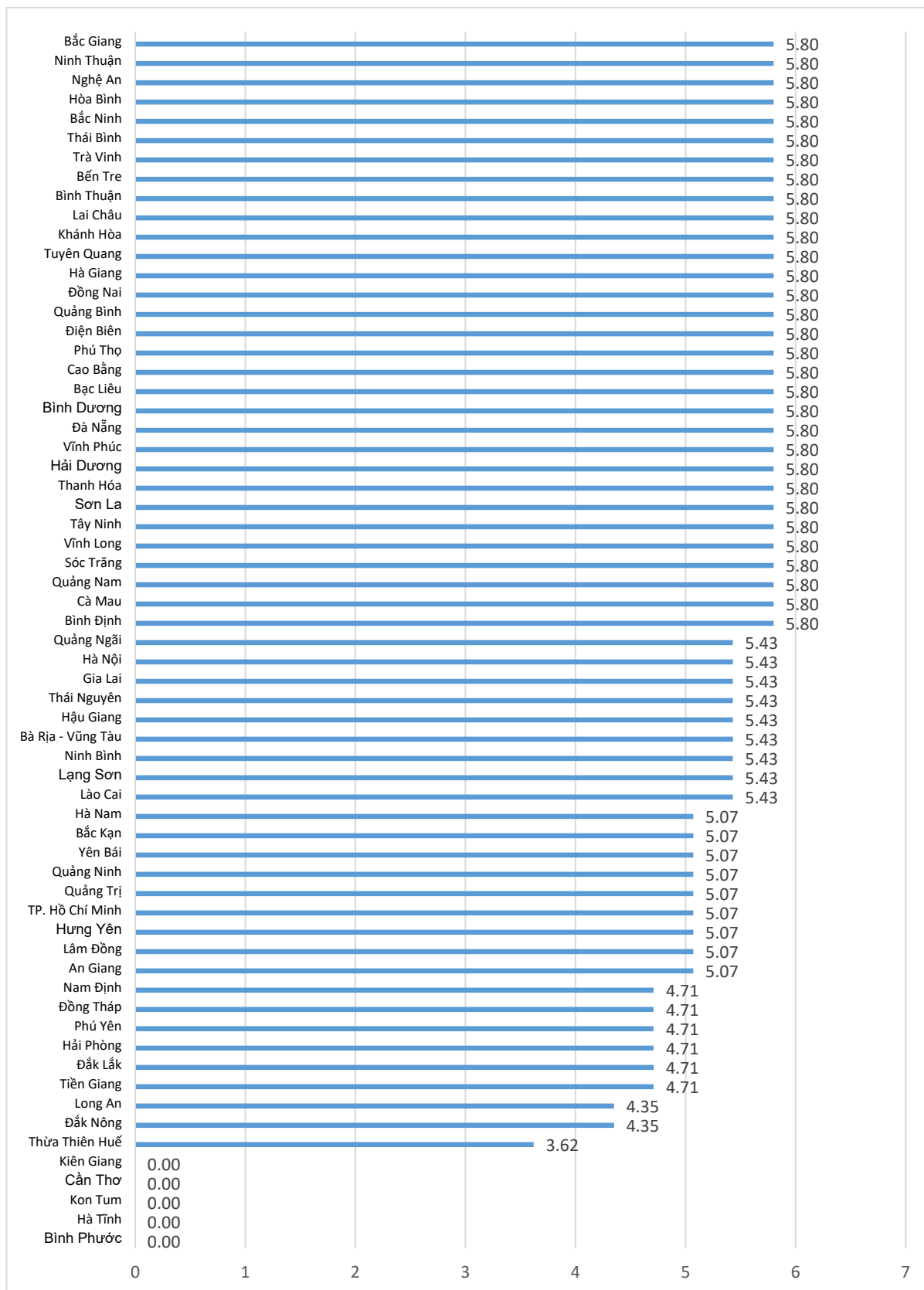
Các biểu bắt buộc phải công bố công khai theo Thông tư 343 trong tài liệu về tình hình thực hiện ngân sách quý (6 tháng) của tỉnh bao gồm biểu số 59 – Cân đối ngân sách địa phương quý, biểu số 60 – Ước thực hiện thu NSNN quý và biểu số 61 – Ước thực hiện chi ngân sách địa phương quý. Khảo sát POBI 2020 chỉ tiến hành chấm điểm đầy đủ nội dung của biểu số 59. Theo đó, 44 tỉnh (tương đương 69,84% số tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định, 9 tỉnh (tương đương 14,28% số tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và 7 tỉnh (tương đương 11,1% số tỉnh) không phản ánh đầy đủ 4 mục lớn theo quy định. Các tỉnh còn lại không công khai loại tài liệu này.

## **5. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH 9 THÁNG NĂM 2020**

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020 là một trong những tài liệu bắt buộc phải công khai có tỉ lệ số tỉnh công bố ở mức tương đối cao, cụ thể 58/63 tỉnh (tương đương 92%) có công khai loại tài liệu này, tăng thêm 3 tỉnh so với khảo sát POBI 2019.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020 là 5,8 điểm. Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy có 31 tỉnh đạt điểm tối đa, tăng 10 tỉnh so với khảo sát POBI 2019. Năm tỉnh không công khai tài liệu này là Bình Phước, Hà Tĩnh, Kon Tum, Kiên Giang và Cần Thơ.

**Hình 18: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2020 theo điểm POBI 2020**

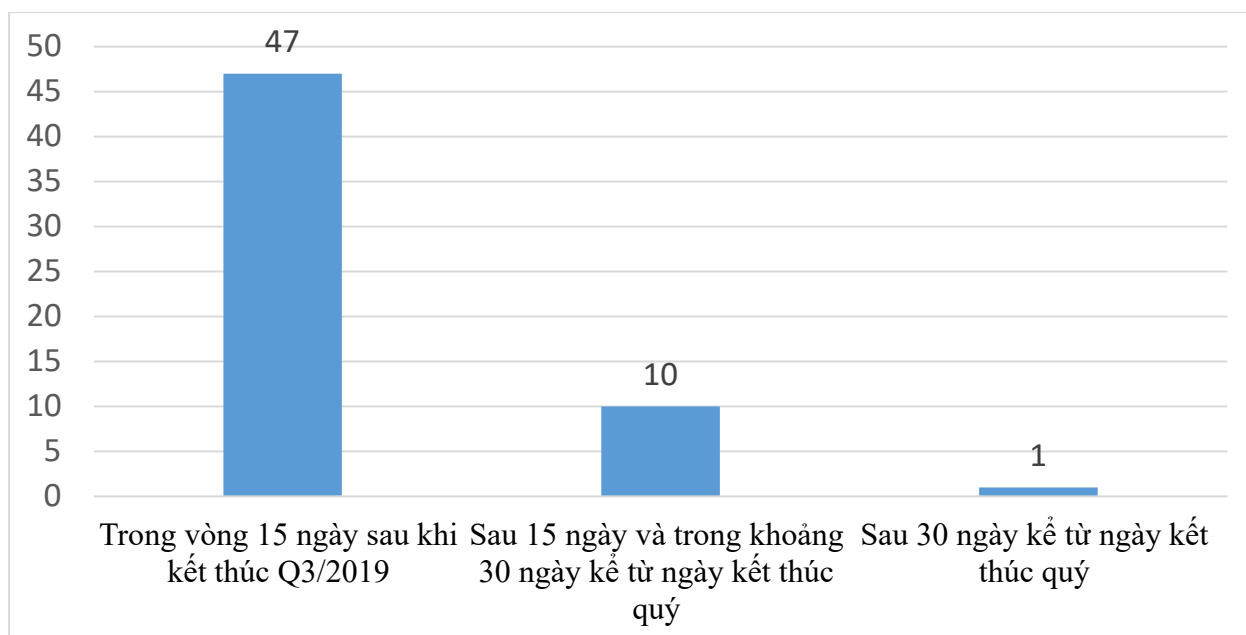


Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020



Số lượng các tỉnh công bố đúng thời hạn quy định của Thông tư 343 có sự cải thiện đáng kể. Có 47/63 tỉnh (tương đương 74,6% số tỉnh) công bố trong vòng 15 ngày sau khi kết thúc quý 3 năm 2020, tăng 15 tỉnh so với khảo sát POBI 2019. Có 10 tỉnh (tương đương 15,87%) công bố sau 15 ngày và trong khoảng 30 ngày, và chỉ có 01 tỉnh (tương đương 1,58%) công bố sau 30 ngày hoặc không xác định được thời điểm công bố.

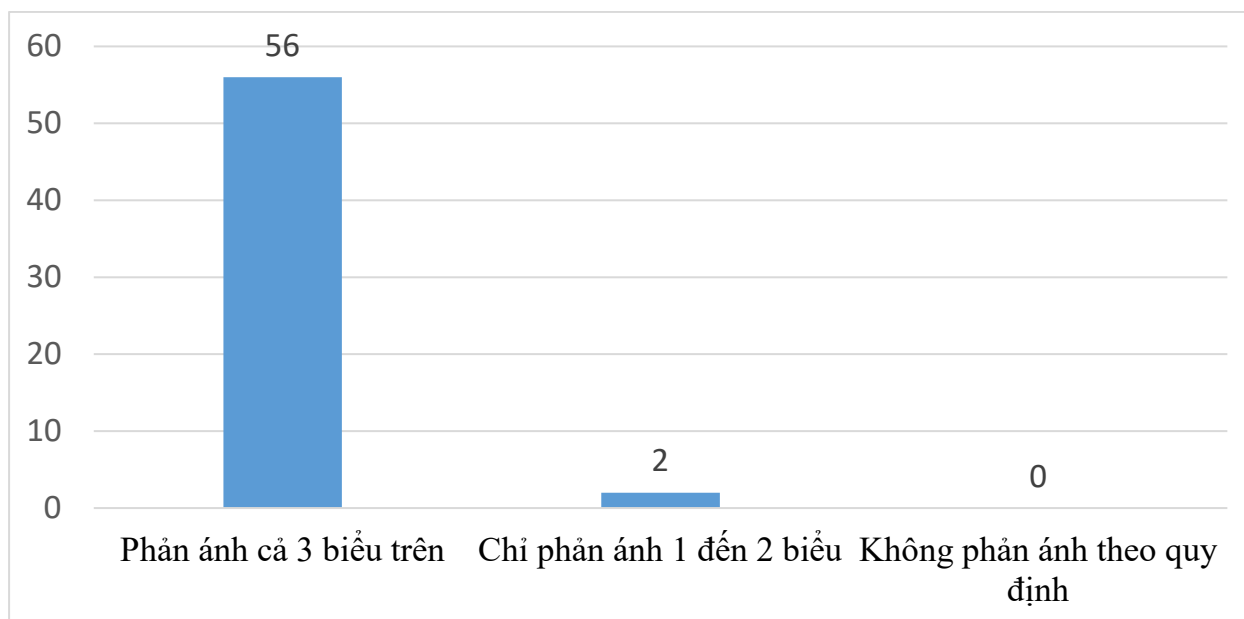
**Hình 19: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2020 phân theo thời gian công khai**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

Có tới 56 trong số 58 tỉnh có công khai báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020 phản ánh đầy đủ cả 03 biểu theo quy định của Thông tư 343 (chiếm tỉ lệ 88,8% trong tổng số 63 tỉnh, tăng 3 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Có 2 tỉnh (tương đương 3,17% trong tổng số 63 tỉnh) phản ánh 1 hoặc 2 biểu và không có tỉnh nào không công khai hoặc không phản ánh bất kỳ biểu nào theo quy định của Thông tư 343.

**Hình 20: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2020 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

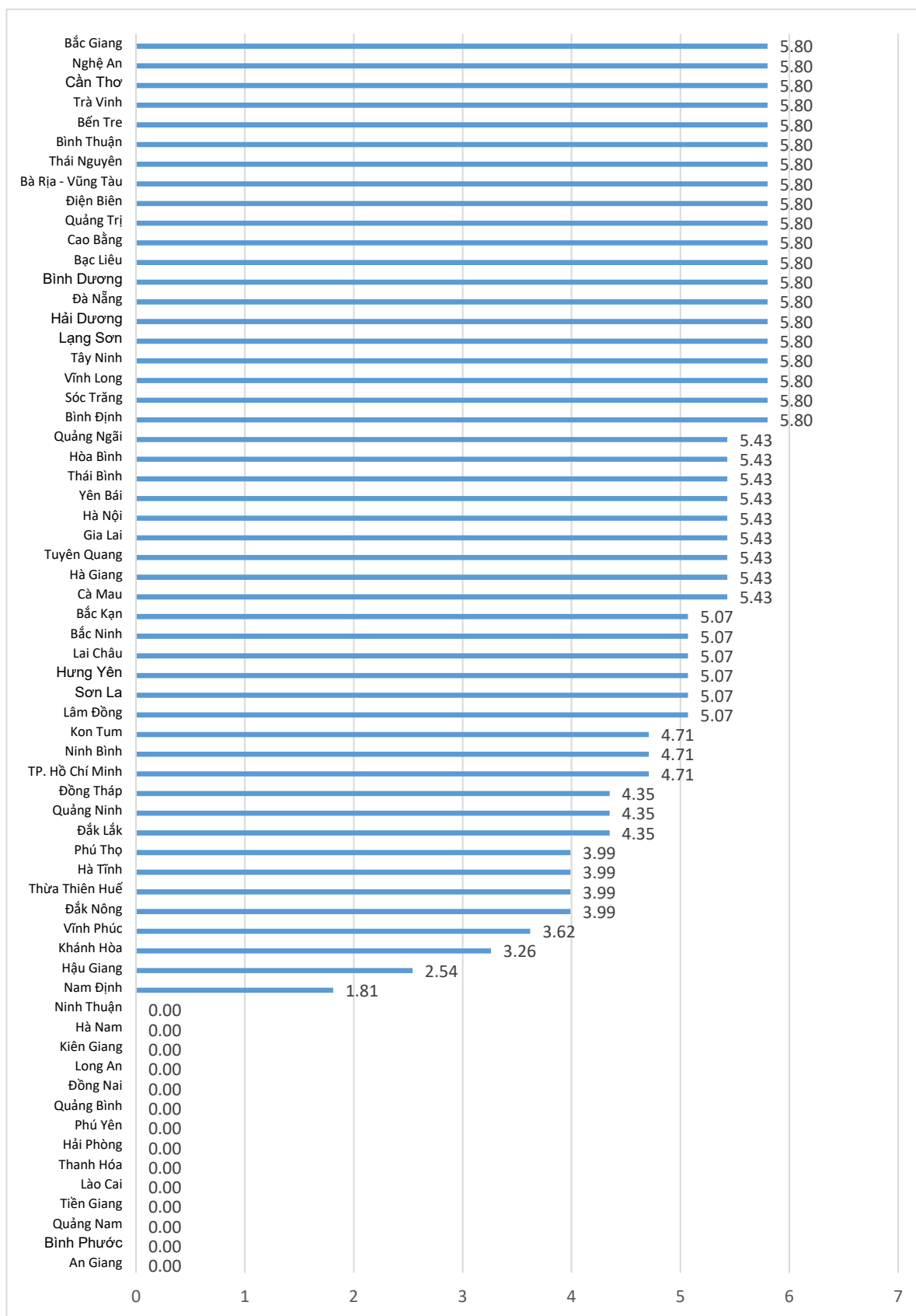
Các biểu bắt buộc phải công bố công khai theo Thông tư 343 trong tài liệu về tình hình thực hiện ngân sách quý (9 tháng) của tỉnh bao gồm biểu số 59 – Cân đối ngân sách địa phương quý, biểu số 60 – Ước thực hiện thu NSNN quý và biểu số 61 – Ước thực hiện chi ngân sách địa phương quý. Khảo sát POBI 2020 chỉ tiến hành chấm điểm đầy đủ nội dung của biểu số 59. Theo đó, 45 tỉnh (tương đương 71,42% số tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định, 8 tỉnh (tương đương 12,69% số tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và 5 tỉnh (tương đương 7,93% số tỉnh) không phản ánh đầy đủ 4 mục lớn theo quy định. Các tỉnh còn lại không công khai loại tài liệu này.

## **6. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH CẢ NĂM 2020**

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy chỉ có 49/63 tỉnh/thành phố có công khai tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020, giảm 4 tỉnh so với kết quả khảo sát POBI 2019. Điều này cho thấy có một bước lùi trong việc thực hiện công khai tài liệu này.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020 là 5,8 điểm. Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy có 20 tỉnh đạt điểm tối đa, tăng 4 tỉnh so với khảo sát POBI 2019. Có 14 tỉnh không công khai tài liệu này bao gồm: An Giang, Bình Phước, Quảng Nam, Tiền Giang, Lào Cai, Thanh Hoá, Hải Phòng, Phú Yên, Quảng Bình, Đồng Nai, Long An, Kiên Giang, Hà Nam, Ninh Thuận.

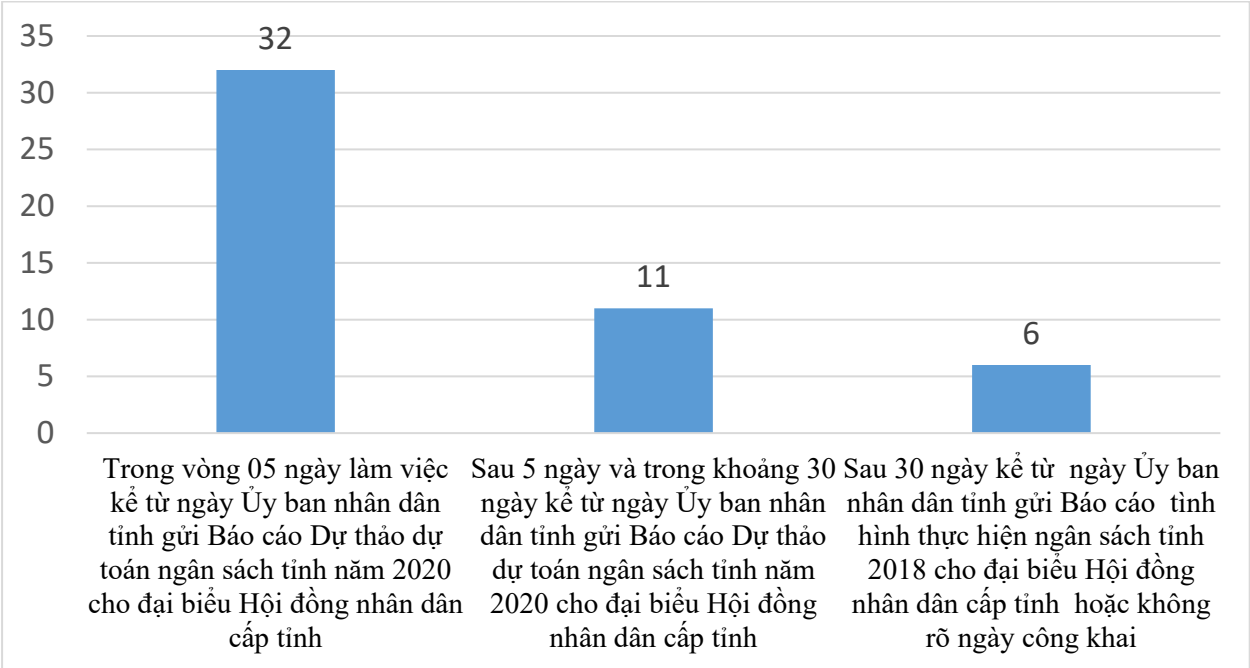
**Hình 21: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020 theo điểm POBI 2020**



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Có 32 tỉnh có công khai tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 công bố đúng thời hạn trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 2020 cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (chiếm tỉ lệ 50,79% trong tổng số 63 tỉnh thành, tăng 4 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Có 11 tỉnh (tương đương 17,46%) công khai sau 5 ngày và trong khoảng 30 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 2020 cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, 6 tỉnh (tương đương 9,52%) công khai sau 30 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 2020 cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc không rõ ngày công khai.

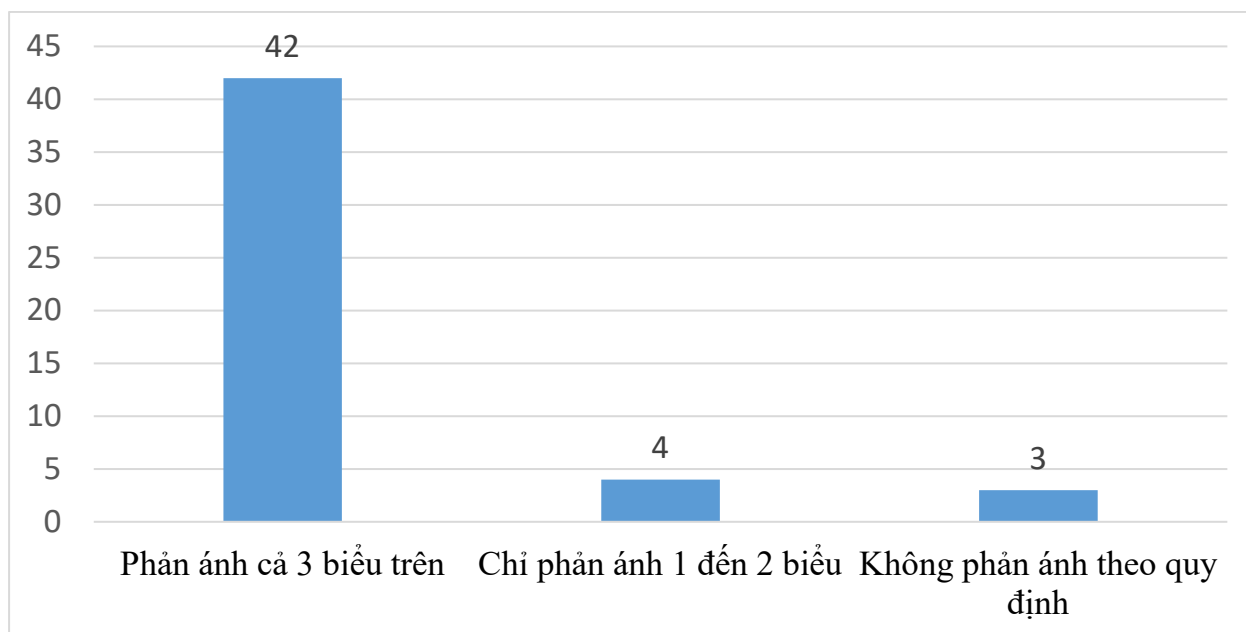
**Hình 22: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 phân theo thời gian công khai**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

Trong số 49 tỉnh có công bố công khai tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, có 42 tỉnh (tương đương 66.67%) phản ánh đầy đủ cả ba biểu theo quy định của Thông tư 343, có 4 tỉnh phản ánh một hoặc hai biểu, (tương đương 6,35%) và có 3 tỉnh (tương đương 4,76%) không phản ánh bằng biểu nào theo quy định.

**Hình 23: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

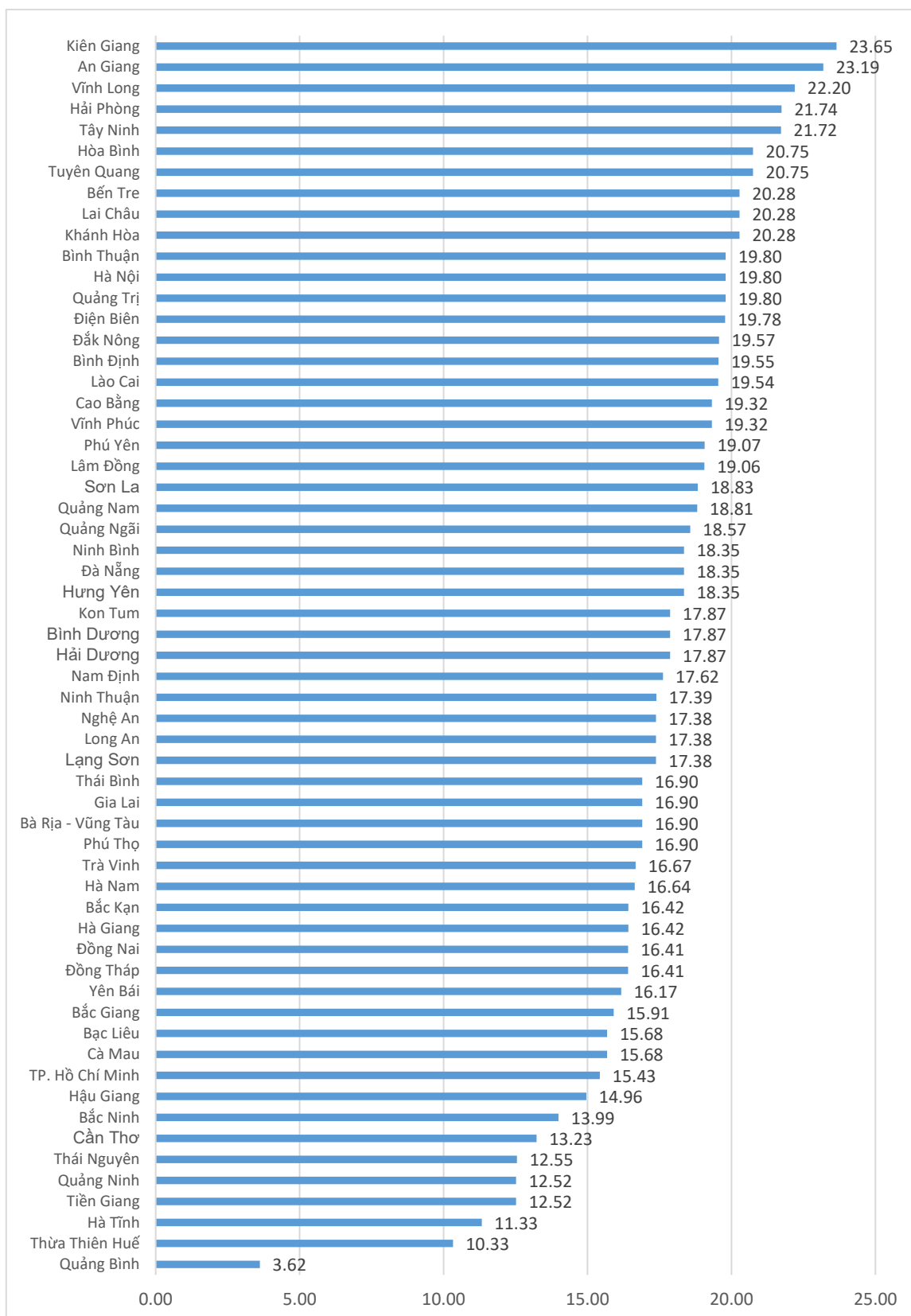
Các biểu bắt buộc phải công bố công khai theo Thông tư 343 trong tài liệu về báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm 2019 của tỉnh bao gồm biểu số 59 – Cân đối ngân sách địa phương năm, biểu số 60 – Ước thực hiện thu NSNN năm và biểu số 61 – Ước thực hiện chi ngân sách địa phương năm. Khảo sát POBI 2019 chỉ tiến hành chấm điểm đầy đủ nội dung của biểu số 59 – Cân đối ngân sách địa phương năm 2020. Theo đó, 35 tỉnh (tương đương 55,55% số tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định, 5 tỉnh (tương đương 7,93%) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và 9 tỉnh (tương đương 14,28%) không phản ánh đầy đủ 8 mục lớn theo quy định. Các tỉnh còn lại (14 tỉnh) không công khai loại tài liệu này.

## **7. BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2019 ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÊ CHUẨN**

Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 là tài liệu ngân sách có số lượng các tỉnh công bố công khai tương đối cao. Kết quả khảo sát cho thấy có 59/63 tỉnh thành (tương đương 93,65%) có công bố công khai loại tài liệu này, tăng 2 tỉnh so với kết quả khảo sát POBI 2019 đối với quyết toán ngân sách tỉnh năm 2018.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 là 24,64 điểm. Kết quả POBI 2020 cho thấy chưa có tỉnh nào đạt số điểm tối đa đối với tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019. Kiên Giang là tỉnh có số điểm cao nhất với 23,65 điểm. Bình Phước, Sóc Trăng, Thanh Hoá và Đắk Lắk là bốn tỉnh không công khai tài liệu này.

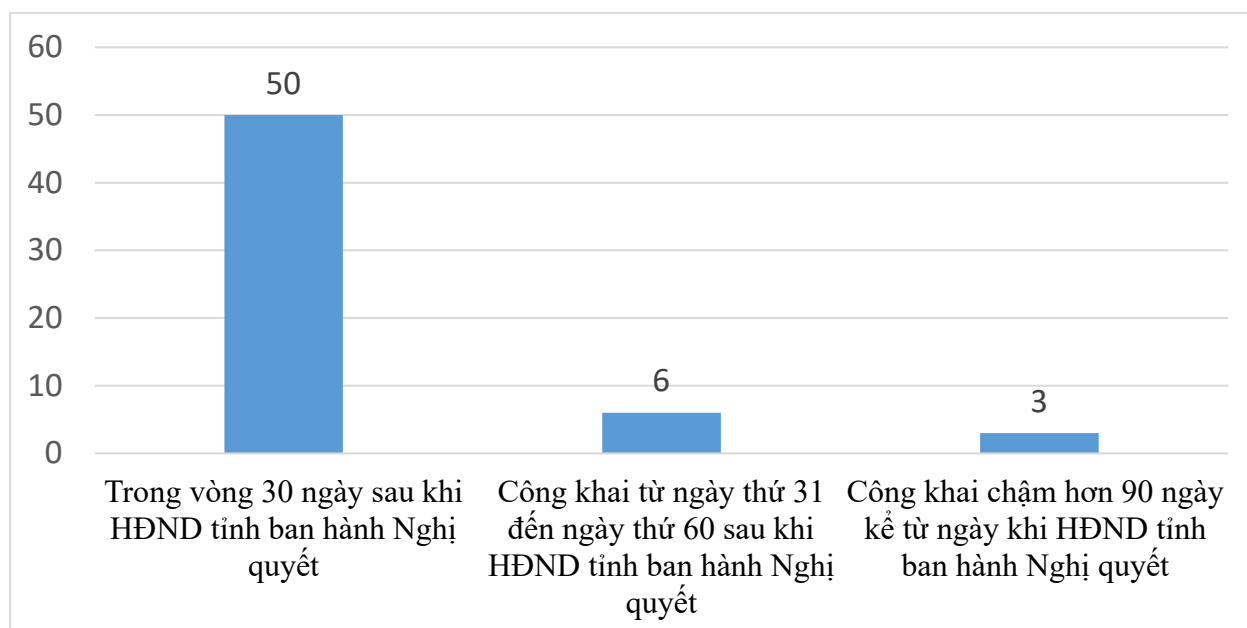
**Hình 24: Xếp hạng các tỉnh có công bố Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 theo điểm POBI 2020**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 cũng là loại tài liệu có tỉ lệ các tỉnh công bố đúng thời hạn tương đối cao. Có 50 tỉnh (tương đương 79,36%) công bố tài liệu này trong vòng 30 ngày sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phê chuẩn Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2018, đúng thời hạn quy định của Thông tư 343, tăng 10 tỉnh so với kết quả khảo sát POBI 2019. Có 6 tỉnh (tương đương 9.52%) công khai kể từ ngày thứ 31 đến ngày thứ 60, và 3 tỉnh (tương đương 4,76%) công khai chậm hơn 60 ngày hoặc không xác định được chính xác thời điểm công khai.

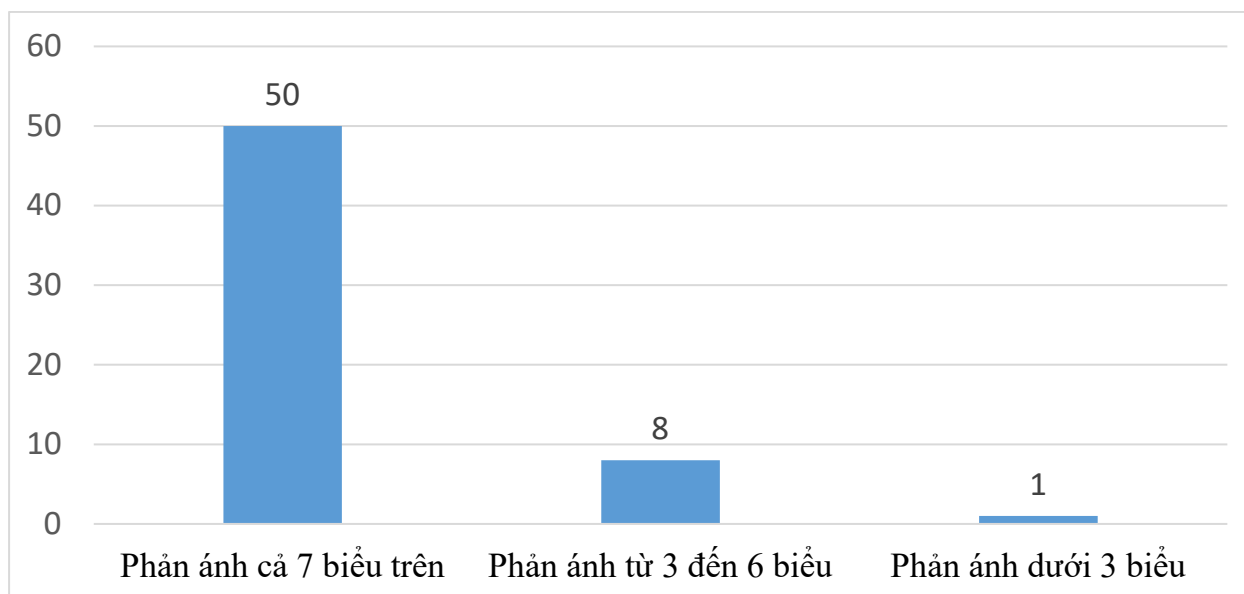
**Hình 25: Số tỉnh công bố tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 phân theo thời gian công khai**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

Trong số 59 tỉnh công bố Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019, có 50 tỉnh (tương đương 79,36%) phản ánh đầy đủ 07 bảng biểu theo quy định của Thông tư 343, tăng 4 tỉnh so với khảo sát POBI năm 2019. Có 8 tỉnh phản ánh từ 03 đến 05 biểu (tương đương 12.69%) và chỉ có 1 tỉnh (tương đương 1,58%) phản ánh dưới 03 biểu.

**Hình 26: Số tỉnh công bố tài liệu quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020*

Tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh theo quy định của Thông tư 343 gồm 07 bảng biểu, từ biểu số 62 đến biểu số 68. Khảo sát POBI 2020 tiến hành chấm điểm đầy đủ trong việc công khai nội dung của các bảng biểu số 62 – Cân đối ngân sách địa phương năm 2018, biểu số 63 – Quyết toán thu NSNN năm 2018 và biểu số 65 – Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực năm 2018.

Đối với biểu số 62 – Biểu Cân đối ngân sách địa phương năm 2019, 50 tỉnh (tương đương 79,36%) phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định, tăng 7 tỉnh so với khảo sát POBI 2019. Có 4 tỉnh (tương đương 6,35%) phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ, 5 tỉnh (tương đương 7,93%) không phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn theo quy định.

Đối với biểu số 63 – Biểu Quyết toán thu NSNN năm 2019, có 36 tỉnh (tương đương 57,14%) phản ánh cụ thể các nguồn thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 mục nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế, tăng 5 tỉnh so với khảo sát POBI năm 2019. Có 15 tỉnh (tương đương 23,8%) phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và không chi tiết theo từng loại thuế. Có 6 tỉnh (tương đương 9,5%) phản ánh các nguồn thu nội địa cụ thể song ít hơn 18 mục nhỏ theo quy định. Chỉ có 2 tỉnh (tương đương 4,76%) không phản ánh các nguồn thu nội địa cụ thể hoặc không có biểu 63.

Đối với biểu số 65 – Biểu Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực năm 2019, 50 tỉnh (tương đương 79,37%) phản ánh đầy đủ 3 mục lớn và các mục nhỏ. Có 5 tỉnh



(tương đương 7,93%) phản ánh đầy đủ 3 mục lớn, nhưng không chi tiết các mục nhỏ. Có 4 tỉnh (tương đương 6,35%) có phản ánh nhưng không đầy đủ theo quy định.

POBI 2020 là năm thứ hai chấm điểm tiêu chí về mức độ tin cậy về các khoản chênh lệch giữa dự toán và quyết toán thu/chi ngân sách đối với cả 4 mục lớn: (i) Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, phản ánh trong Mục A.1 Biểu 62 Thông tư 343; (ii) Chi cân đối ngân sách địa phương năm 2018, phản ánh trong Mục B.I Biểu 62 Thông tư 343; (iii) Chi đầu tư phát triển, phản ánh trong Mục B.I.1 Biểu 62 Thông tư 343; (iv) Chi thường xuyên, phản ánh trong Mục B.I.2 Biểu 62 Thông tư 343. Ngoài ra, POBI 2020 còn tiến hành chấm điểm tiêu chí mức độ tin cậy đối với dự toán Tổng thu ngân sách của địa phương (Mục A Biểu 62 Thông tư 343). Kết quả cụ thể như sau:

- Đối với dự toán tổng thu ngân sách địa phương: Chỉ có 3 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về tổng thu ngân sách tỉnh năm 2019, chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2019 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 2 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với tổng quyết toán thu NSDP. Không có tỉnh nào phản ánh số thu dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với tổng quyết toán thu NSDP. Có tới 54 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch 15% trở lên so với tổng quyết toán thu NSDP hoặc con số trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.
- Đối với dự toán thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: Có 9 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp năm 2019, chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2019 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 8 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với tổng quyết toán thu NSDP. Có 7 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với tổng quyết toán thu NSDP. Có 35 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch 15% trở lên so với tổng quyết toán thu NSDP hoặc con số trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.
- Đối với dự toán chi cân đối ngân sách địa phương: Có 19 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về khoản chi cân đối ngân sách địa phương, chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2019 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 10 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với quyết toán chi cân đối ngân sách địa phương. Có 7 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với quyết toán chi cân đối ngân sách địa phương. Có 23 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch 15% trở lên so với quyết toán chi cân đối ngân sách địa phương hoặc con số trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.

- Đối với dự toán chi đầu tư phát triển: Có 8 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về khoản chi đầu tư phát triển, chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2019 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 5 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với quyết toán chi đầu tư phát triển. Có 11 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với quyết toán chi đầu tư phát triển. Có 35 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch 15% trở lên so với quyết toán chi đầu tư phát triển hoặc con số trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.
- Đối với dự toán chi thường xuyên: Có 25 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về khoản chi thường xuyên, chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2019 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 17 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với quyết toán chi ngân sách từ chi thường xuyên. Có 10 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với quyết toán chi thường xuyên. Có 7 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch 15% trở lên so với quyết toán chi thường xuyên hoặc số liệu dự toán và quyết toán trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.

## **8. BÁO CÁO NGÂN SÁCH DÀNH CHO CÔNG DÂN NĂM 2021**

Báo cáo ngân sách công dân là tài liệu không bắt buộc công khai theo Luật NSNN 2015, nhưng cần phải công khai theo thông lệ tốt của quốc tế. Số lượng các tỉnh công bố báo cáo ngân sách công dân tăng từ 1 tỉnh trong kỳ khảo sát 2018 lên 14 tỉnh trong POBI 2019. Năm 2020, số tỉnh có công bố báo cáo ngân sách dành cho công dân là 22 tỉnh, bao gồm: Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Định, Bình Dương, Cao Bằng, Đà Nẵng, Điện Biên, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Hoà Bình, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Ninh Bình, Ninh Thuận, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Tây Ninh, Hồ Chí Minh, Trà Vinh, Tuyên Quang và Vĩnh Long. Kết quả này cho thấy, các tỉnh đã có nỗ lực công khai ngân sách theo đúng quy định của Việt Nam và thông lệ tốt của quốc tế.

Trong số các tỉnh có công khai báo cáo ngân sách dành cho công dân, có 16 tỉnh công khai trong vòng 30 ngày sau khi HĐND cấp tỉnh ban hành Nghị quyết. Có 4 tỉnh công khai trong khoảng từ 31 đến 60 ngày. Có 1 tỉnh công khai sau 60 ngày và có 1 tỉnh không xác định được rõ ngày công khai tài liệu.

## **9. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**

Kế hoạch đầu tư công năm 2021 hay còn gọi là Danh mục dự án đầu tư công năm 2021 là tài liệu được các tỉnh công khai tương đối đầy đủ với 51 tỉnh công khai (tương đương với 80,95%), tăng 1 tỉnh so với khảo sát POBI năm 2019. Trong số đó, có 33 tỉnh (tương đương với 52,38%) công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Có 9 đơn vị công bố tài liệu ở định dạng PDF nhưng có thể chuyển đổi sang word/excel. Có 9 đơn vị công bố tài liệu ở định dạng PDF scan, không thuận tiện cho việc sử dụng.

Trong số 51 tỉnh có công khai kế hoạch đầu tư công năm 2021, có 50 tỉnh (tương đương 79,36% trong tổng số 63 tỉnh) công bố tài liệu đi kèm với ngày công khai, 1 tỉnh (tương đương 1,58% trong tổng số 63 tỉnh) có công bố tài liệu nhưng không đi kèm với ngày công khai trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh.

## **10. BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ CÔNG CỦA TỈNH NĂM 2020 HOẶC 2021**

POBI 2020 cũng chấm điểm về việc công khai Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh trong năm 2020 hoặc 2021. Có 30 tỉnh (tương đương 47,61%) công bố tài liệu này. Trong số đó có 23 tỉnh (tương đương 36,5%) công bố tài liệu và chi tiết (i) Số dư nợ đầu năm (chi tiết theo từng nguồn vay); (ii) Số vay trong năm (chi tiết vay trả nợ gốc, vay để bù đắp bội chi); (iii) Số trả nợ trong năm (chi trả nợ lãi, phí và các chi phí khác liên quan đến các khoản vay của chính quyền địa phương; chi trả nợ gốc); và (iv) Số dư nợ cuối năm (chi tiết theo từng nguồn vay).

## **11. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC NĂM 2017, 2018 HOẶC 2019**

POBI 2020 là năm đầu tiên tiến hành chấm điểm công khai tài liệu Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước một trong các năm 2017, 2018 hoặc 2019. Kết quả cho thấy có 20 trên tổng số 63 tỉnh có công bố tài liệu này trên các trang TTĐT của tỉnh.

## **12. CÁC TÀI LIỆU KHÔNG CHẤM ĐIỂM POBI 2020**

Có 05 tài liệu ngân sách không tính điểm trong POBI 2020 nhưng khuyến khích các tỉnh công khai gồm có: (i) Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, (ii) Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019, (iii) Báo cáo tài chính của tỉnh, (iv) Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023, và (v) Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Tổng điểm cho các tài liệu khuyến khích công khai trong POBI 2020 là 500 điểm. Không có tỉnh nào đạt điểm tối đa đối với nhóm tài liệu khuyến khích công khai. Quảng Nam, Bà Rịa-Vũng Tàu và Lạng Sơn là ba tỉnh công bố nhiều nhất với 4/5 loại tài liệu khuyến khích công khai.

Trong số các tài liệu không tính điểm, tài liệu được các tỉnh công khai nhiều nhất đó là Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025 với 31 tỉnh có công bố. Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 có 27 tỉnh công bố, tài liệu Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 có 24 tỉnh công bố, 16 tỉnh có công bố Báo cáo tài chính của tỉnh và chỉ có 02 tỉnh có công bố kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước trong ít nhất một năm 2017, 2018 hoặc 2019.



Minh bạch vì Công bằng và Phát triển



**Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP)** ra đời với mục đích tìm kiếm, thử nghiệm và thúc đẩy việc áp dụng các giải pháp hiệu quả hướng tới công khai minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân trong quy trình ngân sách nhà nước tại Việt Nam, góp phần tạo ra những thay đổi tích cực để đảm bảo công bằng cho mọi người và sự phát triển chung của đất nước.

**Khảo sát Chỉ số Công khai Ngân sách tỉnh (POBI)** là khảo sát đầu tiên ở Việt Nam về mức độ công khai ngân sách tỉnh, do Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP) chủ trì, Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI) và Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) thực hiện. Kết quả khảo sát là công cụ giúp các địa phương và cơ quan trung ương tham chiếu, đo lường mức độ công khai, minh bạch trong quản lý ngân sách nhà nước tại các tỉnh. POBI cũng là công cụ hỗ trợ Việt Nam thực hiện cải cách hành chính và tài khoá tốt hơn, góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển bền vững SDG 16 về minh bạch, giải trình có sự tham gia của người dân.